

# TẠP CHÍ MINH HUỆ

Số 01 - Tháng 02/2023



*Mạn đàm về  
Văn Hoá Truyền Thống*





Viết trong bức tranh:  
“Sứ giả mùa Xuân”

Kỷ niệm 10 năm Pháp Luân Đại Pháp hồng truyền  
Bới Thái Hạng [Bút danh của Chương Thúy Anh]

Ngày 13 tháng 5 năm 2002.  
[Triệu con dâu của Chương Thúy Anh]

## Lời tựa

Lịch sử nhân loại bao đời nay đã hình thành nên rất nhiều thể hệ văn hóa đa dạng, cùng tồn tại với các thể hệ chế độ xã hội. Trên thế giới hiện nay, Trung Quốc là đất nước duy nhất có nền văn minh cổ đại được kế thừa liên tục trên 5.000 năm. Những nền văn minh lâu đời khác như Maya, Ai Cập, La Mã, v.v. đã bị đứt quãng hoặc tuyệt diệt.

Nền văn hóa Trung Hoa, được tin là do Thần truyền xuống, đã bắt đầu với những thần thoại như Bàn Cổ khai thiên địa, Nữ Oa tạo ra con người, đến Thần Nông nếm thử trăm loại thảo dược... Thần phù trợ nhân loại đi qua bao năm tháng từ thời mông muội khai thiên lập địa. Văn hóa truyền thống Trung Hoa hướng đến sự hài hòa giữa con người và vũ trụ, chú trọng vào đạo đức và luân lý cá nhân. Nó dựa trên tín ngưỡng tu luyện của Nho gia, Phật gia, Đạo gia, để giáo dưỡng nên lòng khoan dung, sự tiến bộ xã hội, sự bảo vệ đạo đức con người, và tín ngưỡng chân chính. Trung, hiếu, tiết, nghĩa là tiêu chuẩn làm người trong xã hội Trung Hoa xưa. Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín đã đặt nền tảng đạo đức cho từng cá nhân và toàn xã hội. Với những nguyên tắc này, văn hóa Trung Hoa thể hiện ra sự chính tín, lương thiện, hòa ái và bao dung, cũng là giá trị mang tính phổ quát cho toàn nhân loại.

Thế nhưng ngày nay, trong dòng chảy xiết của xã hội hiện đại, người ta thường chạy theo các giá trị vật chất, kim tiền mà lãng quên dần đi các giá trị văn hóa truyền thống với cốt lõi là văn hóa tín Thần, coi trọng các giá trị đạo đức, tâm linh vốn tin vào thiện ác hữu báo... Theo dòng lịch sử, một số nền văn minh lớn từng huy hoàng nay đã diệt vong. Bằng chứng cho sự “biến mất” của các nền văn minh ấy đều có chung nguyên nhân là đạo đức con người bại hoại và lối sống suy đồi tới mức “Thần cũng phải ruồng bỏ con người”.

Ban Biên tập Minh Huệ Việt Ngữ xin gửi tới quý độc giả cuốn “Tập Chí Minh Huệ Việt Ngữ Số 01” được tập hợp từ loạt bài viết xoay quanh chủ đề Văn hóa Truyền thống xuyên suốt chiều dài lịch sử 5.000 năm văn minh nhân loại. Hy vọng có thể giúp quý độc giả có được cái nhìn sâu sắc hơn về những giá trị văn hóa cốt lõi được truyền thừa từ những bậc hiền nhân cổ xưa, giúp duy trì sự ổn định và phát triển bền vững cho nền văn minh này. Việc gìn giữ và bảo tồn các giá trị văn hóa đó, là trách nhiệm của các thế hệ hậu nhân chúng ta, nếu như không muốn nền văn minh của mình vào một ngày nào đó sẽ bị biến mất.

**Ban Biên tập Minh Huệ Việt Ngữ**



Mục Lục

VĂN SỬ MẠN ĐÀM - 5

- 6 Phục hưng văn hoá Thần truyền - Cảm ngộ ý nghĩa văn hoá
- 10 Nói về ý nghĩa văn nhân - “Thiên nhân hợp nhất” trong văn hoá truyền thống
- 14 Vẻ đẹp của Trung và Hoà
- 15 Những câu chuyện Đông - Tây về chữ “Nhân”

GIÁO DỤC - 17

- 18 Văn hoá Thần truyền - Chuyện dạy con của người xưa
- 20 Những câu chuyện xưa về người mẹ tài đức giáo dục con cái
- 22 Cách dạy con của người xưa - Trọng đức và tu thân
- 23 Đàm luận từ một ngày ở Vô Dật Trai
- 25 Văn hoá thần truyền - Quan niệm làm chính trị trong văn hoá truyền thống

NGHỆ THUẬT- ÂM NHẠC - 28

- 29 Văn hoá và tinh thần triều đại nhà Đường
- 33 Nhạc trước thuốc sau: Đức âm nhã nhạc có hiệu quả kỳ diệu
- 35 Shen Yun: Đức Âm Nhã nhạc

DIỄN ĐÀN BÌNH LUẬN - 37

- 38 Cốt lõi của văn hoá Thần truyền là tu luyện
- 40 Thiển đàm về sự tồn tại của Thần
- 45 Khoa học có thể chứng minh có Thần không?
- 48 Nhân loại bị đầu độc bởi thuyết vô thần
- 49 Pháp Luân Đại Pháp - Môn tu luyện để đề cao đạo đức, tâm tính và sức khoẻ
- 51 Những câu chuyện về phép tắc nhân quả thời xưa

NHÂN SINH CẢM NGỘ - 53

- 54 Tích đức hành thiện là phong thủy tốt nhất
- 56 Cổ tích và hiện thực
- 58 Thay đổi số mệnh một cách kỳ diệu
- 60 Pháp Luân Thánh Vương truyền chính Pháp và độ nhân tại thế gian
- 62 Hoa Ưu Đàm 3.000 năm nở một lần - Nay đang khai nở nói với chúng ta điều gì?

VĂN HOÁ  
TRUYỀN THỐNG

Văn Sử Mạn Đàm



Khung cảnh ngày Đản sinh Đức Phật.



# PHỤC HƯNG VĂN HÓA THẦN TRUYỀN

## Cảm ngộ ý nghĩa văn hóa

**N**gười xưa cho rằng Đạo sinh ra vũ trụ, Đạo sinh ra trời đất, Đạo là nguồn gốc của vạn vật, là nhân của vạn nhân. Văn hóa truyền thống Trung Hoa là do Thần truyền cho con người, là thành tựu bởi Đạo, và lấy Đạo làm gốc rễ. Các Thánh hiền cổ đại thừa Thiên mệnh mà đến thế gian giáo hóa muôn dân, khiến mọi người trọng đức hướng Đạo. Nội dung chủ yếu của văn hóa truyền thống bao gồm rất nhiều tầng diện như tín ngưỡng chính thống, quan niệm đạo đức, đường hướng của giá trị, chế độ lễ nghĩa, phương thức sống, phong tục tập quán, văn hóa nghệ thuật, hình thái ý thức của nó cắm rễ ở học thuyết tư tưởng của 3 gia phái là Nho gia, Phật gia và Đạo gia, có nội hàm rộng lớn tinh sâu. Bài viết tìm hiểu và thảo luận ở mấy phương diện như Thiên – Nhân hợp nhất, vẻ đẹp của Trung – Hòa, và đường hướng của giá trị.

### 1. Lai lịch và khởi nguồn của văn hóa

Từ “Văn hóa” xuất hiện sớm nhất trong “Dịch thư” rằng: “Quan sát thiên văn để xét sự thay đổi thời, quan tâm nhân văn để giáo hóa thiên hạ”. Thiên văn, địa văn, nhân văn, đây là khái niệm có trọng lượng lớn trong văn hóa truyền thống. Thiên – Địa – Nhân được gọi là Tam Tài.

Về thiên tượng, câu mở đầu sách “Hoàng Đế thư” viết rằng: “Quan sát Đạo của trời, nắm được sự vận hành của trời, đó là tận thiện tận mỹ rồi”. Ý nghĩa là: có thể phân biệt rõ các tượng mà thiên văn thể hiện ra để quy phạm đạo đức xã hội, hành vi

con người hợp với thiên tượng, như thế là tận thiện tận mỹ rồi, tức là cái gọi là “Quan sát thiên văn để xét sự thay đổi thời, quan tâm nhân văn để giáo hóa thiên hạ”. Sách “Thuyết văn giải tự” cũng viết: “Cái hiển thị của Đạo gọi là văn”, “Hóa là dạy thực hành”. Tức là dùng người để giáo hóa, dùng luân lý giáo hóa, “thuận theo hiển tượng mà trời hiển thị ra” để giáo hóa thiên hạ, đó chính là lai lịch của văn hóa.

Từ “Nhân văn” ở đây xuất hiện cùng với “Thiên văn”, là chỉ quy tắc vận hành của xã hội nhân loại, đạo lý và quy phạm của thế giới nhân gian, đều phải tuân theo quy luật của Thiên Đạo, phép tắc của vũ trụ. Trong lịch sử, những Thánh hiền quân tử đạo đức cao thượng là những người tu luyện cảm ngộ và thực hành chân lý, không người nào không hành xử thuận theo Thiên ý, tu thân chứng Đạo, thiện hóa dân chúng. Theo các ghi chép văn hiến như Phục Hy diễn dịch Bát quái; Thần Nông nếm bách thảo; Nghiêu, Thuấn, Vũ dùng đức trị sửa thế nhân, dẫn dắt người dân thờ Trời; Văn Vương tiên đoán như Thần; Lão Tử kế thừa văn hóa Thượng cổ; “Kinh Dịch” ghi chép, luận thuật về quy luật trời đất, âm dương, vũ trụ, xã hội và nhân sinh ra đời; Khổng Tử kế thừa văn hóa Nho gia trị thế an bang; Phật giáo của Phật Thích Ca Mâu Ni truyền vào... Tín ngưỡng Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo đã kiến lập một thể hệ đạo đức vô cùng ổn định cho người Trung Quốc nói riêng và người Á Đông nói chung. Thể hệ đạo đức này là nền móng mà xã hội dựa vào đó để tồn tại, an định và hài hòa.

### 2. Nội dung và giá trị chủ yếu của văn hóa truyền thống

Nghĩa lý của Tam giáo: Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo là cốt lõi của văn hóa truyền thống, nó không chỉ có tác dụng đối với diện mạo tinh thần của con người, mà còn sinh ra quan niệm và khí tiết chung của cộng đồng, dân tộc, quốc gia. Nét đặc trưng dân tộc biểu hiện ra trong văn hóa truyền thống là kính Trời kính Thần, trọng lễ hiếu nghĩa, sùng đức báo ân... Đạo gia giảng Chân, Phật gia giảng Thiện, Nho gia giảng Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín... trong đó chứa đầy sự tìm tòi và cảm ngộ đối với chân lý vũ trụ và ý nghĩa đích thực của cuộc đời, đã trả lời câu hỏi con người từ đâu đến, rồi đi về đâu, cuộc đời có phải còn có ý nghĩa cao cả hơn và có giá trị vĩnh hằng hay không, nên làm người, thăng hoa cảnh giới đạo đức như thế nào, cho đến đạt tiêu chuẩn của Phật Đạo Thần, đã chỉ ra phương hướng tâm linh cho con người.

Từ ý nghĩa đặc định mà nói, một bộ “Nhị thập tứ sử” đồ sộ chính là một bộ liệt truyện tiết nghĩa “Phụ quý không thể mê hoặc được, bản tiện không làm thay đổi được, uy vũ không thể khuất phục được” được viết bằng khí tiết và tín niệm. Đạo đức quan của văn hóa truyền thống là chỗ dựa để tâm linh vươn lên và là chuẩn mực quy phạm hành vi con người, nó chứa đựng suối nguồn tinh thần bất tận cho người đời sau, hơn nữa nó trực tiếp thúc đẩy sự hình thành phát triển và nâng cao cảnh giới của các loại hình nghệ thuật truyền thống như văn học, âm nhạc, hội họa, thư pháp... Nội hàm thâm sâu của nó cần con người trong chính tín thăng hoa cảnh

giới đạo đức để từng bước từng bước cảm nhận và thể nghiệm.

Sức mạnh của tín ngưỡng đạo đức có thể khiến thế giới không có phân tranh, chỉ có sự bình hòa thâm trầm. Đối diện với thế sự hỗn loạn và cảnh khốn cùng, nó có thể khiến con người có được một miền Tịnh Thổ của tâm linh, có thể khiến con người giữ được sự bình lặng của tâm hồn. Trước sự chia rẽ giữa lợi ích và đạo đức, chúng ta còn có một ranh giới tiêu chuẩn đạo đức, do đó chúng ta không bị mê mất tự ngã, trong bất kỳ lúc nào cũng không trái với ý nguyện và lương tâm mình, vĩnh viễn không suy bại, vĩnh viễn có thể nhìn thấy hy vọng. Nếu có thể thuận ứng theo lẽ trời, thì có thể làm đến bậc Thánh nhân, hiền nhân, thành Tiên thành Phật, chứng ngộ Đại Đạo, tế thế độ nhân, tạo lập cực đỉnh muôn đời. Khi mất đi nền văn minh đạo đức thì những thứ hư vọng tà tịch sẽ thừa cơ hờ lên vào, khiến con người bước sang đường tà.

### 3. Tính chất đặc trưng của văn hóa truyền thống

Văn hóa 5.000 năm Trung Hoa mệnh mông, trải qua toàn bộ lịch sử văn minh nhân loại, biểu hiện ra sức dung hợp và sức sống cực lớn. Tính bao dung to lớn của nó thể hiện trên quan niệm văn hóa đa nguyên khai phóng, bằng tư thế khai phóng, tấm lòng rộng lớn, đã hình thành nên khí chất và truyền thống đặc biệt “kiềm thu tính súc” (thu nạp dung nạp những thứ khác nhau), “hữu dung nãi đại” (bao dung nên trở nên vĩ đại), “hòa nhi bất đồng” (hài hòa nhưng không hòa đồng), “cầu

đồng tồn dị” (tìm kiếm những cái tương đồng và bảo lưu những khác biệt).

Tinh thần “đức dày chở vật” và triết lý “hòa” hàm chứa trong văn hóa truyền thống được thể hiện đầy đủ trong tinh thần của tư tưởng “vô vi” của Đạo gia, “nhân nghĩa” của Nho gia, “từ bi” của Phật gia. Như Lão Tử đã nói:

“Người quân tử không việc gì lớn hơn là thiện với người khác”

“Thứ mềm mại nhất thiên hạ thì có thể sai khiến thứ rắn chắc nhất thiên hạ”, cũng chính là điều gọi là “Không từ chối những hòn đất nhỏ nên trở thành núi cao; không từ bỏ những dòng nước nhỏ nên trở thành biển cả”. Nó có tính dung hợp không gì không bao hàm, và tính thâm thấu không nơi nào không tới, sinh trưởng phát triển không ngừng. Như thời kỳ Đại Đường cường thịnh nhất trong lịch sử Trung Hoa, nền chính trị trong sạch sáng sủa, nền kinh tế phát triển phồn vinh thịnh vượng, nền văn hóa văn minh, khai sáng, trong các phương diện như đời sống xã hội, văn hóa nghệ thuật... đều xuất hiện những cảnh tượng phồn vinh thịnh vượng chưa từng có. Điều này có liên quan mật thiết với khí độ bao

dung hết thảy của văn hóa Đại Đường. Sự phát triển và hoàng dương của Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo đạt đến thời kỳ cực thịnh, khiến xã hội duy trì được tiêu chuẩn đạo đức khá cao, đạt được huy hoàng mà cả thế giới đều ngưỡng vọng, đồng thời ảnh hưởng đến các nước phương Đông và nhiều nước khác trên thế giới.

### 4. Tinh túy của văn hóa truyền thống

#### (1) Vũ trụ quan “Thiên – Nhân hợp nhất”

Thiên – Nhân hợp nhất là trung tâm của tinh thần văn hóa truyền thống Trung Hoa, luôn có đại vị chủ đạo trong văn hóa truyền thống, có ảnh hưởng sâu xa đến các lĩnh vực như luân lý đạo đức, quan niệm giá trị, ý thức thẩm mỹ v.v.

Sách “Dịch thư” có nói: Thiên – Địa – Nhân là “Tam Tài” của vũ trụ. “Dịch thư” còn viết: “Sinh trưởng phát triển gọi là Dịch”, “Đức lớn của Trời Đất gọi là sinh”, con người cần phải kế thừa cái Thiện của Trời Đất, thành tựu cái Tính của Trời Đất, mở rộng sự sinh trưởng của Trời Đất, “Biết hết thảy vạn vật, dùng Đạo giúp khắp thiên hạ”, để đạt đến “Thiên – Nhân hợp đức”.

Văn hóa truyền thống là kính sợ Thiên mệnh, cho rằng Trời đã tạo ra con người và vạn vật, đồng thời trao cho đức hạnh và tính thiện, đặt ra phép tắc cho con người. Thiên – Nhân tương ứng, Thiên – Nhân tương thông, Thiên – Nhân nhất thể. Khi tổng kết quy luật nhân sinh, Khổng Tử nói: “Ta 15 tuổi lập chí học Đạo, 30 tuổi thì xác lập được nền tảng đối nhân xử thế vững chắc, 40 tuổi thì không



còn nghi hoặc điều gì, 50 tuổi thì biết được Thiên mệnh...”. Mạnh Tử nói: “Bảo tồn bản tâm thanh khiết, nuôi dưỡng bản tính Thiên phú, đó chính là phương pháp thờ phụng Trời”. Phật gia và Đạo gia đều giảng Thiên lý tuần toàn, tin vào sinh tử luân hồi, thiện ác hữu báo. Trong sách “Sử lý”, phần “Nhạc thư” có viết: “Trời và người tương thông, giống như quan hệ giữa hình với bóng. Người làm việc tốt thì Trời dùng phúc báo đáp; người làm việc xấu thì Trời dùng họa báo đáp. Giống như trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, là đạo lý rất tự nhiên. Vì vậy nói rằng, suy Đạo Trời để minh tỏ việc con người”.

Thời xưa, thiên tử coi trọng nhất là việc tế lễ. Tế lễ là để kính Thần, ca tụng đức hóa dục của Trời Đất. Con người phục tùng Thiên mệnh, là một hành vi đạo đức, Trời sẽ ban thưởng cho con người, nếu không thì Trời sẽ giáng hình phạt xuống cho con người. Thánh nhân vui với việc thực hành Đạo, vốn không phải là để cầu phúc. Vì cầu phúc mới hành thiện thì trong tâm đã là tư lợi rồi. Do đó chỉ nên dốc hết tâm lực của mình, thuận theo Trời, không được có một chút tâm kỳ vọng, cầu mong nào. Hành thiện trừ bỏ cái ác, cái xấu là việc trong bốn phận con người, chỉ cần bản thân có thể làm tròn việc con người, thành tâm, không gián đoạn, thì cuối cùng có thể cảm động Trời.

### (2) “Đạo trung dung”, “Trí trung hòa”

Sách “Trung dung” viết rằng: “Trung là gốc lớn của thiên hạ; hòa là đạt Đạo của thiên hạ. Trí trung hòa là vị trí của Trời Đất, vạn vật sinh trưởng”. Cơ sở lý luận của Đạo trung dung là Thiên – Nhân hợp nhất, là một nguyên tắc của cảnh giới đạo đức tu thân. Nho gia cho rằng: hết thảy những mâu thuẫn, xung đột giữa vật với mình, người với mình, lý trí và ham dục, quan hệ giữa người với người, đều nên dùng tiêu chuẩn của “Đạo trung

dung”, “Trí trung hòa” để điều chỉnh, để đạt đến chí thành, chí thiện, thông hiểu đạo lý Trời Đất hóa dục vạn vật, như vậy Trời Đất vạn vật thứ gì có chỗ của thứ ấy, đạt đến cảnh giới hài hoà.

Khổng Tử nói: “Quân tử trung dung, tiểu nhân trái ngược trung dung. Sở dĩ quân tử trung dung là vì quân tử lúc nào cũng làm được trung chính thích hợp, không quá cũng không chưa tới. Sở dĩ tiểu nhân trái ngược trung dung là vì tiểu nhân trắng trợn bừa bãi, chuyên làm việc cực đoan”.

Chu Hy nói: “Trung là chính Đạo của thiên hạ, dung là định lý của thiên hạ”, Trung ở đây chính là chính xác không thiên lệch, Dung chính là bình thường không loạn.

Sách “Luận ngữ” viết: “Tác dụng của lễ là coi trọng hài hòa, đó là cái đẹp của Đạo của tiên vương” (Lễ chi dụng, hòa vi quý, tiên vương chi Đạo tư vi mỹ). Hòa có nghĩa là điều hòa, hài hòa. Tiên vương chế lễ làm nhạc để điều tiết quy phạm hành vi con người, để giáo hóa thiên hạ, đó chính là cái gọi là “bình thiên hạ”, được coi là sứ mệnh lịch sử thiêng liêng của mình. Dân tộc Trung Hoa xưa nay coi trọng “hòa vi quý”, tôn sùng Đạo trung dung, thực hiện lý tưởng “bình thiên hạ” là dựa vào nhân chính và tu đức, là điều gọi là “người ở xa không phục tùng thì tu sửa văn đức bản thân để đối đãi”. Tống Diệp Thích nói trong “Trung dung” rằng: “Người xưa lấy trung hòa dùng cho mình, thì Trời Đất tự ở vị trí, vạn vật tự sinh trưởng. Điều mà ta thuận theo là vua tôi Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Vũ Vương. Làm như thế thì cái nguy giả không nảy sinh được”.

Người xưa coi trọng hài hòa với trời đất, tự nhiên. Về vấn đề quan hệ nhân luân, giữa quần thể và bản thân, Tuân Tử khi luận thuật đã đề xuất khái niệm “Quần Đạo”. Ông cho rằng: Sở dĩ con người có quần thể là do có phân chia chức phận và có đạo nghĩa, không bởi tư dục

mà làm tổn hại người khác và quần thể, giữa người với người cần quan tâm lẫn nhau, đôn hậu khoan dung. Phép tắc và chuẩn mực của Nho gia khi xử lý mối quan hệ giữa cá nhân với người khác, chủ yếu có Nhân, Lễ, Hòa, Nghĩa, Tín. Nho gia đề xướng Nhân: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (Điều mình không muốn thì chớ làm cho người), “Kiến lợi tư nghĩa” (Thấy cái lợi phải nghĩ đến nghĩa), “Nhân vô tín bất lập” (Con người mà không có chữ tín thì không thể xác lập được chỗ đứng xã hội)... đã trở thành mỹ đức truyền thống của dân tộc Trung Hoa.

### (3) Giá trị quan, nhân sinh quan

Trong “Kinh thi- Đại nhã – Chung dân” có viết:

“Trời sinh dân chúng  
Có vật có phép  
Dân giữ thường Đạo  
Thích đức thiện mỹ.”

Xuất phát từ vũ trụ quan Thiên – Nhân hợp nhất, quan niệm làm người của văn hóa truyền thống chủ trương bắt đầu làm từ việc hoàn thiện cá nhân, “từ thiên tử cho đến thứ dân, tất cả đều lấy việc tu thân làm gốc”, cho rằng con người thông qua việc tu thân có thể đạt đến cảnh giới Thiên – Nhân hợp nhất, có thể trực tiếp cảm ứng tương thông với Đại Đạo, cảm ứng với Thần. Nho gia giảng “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Khổng Tử đề xuất dùng Thận độc (cẩn thận ngay cả khi ở một mình) để tự phản tỉnh kiểm điểm mình. Con người cần có chí hướng lớn lao cao xa, tạo dựng nhân cách cao thượng “tòng tâm sở dục” (tùy theo ý muốn của cái tâm), quang minh lỗi lạc, mà lại “bất du cử” (không vượt ra ngoài phép tắc) – (Luận ngữ – Vi chính). Chu Hy cũng đề xuất: người quân tử cần phải có thái độ đoan chính “tâm chính, ý thành”. Đạo gia giảng phản bổn quy chân, tu thành Chân nhân. Phật gia tu thiện, đạt đến cảnh giới của Phật.



Tượng Phật Thiên Đàn, còn được gọi là Phật lớn, là một bức tượng đồng lớn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hoàn thành vào năm 1993, và đặt tại Ngong Ping, đảo Lantau, Hồng Kông

Văn hóa truyền thống coi trọng tinh thần nhân ái, người quân tử nhân đức thuận Thiên tri mệnh, an bản lạc Đạo, đối với bản thân thì yêu cầu nghiêm khắc và toàn diện, đối với người khác thì khoan dung và giản ước. Văn hóa truyền thống yêu cầu mọi người phải nghĩ cho người khác, đối xử tốt và giúp đỡ người khác. Như Lão Tử đề xuất: “Thượng thiện nhược thủy” (Cái thiện cao nhất giống như nước), đề xướng hành vi tuân theo Đạo, hành động theo lý, dẫn dắt theo thế, hợp với tự nhiên, khiêm tốn, yên tĩnh, ở chỗ thấp, khoan dung như biển cả. Khổng Tử đề xuất “Nhân đức là yêu thương người”, “yêu thương rộng khắp”, cho rằng nên yêu thương hết thảy mọi người, không phân biệt xa gần, thân sơ. Sách “Mạnh Tử – Công Tôn Sửu thượng” viết: “Người quân tử không việc gì lớn hơn là thiện với người khác”, ý nghĩa là đức hạnh tối cao của người quân tử là cùng với người khác hành thiện.

Trong văn hóa truyền thống, tinh thần và ý thức Đạo thống của Nho gia giúp khắp thiên hạ,

của Phật gia đại từ đại bi, đã ảnh hưởng sâu sắc đến người Trung Quốc hết đời này đến đời khác. Mọi người coi việc truy cầu chân lý và đạo đức là quan trọng hơn hết thảy, luôn luôn kiên trì nguyên tắc của mình, trong bất kỳ tình huống nào cũng quyết không dao động. Trang Tử nói: “Đạt đến tận cùng của con người tức là Thần vậy. Đắm lớn đốt mà không nóng, sông lớn đông mà không lạnh, sét nhanh phá núi, gió nổi rung biển mà không kinh”. Hàng trăm hàng nghìn năm nay, đức hạnh tốt đẹp của vô số chí sĩ nhân đức đã được truyền tụng rộng rãi: Đào Uyên Minh không khom lưng vì 5 đấu gạo; Gia Cát Lượng tiên tri biết trước sự việc; Nhạc Phi tinh trung báo quốc; Lục Du lo cho nước lo cho dân... có thể nói là nhiều không kể xiết. Những người này là cột sống của dân tộc, họ siêu vượt được mất cá nhân, không vui vì được, không buồn vì mất, hoặc một thân chính khí, hoặc hai tay gió mát, hoặc tinh trung báo quốc. Chính khí hạo nhiên của họ rực rỡ sử sách, chiếu sáng ngàn thu.

Chính những định hướng giá trị và truy cầu lý tưởng nhân sinh như thế này đã thúc đẩy dân tộc Trung Hoa không dao động, không khuất phục, chinh phục muôn vàn khó khăn hiểm nguy, vượt qua dòng sông dài lịch sử bước tới ngày hôm nay.

Văn hóa là do Thần truyền, con người là do Thần tạo ra, trung tâm của tín ngưỡng và chính tín truyền thống là dạy con người hướng thiện, tôn chỉ là làm theo quy luật vũ trụ, đạt đến sự hài hòa giữa con người và vũ trụ. Mục đích và ý nghĩa của văn hóa Thần truyền là ở chỗ dẫn dắt mọi người dùng tiêu chuẩn đạo đức đánh giá hết thảy sự vật, dùng thái độ chính xác để nhận thức những vấn đề có tính nguyên tắc như Thiện và Ác, Chính và Tà, khích lệ con người truy cầu chân lý, khiến sinh mệnh tự ngã chân chính có tương lai tốt đẹp. Quy phạm đạo đức chính thống và sự rộng lớn tinh sâu của văn hóa truyền thống cũng hàm chứa sứ mệnh Thần Thánh lớn lao cao xa hơn mà lịch sử đã trao cho nó.

Bài viết của Trí Chân



# “Thiên nhân hợp nhất” trong văn hóa truyền thống

ẢNH: CHANHKIEN.ORG



Tranh sơn dầu: “Thiên nhân hợp nhất” của Trần Tiêu Bình (47 inch x 69 inch), 2004.

Văn hóa Hoa Hạ là văn hóa Thần truyền, tư tưởng Thiên – Nhân hợp nhất là cốt lõi của tinh thần nhân văn truyền thống Trung Quốc, luôn chiếm vị trí chủ đạo trong văn hóa truyền thống, đối với các lĩnh vực như luân lý đạo đức, quan niệm giá trị, ý thức thẩm mỹ... đều có ảnh hưởng rất sâu xa. “Thiên – Nhân hợp nhất” là lấy “quan hệ giữa Trời và Người” làm trung tâm để xem xét vấn đề nhân sinh và vũ trụ, đó là một loại thế giới quan và vũ trụ quan, là cảnh giới cao cả mà con người theo đuổi, là nơi trở về và cội nguồn tư tưởng của quan niệm truyền thống. Nội hàm của “Thiên – Nhân hợp nhất” rộng lớn tinh thâm, những ghi chép trong sử sách có bao hàm những nội dung sau:

## 1. Quan sát Đạo Trời, thực hành ý Trời

Trong con mắt của người xưa, vũ trụ là một vũ trụ của sinh mệnh, “Đạo” là cội nguồn của vạn vật, là nguồn gốc của sinh mệnh. Thế gian vạn vật biến đổi muôn ngàn chỉ trong nháy mắt, duy chỉ có Đạo Trời là vĩnh hằng bất biến. Lão Tử nói: “Người thuận theo Đất, Đất thuận theo Trời, Trời thuận theo Đạo, Đạo thuận theo tự nhiên”, đã nói rõ quan hệ giữa con người và tự nhiên, đã cho thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều phải tuân theo đặc tính vũ trụ và quy luật vận hành sống động không ngừng nghỉ của nó. “Quan sát Đạo của Trời, thực hiện theo ý chỉ của Trời”, đã nói rõ nguyên tắc làm người và xử sự, tức là hành vi con người cần phải thuận theo Đạo Trời, khiến toàn bộ thân và tâm của bản thân thống nhất với Đạo Trời, tự nhiên, thì mới có thể bao dung được hết thảy, thiên hạ sẽ quy về, thì mới có thể lâu bền được.

Sách Trung Dung viết: “Thế nên Trời sinh ra con người, ban cho khí để thành hình, lại ban cho lý để thành tính. Thế nên phép Trời là to lớn khởi đầu, hanh thông, lợi ích và chân chính (nguyên, hanh, lợi, trinh), mà tứ thời ngũ hành thiên biến vạn hóa, không điều gì là không từ phép Trời mà sinh ra. Phép tắc ở con người chính là Nhân Nghĩa Lễ Trí, mà lý của tứ đoan ngũ đức, vạn sự vạn vật, không điều gì mà không được bao hàm ở trong đó”. Đây chính là Đạo vô xứ bất tại (Đạo không nơi nào mà không có), ở trên trời thì là Đạo Trời, ở dưới đất thì là Đạo Đất, ở con người là Đạo con người. Đem nguyên hanh lợi trinh của Đạo Trời, tức sinh trưởng toại thành và ngũ thường của Đạo con người là Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín thống nhất lại. Đồng thời còn cho rằng trong hành vi hậu thiên của mình, con người chỉ có chuyên tâm nắm chắc cái thiện của bản tính tiên thiên của con người thì mới có thể thuận theo Đạo Trời mà hưng thịnh, chỉ có thể thuận theo phép tắc tự nhiên, yêu người yêu vật thì mới có thể đạt được Thiên – Địa – Nhân hòa thành nhất thể, mới có thể sinh trưởng không ngừng nghỉ.

Trong Lễ Ký có viết: “Chân thành là Đạo của Trời, truy cầu chân thành là Đạo của con người”. Đồng Trọng Thư đời Hán nói: “Giữa con người và Trời, hợp lại thành một thể”. Đó đều là những chuẩn mực của những người khêu tu Đạo thời cổ đại.

Trước tiên đề ra là con người hợp với Trời chứ không phải Trời hợp với con người; là Trời và con người hài hòa chứ không phải là ‘nhân định thắng Thiên’. Nghiêm khắc tuân theo Đạo Trời, nguyên tắc “trợ giúp sự tự nhiên của vạn vật” một cách lý tính, tự giác cao độ, đạt được “Hợp đức cùng Trời Đất, hòa quang cùng Nhật Nguyệt, hợp trật tự cùng tứ thời”. “Đĩ đức phối Thiên”, hợp đức cùng Trời Đất chính là sự biểu đạt rõ ràng của tư tưởng Thiên – Nhân hợp nhất. Từ đó cũng có thể nhìn ra tư tưởng Thiên – Nhân hợp nhất truyền thống ngay từ khởi đầu đã gắn liền với vấn đề đạo đức, vì vậy duy hộ chân lý và đạo đức chính là sứ mệnh và trách nhiệm của con người.

## 2. Trời là sự tồn tại có thể phát sinh quan hệ cảm ứng với con người

Thiên – nhân tương ứng, Thiên – nhân tương thông. Có câu cổ ngữ rằng: “Người giỏi giảng Đạo Trời sẽ biết lấy Đạo Trời ứng nghiệm vào con người. Người giỏi giảng chuyện xưa sẽ biết lấy chuyện xưa ứng nghiệm vào chuyện ngày nay. Người giỏi giảng khí lý sẽ biết đem khí lý ứng nghiệm vào vạn vật. Người giỏi giảng cảm ứng sẽ biết thống nhất với tạo hóa của Trời Đất. Người giỏi giảng sinh hóa, biến thông sẽ thông hiểu lý của Thần linh”. Văn hóa truyền thống xuất phát từ ý niệm này biểu hiện

là trọng Đạo, trọng Thần, trọng Đức, trọng hài hòa.

“Trang Tử – Đạt sinh” viết: “Trời Đất là cha mẹ của vạn vật”. Trương Tải đời Tống viết trong “Tây minh” rằng: “Càn (Trời) gọi là cha, khôn (Đất) gọi là mẹ, còn ta nhỏ bé như thế này, nhưng hòa đồng Đạo của Trời Đất trong thân. Do đó chứa đầy khí ở giữa Trời Đất là thân thể ta, dẫn dắt vạn vật trong Trời Đất là bản tính tiên Thiên của ta. Nhân dân là đồng bào của ta, vạn vật là cùng tính với ta”. Đây chính là nói đến cảnh giới con người và Trời Đất vạn vật hợp thành nhất thể. Trình Hạo đời Tống đã chỉ rõ rằng: “Nhân đức coi Trời Đất vạn vật là nhất thể”, tức là nói Trời Đất vạn vật vốn là nhất thể, mà đặc tính Nhân quán thông xuyên suốt tất cả.

Người xưa nhận thức được Thiên – Nhân là một chỉnh thể,

giữa chúng có tồn tại mối liên hệ và quan hệ đối ứng. Sự biến hóa của thiên tượng sẽ dẫn động những biến hóa xảy ra trong xã hội nhân loại. “Sử ký – Nhạc thư” viết: “Trời và con người tương thông, giống như quan hệ giữa hình với ảnh và khí. Người làm việc tốt, Trời báo bằng phúc. Người làm việc xấu, Trời báo bằng họa. Giống như trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, là đạo lý rất tự nhiên. Do đó người xưa giảng, suy Đạo Trời để hiểu rõ chuyện con người. Bậc quân vương cần hành động giống như Trời, tâm thái chí thành của quân vương có thể cảm động đến Trời, khiến âm dương biến đổi. Nếu quân vương trái với âm dương, trái với ý Trời, thì sẽ có tai họa, dị tượng xảy ra. Đó là Trời cảnh cáo quân vương”. Vì vậy các triều các đời đều vô cùng coi trọng quan sát thiên văn, thiên tượng, không

chỉ dùng để tính toán lịch pháp, mà còn dùng để quan sát sự biến hóa ở nhân gian. Trong lịch sử, có rất nhiều nhà tiên tri, cao nhân đều có thể thông qua quan sát thiên tượng mà biết trước được đại sự xảy ra và sự thay triều đổi đại, như “Mã tiền khóa” của Gia Cát Lượng thời Tam Quốc, “Hoa mai thi” của Thiệu Ung đời Tống, “Thieu bính ca” của Lưu Bá Ôn đời Minh. Còn một số trước tác tiên văn tinh tượng như “Ngũ tinh chiêm”, “Sử ký – Thiên quan thư”, “Thiên văn chí”, “Ngũ hành chí”... Thiên – nhân cảm ứng, quan hệ đối ứng, quan hệ nhân quả, như bóng theo hình, kẻ sĩ minh trí nên lựa chọn để đón cát tránh hung.

## 3. Trời là đối tượng mà con người kính sợ và thờ phụng

Trời đất cực kỳ rộng lớn, che chở vạn vật, con người có lòng cảm ân. Khổng Tử nói: “Trời Đất là cha



Hội họa Trung Quốc: ‘Sông núi – Cây cầu – Túp lều’. Tác giả: Chương Thuý Anh.



mẹ của vạn vật, con người là anh linh của vạn vật”; “Trời vô tư che phủ, Đất vô tư mang chở, nhật nguyệt vô tư chiếu sáng”, ông ca ngợi ân hóa dục của Trời Đất. Trời đất mãi mãi bất biến, ban cho vạn vật, tự thân lại không tiếp nhận bất cứ sự vật nào, chất phác, khiêm tốn, rộng lớn vô tư.

“Thượng thư” viết: “Thánh nhân cổ đại biết cái lý Thiên – nhân hợp nhất. Do đó đối với việc con người thì không dám không tận tâm, mà đối với Đạo thì không dám không cẩn trọng. 4 người họ Hy, họ Hòa của vua Nghiêu, Thất Chính của vua Thuấn, Ngũ Kỷ của Hồng Phạm, họ Bảo Chương của Chu Quan, đều cẩn trọng với những điều này. Thế nên luôn dùng kính đối đãi với người, luôn kính Trời mà không dám lơ là”. Thiên tử cổ đại coi trọng nhất là tế tự. Tế tự là để kính Thần, ca tụng sự vĩ đại của Thiên Đế, coi sự thành công của bản thân trị sửa thiên hạ là do Thượng Thiên chỉ đạo, giúp đỡ và bảo hộ, thế thì khi tế tự thì ngoài sự thành kính ra, ngoài sự long trọng của lễ nghi ra, còn cần phải chế tác ra âm nhạc để ca tụng Thần, để bày tỏ sự kính ngưỡng đối với Thần.

Vua Nghiêu quan sát thiên văn, định ra lịch pháp, thuận theo Đạo Trời mà trị vì, dạy dỗ thần dân Ngũ Đế – tức 5 loại mỹ đức: phụ nghĩa, mẫu từ, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu để chỉ đạo hành vi bản thân. Vua giáo dục bách tính chung sống hòa thuận, đã thực hiện được “9 dòng tộc đã hòa mục”, khiến phong tục người dân thuần hậu. Vua Nghiêu chế tác nhạc vũ Đại Chương để ca tụng thịnh đức của Thiên Đế, đồng thời ngụ ý lấy đức để kính Trời. Vua Thuấn dùng Hiếu trị vì thiên hạ, dùng đức cảm hóa người, vô tư vì dân, khiến bách tính trong thiên hạ nâng cao đạo đức, ai nấy đều trọn đạo hiếu, tin Thiên kính Trời. Vua Thuấn thực hành văn hóa lễ nhạc, coi trọng tế tự, đồng thời phối hợp với văn học, thi ca, đã chế tác ra Thiệu Nhạc để tế tự Thượng Thiên, đức âm bình hòa của nó khiến “phượng hoàng đến múa theo lễ nghi, cảm thú cảm hóa bởi đức”. Chu Công thuận theo Thiên Đạo chế tác lễ nhạc, thông qua lễ nhạc,

đạo đức giáo hóa quy phạm tư tưởng và hành vi con người, “đại nhạc hòa đồng cùng Trời Đất, đại lễ cùng khánh tiết với Trời Đất”, khiến cho quốc gia được thịnh trị. Các triều đình các thời đại hàng năm đều định kỳ cử hành lễ nghi đại diện “tế Trời” long trọng, mọi người cũng tế lễ “Thần Xã Tắc” cai quản thổ địa, ngũ cốc. Thánh nhân minh quân dẫn dắt người dân kính Trời, mọi người kính Trời tín Thần, phong tục thế gian tường hòa, đối với tất cả mọi thứ để biểu hiện ra không tranh giành, khiến thiên hạ xuất hiện cảnh tượng trong sáng, thái bình.

“

**Khổng Tử nói: “Trời Đất là cha mẹ của vạn vật, con người là anh linh của vạn vật”; “Trời vô tư che phủ, Đất vô tư mang chở, nhật nguyệt vô tư chiếu sáng”, ông ca ngợi ân hóa dục của Trời Đất.**

#### 4. Trời làm chủ sự tồn tại của vạn mệnh con người, xã hội và sự tồn tại của cát hung họa phúc cấp cho con người

Thiên mệnh quan cổ đại đã rõ ràng ban cho con người thuộc tính đạo đức “kính đức bảo dân”, “thiên mệnh” và “nhân sự” là tương thông với nhau, “Ông Trời không thân với ai, chỉ trợ giúp người có đức” (Tả Truyện – Hy Công ngũ niên). Quy phạm đạo đức là cái mà Trời vì để bảo vệ người dân mà ban cho nhân gian, con người phục tùng Thiên mệnh là một loại hành vi đạo đức, Trời sẽ ban thưởng cho con người, nếu không thì Trời sẽ trừng phạt con người. Hành vi thiện ác của con người có thể được Trời cảm ứng, tức “Trời soi xét con người, không khác gì tấm gương”; “làm điều thiện thì Trời Đất đều biết, làm điều ác thì Trời Đất cũng đều biết”.

Xem lại lịch sử nhân loại, thiên tai dường như chưa bao giờ dứt. Sử sách đồng thời cũng ghi chép rất nhiều câu chuyện

người hành thiện thì dịch bệnh không xâm phạm đến họ được, không bị tai ương của thủy hỏa phong lôi (lũ lụt, hỏa hoạn, bão gió, sấm sét), tâm thiện có thể cảm động Trời Đất. Những sự tích chân thực này đã chứng thực đầy đủ trọng đức hướng thiện là cách tốt nhất để được Thượng Thiên để ý và bảo hộ, cho dù là ở hoàn cảnh hiểm nguy thì cũng có thể hóa hiểm thành an, bởi vì “Tự có Trời bảo hộ thì cát tường, không điều gì là không thuận lợi”. Nếu con người làm những việc trái với lẽ Trời, Trời sẽ giáng tai họa cảnh cáo, để con người phản tỉnh, nếu có thể kịp thời sửa chữa lỗi lầm, bù đắp những tổn thất, thế thì sự trừng phạt của Trời sẽ tự giảm thiểu hoặc chấm dứt. Thay đổi cái tâm chính là biện pháp căn bản nhất giải quyết vấn đề, có thể thông qua giáo hóa mà hành thiện.

Như “Hán thư” ghi chép: Thời Hán Nguyên Đế, vùng kinh thành Trường An có những thiên tai như nhật thực, địa chấn... Nguyên Đế cảm thấy kinh sợ và lo lắng, thế là hỏi quần thần về những điều làm được và không được về mặt chính trị. Khuông Hoàng – người đảm nhiệm chức Cấp sự trung, đã chiếu theo kinh điển Nho gia trả lời rằng: “Từ quân vương đến thứ dân, tất cả đều kính Trời sùng thiện. Quân vương cần phải tiếp nhận Thiên ý để thực hành nền nhân chính, làm việc thiện, cầu phúc cho bách tính. Nên giảm quy mô cung thất, tu nội và ngoại, gần gũi những người trung chính, tránh xa gian nịnh. Công khanh đại phu cần tuân theo lễ, cung kính khiêm nhường, thích nhân nghĩa, thí xả, trọng nghĩa khinh lợi, làm tấm gương cho dân chúng. Sau đó thúc đẩy đạo đức giáo hóa trong bách tính, hoàng dương phong khí nhân – hòa. Trên thực hành, dưới làm theo, như thế thì quốc gia có thể hưng vượng, bách tính có thể an cư lạc nghiệp”. Khuông Hoàng nhằm vào tệ nạn đương thời mà đề ra biện pháp tốt, được Nguyên Đế, các đại thần và bách tính ủng hộ và tán thành. Sau khi thực thi, quả nhiên phong khí xã hội trở nên tốt đẹp, các dị tượng không xảy ra nữa, quốc thái dân an.

#### 5. Trời là sự tồn tại ban cho con người đức tính, thiện tính, và bản tính nhân nghĩa lễ trí

Khổng Tử nói: “Trời sinh đức cho ta, Hoàn Đồi làm gì ta được”; “Trời chưa diệt văn hóa đó, người Khuông làm gì được ta”. Đó là nói: Đức là do Trời ban cho ta, ta thụ mệnh từ Trời, bất kể sự tình gì đều không thể làm gì ta được. Mạnh Tử nói: “Người tận tâm theo thiện thì biết bản tính của mình. Người biết bản tính của mình thì có thể thờ Trời được” (Mạnh Tử – Tận tâm thượng). Tức là cần phải kiên trì giữ vững lương tri, cái tâm của bản thân, tu thân dưỡng đức thì mới có thể đạt đến cảnh giới biết được Trời, thờ Trời và chí thiện. Nho gia cho rằng “Lòng Trời có nhân đức”, đã nói rõ cái lý của Trời Đất: “lòng người bất nhân thì lòng Trời không bảo hộ”, nhấn mạnh sùng nhân chuộng lễ, khiêm hòa cung kính, quang minh lỗi lạc, thuận ứng với trật tự âm dương của Trời Đất, từ sự lựa chọn trên các phương diện thời gian, không gian, hoàn cảnh và đạo đức, hành vi, truy cầu lý tưởng của bản thân, đồng nhất với Đạo của Trời Đất.

Lý niệm Thiên – nhân hợp nhất hàm chứa ở trong hệ tư tưởng Nho gia, Đạo gia và Phật gia, thể hiện ra tinh thần nội tại của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Nhìn từ Nho gia, có thể thấy Trời là bản nguyên của nguyên tắc và quan niệm đạo đức, bản tính nhân nghĩa lễ trí là Trời ban cho, là thứ cố hữu trong tâm con người. Nhưng do hậu thiên của con người bị mê hoặc bởi các loại danh lợi và dục vọng, muốn thông qua tu thân để trừ bỏ các loại tư tâm và tạp niệm, từ đó đạt đến một cảnh giới tự giác thực hành các nguyên tắc đạo đức. Đó chính là điều Khổng Tử nói: “70 tuổi làm theo những gì lòng mong muốn mà không vượt ra ngoài phép tắc”. Nhìn từ Phật gia, có thể thấy Phật tính là thứ con người ai ai cũng có, nhưng do con người mê lạc trên thế gian nên bản tính mất đi mà không tự biết, thông qua tu luyện, không ngừng thăng hoa có thể tu thành giác giả – cảnh giới của Phật. Nhìn từ Đạo gia, có thể thấy ngộ Đạo tu Chân, phản bốn quy chân, cuối cùng



Núi xanh, lá đỏ, cầu nhỏ, nước chảy, ngôi nhà, rừng thông, thác nước, tất cả cùng tấu lên khúc nhạc giao hưởng của mùa thu. Tác giả: Chương Thuý Anh.

tu thành Chân nhân. Do đó có thể thấy, muốn đạt được cảnh giới con người thông với Trời thì con người ắt phải thăng hoa đạo đức, đạt được tiêu chuẩn cao hơn, cho đến tiêu chuẩn của Phật Đạo Thần.

Người Trung Quốc từ xưa đến nay tin và tuân theo chân lý Thiên – nhân hợp nhất, kính Trời kính đức, tin vào sự đối ứng trực tiếp của thiên tượng biến hóa với sự việc nhân gian, tin thiện ác hữu báo, coi trọng nâng cao đạo đức. Nhưng ngày nay, ĐCSTQ đã tạo ra vô số các bi kịch nhân gian, khiến đạo đức xã hội suy bại, thì lẽ Trời ắt không dung thứ. Ngày nay, ở Bình Đường, Quý Châu đã

phát hiện ra tảng đá lớn, ở mặt cắt sau khi vỡ ra, người ta thấy có 6 chữ lớn “Trung Quốc Cộng Sản Đảng Vong”. Hàng chục năm nay, thuận theo sự hủ bại của ĐCSTQ, Phong trào “thoái đảng” ở Trung Quốc hiện nay chính là một loại thể hiện của thiên tượng ở nhân gian. Càng ngày càng nhiều người có hiểu biết đã thoái xuất khỏi ĐCSTQ và tất cả các tổ chức phụ thuộc của nó, kính thuận Thiên ý, kiên trì giữ vững đạo đức, lựa chọn chính nghĩa và tiền đồ tươi sáng.

Bài viết của Trí Chân



# Vẻ đẹp của “Trung” & “Hoà”

Đạo đối nhân xử thế, trị vì nhân thế trong các sách kinh điển cổ đại Trung Quốc giảng về cầu được vẻ đẹp của “trung” và “hoà”, đạo lý trung dung chính là nội hàm chủ yếu của “trung” và “hoà”.

Trong «Lễ ký:Trung dung» viết rằng: “Hỷ nộ ai lạc chi vị phát vị chi trung, phát nhi giai trung tiết vị chi hoà; trung dã giả, thiên hạ chi đại bổn dã, hoà dã giả, thiên hạ chi đại đạo dã. Trí trung hoà, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên.” Tạm dịch: “Khi vui mừng, oán hận, bi ai, khoái lạc chưa bộc phát thì gọi là trung, khi bộc phát rồi mà có thể ước chế thì gọi là hoà; “trung” chính là bản tính căn bản nhất của mỗi người, “hoà” chính là đạo lý mà mỗi người cần noi theo. Đạt được trung hoà, trời đất yên ổn, vạn vật sinh sôi nảy nở.”

Trong phần “Dung Dã” cuốn «Luận Ngữ» viết: “Trung dung chi vi đức dã, kỳ chí hĩ hử” (Tạm dịch: lấy Trung Dung làm cái đức [để tu dưỡng], thì đạt tới cao lắm thay!) Có thể thấy rằng, đạo lý trung dung có tác dụng không hề tầm thường. Tại sao lại gọi là đạo lý trung dung? Chính chỉ rằng không nghiêng bên này không ngã bên kia, điều hoà cân bằng trong việc đối nhân xử thế.

Nét đẹp tinh túy của trung hoà cho mọi người biết rằng mọi sự việc đều tuân theo một chữ “độ”<sup>1)</sup>, lời xưa đã dạy “cương dịch chiết, nhu dịch khúc” (Tạm dịch: “Vật cứng dễ bị bẻ gãy, vật mềm dễ uốn cong”) cũng là nói con người nên thủ tại giữa “cương” và “nhu”. Còn chữ “độ” chính là quy luật tự thân của sự vật, vừa vặn phù hợp với quy luật này, thì có thể thuận buồm xuôi gió, nếu không sẽ gặp phải nhiều trở ngại.

Thường nghe các bậc trí giả giảng: “cái tôi” thái quá hoặc không có “cái tôi” đều là điều đáng thương (chỗ này là nói về đạo lý Trung Dung trong vấn đề “cái tôi”). Kẻ có cái tôi quá lớn sẽ mù quáng

tự tin mà trở thành tự đại, từ đó trở nên kiêu căng tự phụ, khẳng khái làm theo ý mình, trong mắt không chứa nổi ai, đặt bản thân làm trung tâm không nghĩ đến cảm thụ của người khác, thời gian dài sẽ hình thành thói quen tính cách tự tư tự lợi, khiến cho cuộc sống chán trường; người mà không có ước thúc bản thân thì lại càng tự ti, cả ngày chỉ nghe theo người khác, người khác nói sao mình nói vậy, không biết như nào là tốt, quá quan tâm đến việc mọi người nhìn mình ra sao, cuộc sống như vì người khác mà sống, việc gì cũng nhìn theo người khác mà làm, xem biểu hiện của họ mà làm, mệt mỏi cả một đời. Vậy nên, người vượt quá giới hạn của bản thân hay không khống chế được bản thân đều không thể nhìn thấy chân tướng của sự việc; bởi lẽ trong con mắt của người vượt quá bản thân chỉ có chính họ, làm sao còn quan tâm được bản chất chân chính của sự vật, họ cho rằng chân lý đa số đều là chân lý của bản thân mình định nghĩa ra; còn người không có ước thúc bản thân lại đi sang một cực đoạn khác, họ buông bỏ năng lực suy nghĩ và tư duy của bản thân, người khác nói như thế nào, họ đều tin, không có suy xét xem họ nói có đúng

là chân lý hay không.

Lại xét đến quan hệ giữa người và người. Nếu ở quá xa nhau, thì sẽ sinh ra tương tư khổ não, nếu ở quá gần, thì sẽ nhìn nhau mà không vừa mắt, mâu thuẫn không dừng, vậy nên mới có thuyết “Viễn hương cận cừ” (“Xa là bạn, gần là thù”), “Cự ly sản sinh mỹ” (khoảng cách thích hợp sẽ sinh ra điều tốt đẹp). Cũng chính là, quan hệ giữa người với người, nên cầu được đến nét đẹp của “trung” và “hoà”, tìm được cự ly thích hợp nhất.

Kỳ thực cái đạo “trung hoà” ấy bao hàm mọi phương diện xung quanh cuộc sống sinh hoạt chúng ta: khi nấu cơm, muối không thể bỏ quá nhiều hoặc quá ít, cho nhiều thì mặn không thể ăn, cho ít thì nhạt không có vị; thích ăn một thứ gì đó, ăn không được liền thèm, ăn nhiều thì lại bị ngấy; đối với việc ngủ, ngủ ít thì không đủ năng lượng, ngủ nhiều lưng đau eo nhức, tinh thần vì thế mà suy nhược, mệt mỏi; trong cuộc sống, nếu như quá bận rộn sẽ quên đi mục đích ban đầu của cuộc sống, không thể cảm thụ được niềm vui cuộc sống, quá an nhàn sẽ biến mọi chuyện trở nên vô vị, trong hư không cũng không cách nào cảm nhận được ý vị cuộc sống.

Nếu như con người có thể giữ vững được thước đo trong việc đối nhân xử thế, điều chỉnh trạng thái nội tâm, có thể làm được “Lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương”. (Tạm dịch: hưởng vui vẻ mà không rơi vào hưởng dục, biết bi ai mà chẳng bị thương tâm (ý là tình cảm gì thì cũng có chừng mực; đây chính là cái đạo lý Trung Dung: cái gì cũng vừa phải chừng mực chính là Trung Dung), mọi việc có thể làm được “Bất dĩ vật hỷ, bất dĩ kỷ bi” (Tạm dịch: chẳng vì vật [bên ngoài] mà vui, chẳng vì bản thân mà buồn, nghĩa là tâm bất động) thì mới có thể ngộ đến được vẻ đẹp của “trung” và “hoà”.

Bài viết của Thu Tinh



Hội họa Trung Quốc: “Hương liên”

# Những câu chuyện Đông – Tây về chữ NHẪN

Tiết mục “Tiêu đàm phong vân” của NTD cung cấp.



Hàn Tín thao lược quân sự và mưu trí dụng binh trác việt, được các nhà quân sự các đời sau kính ngưỡng và tôn sùng.

Tần Prometheus trong Thần thoại Hy Lạp cổ đại thấy loài người sống khốn khổ bèn trộm lửa của Thần Thái Dương Apollo đem cho nhân loại. Thần Zeus trói Prometheus trên vách đá dãy núi Caucasus, để ông ngày ngày phải chịu nỗi thống khổ bị gió thổi nắng thiêu, bị chim ưng mổ ăn lá gan. Ngày hôm sau lá gan lại mọc ra, và ông lại nhẫn chịu nỗi thống khổ như thế. Sau mấy nghìn năm, người anh hùng Heracles đã bắn chết chim ưng, giải cứu Prometheus.

Sử gia Tư Mã Thiên nói: “Con người ai cũng phải chết, có cái chết nặng như Thái Sơn, có cái chết nhẹ như lông hồng”. Vì để hoàn thành di nguyện của phụ thân, sau khi bị cung hình, ở trong ngục tù, ông đã hoàn thành trước tác vĩ đại Sử Ký lưu lại cho người đời sau.

Thực ra Nhẫn là một loại hàm dưỡng, có ý nghĩa vô cùng rộng lớn. Bình thường người ta cho rằng Nhẫn là nhẫn chịu. Đây chỉ là một phương diện, Nhẫn còn có rất nhiều hàm nghĩa như nhẫn nại, chịu khổ, chịu thiệt, nhận thức, tiếp nhận, kiên trì tiết thủ, trách nhiệm, thành tựu,



Chữ “Nhẫn”: tác phẩm gồm sứ gửi Triền lâm Mỹ thuật Pháp Luân Đại Pháp. Tác giả: Học viên Pháp Luân Công Đài Loan.

cao quý mà không kiêu căng, công lớn mà không tự phụ, hiền tài mà khiêm hạ, cương trực mà nhẫn nại, trong nhẫn có xả, cương nhu tương tế, nghĩ vì người khác v.v.

Người ta thường nói: “phía trên chữ Nhẫn (忍) có một lưỡi dao (刃)”, cũng không phải như cách hiểu thông thường là trong tâm cắm một lưỡi dao mà cũng không làm gì, mà là mà dùng cái tâm ở dưới lưỡi dao để hóa giải mâu thuẫn, tức “nhẫn hóa”, xử sự lâm nguy mà không sợ, quyết đoán nắm bắt thời cơ, tránh nhuệ khí đối phương, dùng trí tuệ hóa giải, tránh xung đột trực diện, giảm thiểu những

tổn hao và tổn thất không cần thiết, dùng biện pháp lợi ích cho người khác mà thiện hóa để giải quyết mâu thuẫn.

Nhẫn không phải là ầm ức trong lòng, che giấu tức giận, bởi vì ầm ức trong lòng thì khí không lưu thông, u uất hóa kết, tổn thương gan và thận. Tổn thương gan thì dễ cáu giận, tổn thương thận thì trí tuệ tối tăm. Trí tuệ tối tăm thì dễ lỡ lời, kịch cớ. Thế nên, nhẫn cần phải chủ động, tích cực gánh chịu, hóa giải thì mới giải quyết được vấn đề thực chất.

## Nỗi nhục chui háng

Tô Thức thời Bắc Tống đã từng nói: “Thất phu bị nhục, rút kiếm đứng dậy, vươn mình chiến đấu”. Đây không phải là dũng cảm thực sự. Người dũng cảm thực sự là khi đột nhiên đối diện với sự xâm phạm cũng không tranh đấu với đối phương, dùng thái độ nhẫn nhường để hóa giải mâu thuẫn, để đối phương có đường lui. Cho dù gặp phải sự hạ nhục vô cớ thì cũng có thể bình thản xử trí, thông dong đối đãi.

Cái tâm đại nhẫn của Hàn Tín, khai quốc công thần nhà Tây Hán, khiến mọi người càng kính phục. Thời trẻ Hàn Tín thích đeo trường kiếm. Một hôm, khi ông đang đi trên phố chợ thì một người trẻ tuổi hạ nhục ông trước đám đông rằng: “Người thân thể cao lớn, thích mang đao đeo kiếm, thực ra trong nội tâm lại rất nhát gan”. “Nếu người thực sự không sợ chết thì hãy lấy kiếm ra đâm ta đi, nếu người sợ chết thì hãy chui qua háng ta”.

Sau khi quan sát kỹ người thanh niên đó, Hàn Tín bèn cúi người chui qua háng anh ta. Mọi người trên phố đều cười giễu Hàn Tín, cho rằng ông nhát gan.

Sau này, Hàn Tín trở thành đại tướng quân của Lưu Bang, ông cho triệu người thanh niên đã hạ nhục mình năm xưa đến, đồng thời nói với mọi người rằng: “Đây là một tráng sĩ. Năm



ẢNH: THEEPOCHTIME.COM

xưa khi hạ nhục ta, ta đã có thể giết chết anh ta, nhưng giết chết anh ta mà không có danh nghĩa gì, thế nên ta đã nhẫn nại, thế nên mới có thành tựu ngày hôm nay”.

Người thanh niên đó xin được tha thứ, Hàn Tín đã tha tội cho anh ta, còn phong cho anh ta làm một chức quan nhỏ.

Nhẫn nhường không phải là yếu nhược cúi đầu thân phục người khác, nhẫn nhường là tránh những phiền nhiễu không cần thiết, khiến hai người có thể chung sống hòa thuận, hiển hiện tấm lòng rộng lớn của người có lòng nhẫn.

**Tô Vũ chăn dê**

Năm 100 TCN, Hung Nô bày tỏ hữu hảo với triều Hán, nguyện ý gây dựng lại mối giao hảo xưa. Hàn Vũ Đế sai Tô Vũ dẫn hơn 100 người đi sứ Hung Nô để đáp tạ Thiên Vu (vua Hung Nô).

Khi nhóm Tô Vũ chuẩn bị quay trở về triều Hán thì gặp phải nội loạn của Hung Nô. Nhóm Tô Vũ bị Hung Nô bắt giữ, yêu cầu Tô Vũ và mọi người phải quy thuận Hung Nô. Đầu tiên, Thiên Vu sai Vệ Luật dùng tiền bạc và quan tước để dụ thuyết Tô Vũ, nhưng đều bị Tô Vũ nghiêm giọng cự tuyệt. Thiên Vu bèn hạ lệnh giam Tô Vũ trong một cái hang lộ thiên và không cung cấp lương thực và nước uống. Bị giam cầm trong hang, Tô Vũ vẫn không thay đổi tiết tháo, khát thì uống nước tuyết tan, đói thì ăn tấm áo da khoác trên mình. Thiên Vu thấy Tô Vũ ý chí kiên cường thì rất khâm phục khí tiết của ông, không nỡ lòng sát hại ông, nhưng lại cũng không muốn thả ông trở về nhà Hán.

Cây cối xung quanh đâm chồi nảy lộc, trở về đất Hán vẫn xa vời không biết đến ngày nào, Tô Vũ không tránh khỏi có những thương cảm, vì thế mà rơi lệ, ông dùng tay áo lau sạch lệ, khi đó, một con dê phía trước mặt hướng về Tô Vũ kêu be be, dường như là đang an ủi ông.

Thế là Thiên Vu để Tô Vũ đến vùng Bắc Hải để chăn dê, đồng thời nói với ông rằng khi nào



Tô Vũ chăn dê.

dê sinh ra dê con thì mới có thể cho ông trở về đất Hán. Tô Vũ đến nơi lưu đầy mới phát hiện ra tất cả đều là dê đực. Ngày ngày ông chống gậy phù tiết của triều đình Hán đi chăn dê.

Sau 19 năm, sứ thần triều Hán biết được tình cảnh của ông qua lời kể của người bạn của Tô Vũ, mới đón Tô Vũ từ Bắc Hải trở về Trường An.

Lúc ra đi, Tô Vũ đang tuổi tráng niên, khi trở về, đầu tóc bạc phơ. Khi Tô Vũ đi sứ Hung Nô, ông đã từng làm bài thơ lưu biệt vợ rằng:

“Hành dịch tại chiến trường  
Tương kiến vị hữu kỳ  
Sinh đương phục lai quy  
Tử đương trường tương tư.”

Tạm dịch:  
“Viễn chinh nơi chiến trường  
Chẳng biết ngày tái ngộ  
Sống sẽ quay trở về  
Chết mãi còn thương nhớ.”

Người xưa coi những người vì lợi ích mà phản bội quốc quân là “mưu nghịch”, coi những kẻ sợ chết mà vứt bỏ khí tiết, nghĩa khí là “làm loạn”. Cái Nhẫn của Tô Vũ là lòng trung thành với nhà Hán, nhẫn nhịn chịu khổ cực, kiên trì giữ vững chính nghĩa và tiết tháo, không động lòng bởi tiền tài và quan tước. Đông đi xuân đến, hoa nở hoa tàn, mái đầu xanh đã bạc phơ mà vẫn không thay đổi khí tiết.

Bài viết của Cam Lộ

# VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG

## Giáo Dục

ẢNH: METMUSEUM.ORG. (THE METROPOLITAN MUSEUM OF ART)



Trẻ em Trung Hoa học viết chữ và vẽ tranh.



# Chuyện dạy con của người xưa

Đất nước Trung Quốc có hơn 5000 năm lịch sử, nổi tiếng thế giới là nước coi trọng “Gia giáo”. Người xưa giáo dục con cái cần phải tu thân giữ đức mới có thể “Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, lưu lại cho đời sau rất nhiều kinh nghiệm quý giá.

## Dạy con “Tu thân vì nhân dân”

Khấu Chuẩn từ nhỏ đã mồ côi cha, gia cảnh nghèo khó, hoàn toàn dựa vào nghề dệt vải của mẹ mà sống qua ngày. Đêm đêm bà Khấu thường vừa kéo sợi vừa dạy Khấu Chuẩn đọc sách, đôn đốc cho Khấu Chuẩn khổ học thành tài. Sau này Khấu Chuẩn về kinh thành dự thi, đậu tiến sỹ. Tin vui truyền về tới quê nhà, trong lúc mẹ của Khấu Chuẩn đang bệnh nặng. Phút lâm chung bà giao bức họa mà mình tự vẽ cho người nhà là bà mẹ họ Lưu, nói rằng: “Khấu Chuẩn ngày sau nhất định sẽ làm quan, nếu nó phạm lỗi lầm, thì bà hãy trao bức họa này cho nó!”.

Sau này Khấu Chuẩn làm Tể tướng. Một lần ông mời mấy người bạn tới nhà chúc mừng sinh nhật bản thân, chuẩn bị mở tiệc chiêu đãi các đồng僚. Bà mẹ họ Lưu cho rằng đã đúng lúc rồi, bèn lấy bức họa của bà Khấu đưa cho ông. Khấu Chuẩn xem qua, nhìn thấy một tấm “Hàn song khóa tử đồ”, trên bức vẽ đề một bài thơ:

“Cô đăng khóa độc khổ hàm tâm,  
Vọng nhĩ tu thân vì vạn dân;  
Cần kiệm gia phong từ mẫu huấn,  
Tha niên phú quý mạc vong bản”.

Tạm dịch:

Cô đọc dưới ánh đèn độc sách bao khổ nhọc,  
Mong con tu thân thành tài dốc sức vì nhân dân;  
Mẹ hiền dạy dỗ gia phong cần kiệm,  
Ngày phú quý giàu sang chớ quên cảnh nghèo hèn.

Bất ngờ nhận được lời di huấn của mẹ, Khấu Chuẩn đọc đi đọc lại rất nhiều lần, bất giác lệ tràn như suối. Thế là lập tức giải tán tiệc mừng thọ. Từ đó về sau ông luôn luôn giữ mình trong sạch, yêu thương nhân dân, luôn theo lẽ công bằng không vụ lợi cho bản thân, trở thành vị Tể tướng tài đức nổi tiếng thời nhà Tống.

## Từ Miễn thể để tiếng thơm cho con cháu

Từ Miễn làm quan Trung thư lệnh thời nhà Lương, suốt đời có địa vị cao. Ông nghiêm khắc với bản thân, làm việc công chính mà cẩn thận, tiết kiệm không tham lam, không quan tâm đến gia sản. Bình thường những bổng lộc phần lớn đều chia cho người thân, bạn bè và những người dân nghèo khổ, bởi vậy trong nhà không có của cải gì cả. Trong số khách khứa và bạn hữu của ông có người khuyên ông nên thu vén một chút sản nghiệp để lại cho con cháu, nhưng ông trả lời rằng: “Người ta để tiền của lại cho con cháu, còn tôi để tiếng thơm lại cho con cháu. Con cháu mà có Đức có tài, chúng tự nhiên có thể sáng lập nên gia nghiệp. Còn nếu chúng không có tài đức, dầu tôi có để lại tài sản cũng vô dụng”.

Từ Miễn thường xuyên dạy bảo con cái cần phải trọng phẩm hạnh đạo đức. Ông từng viết thư nhắc nhở con trai tên là Từ Tung, nói: “Gia thế nhà ta rất thanh liêm, cho nên cuộc sống thường ngày có kham khổ. Đến cả việc mua

sắm sản nghiệp, từ trước tới nay chưa hề đề cập đến, chứ không chỉ là không kinh doanh mà thôi. Người xưa nói: ‘Để lại cho con cháu nguyên sọt vàng, không bằng dạy chúng siêng năng học tập một quyển kinh thư’. Nghiên cứu cẩn thận những lời bàn này, thực sự không phải là những lời nói suông. Mặc dù ta không có tài cán gì, nhưng có tâm nguyện, vui mừng được tuân theo lời giáo huấn này của cổ nhân, không dám bỏ dở nửa chừng. Từ lúc ta có được quyền cao chức trọng tới nay đã gần 30 năm, có một số môn khách và bằng hữu đều cực lực khuyên ta hãy thừa dịp khi có chức có quyền mà tùy cơ hành sự, mua sắm ruộng vườn để lại cho các người, ta đều cự tuyệt không chấp thuận. Bởi vì ta cho rằng chỉ có để lại thứ quý giá nhất là sự thanh bạch cho đời sau, mới có thể khiến con cháu được hưởng phúc vô cùng”. Con cái của Từ Miễn về sau đều trở thành những người tài đức nổi tiếng xa gần.

## Gia Cát Lượng dạy con cần phải “Chỉ hướng cao xa”

Gia Cát Lượng cả đời vì nước vì dân, hy sinh lợi ích cá nhân vì việc công, để lại gương sáng cho đời sau. Ông giáo dục con cái cần có chí hướng cao xa. Năm ông 54 tuổi ông viết cho con trai lên 8 của mình là Gia Cát Chiêm bài “Giới tử thư” tổng kết kinh nghiệm cả đời của Gia Cát Lượng. Trong thư ông yêu cầu con cái của mình: “Người quân tử lấy tĩnh để tu thân, kiệm để dưỡng Đức, không đam bạc thì không sáng chí, không tĩnh lặng thì trí không cao. Trượng phu cần tu tâm tĩnh lặng, cũng cần tu học, không học thì không thể có tài năng quảng đại, không có chí thì việc học không thể có thành tựu”. Nhắc nhở con cái muốn đạt tới tĩnh cần không ngừng tu thân và tự kiểm điểm bản thân. Muốn làm được Kiệm cần phải bồi dưỡng tài năng đức hạnh và tiết tháo cao thượng. Tâm mà không trong sáng có nhiều dục

vọng thì không thể có chí hướng rõ ràng, không an định tĩnh lặng thì không thể thực hiện được lý tưởng cao xa. Để biến lý tưởng thành hiện thực cần phải không ngừng học tập tri thức, không có ý chí kiên định thì không thể nào thành công được.

Làm người thanh bạch đoan chính, làm tròn bổn phận, tận tụy với trách nhiệm, chăm chỉ tần tẫn, đó là mỹ đức truyền thống của dân tộc Trung Hoa. Làm ông bà cha mẹ, thì cần lấy bản thân mình làm gương, luôn luôn chú ý từng lời nói việc làm, từng giờ từng phút cần phải cảnh giác với phẩm hạnh đạo đức của bản thân. Dạy bảo con cái tu thân trọng đạo đức, ấy mới là mưu tính lâu dài cho con cái, mới đúng thực sự là trân trọng và có trách nhiệm với chúng, mới có thể giúp chúng đứng vững được trên đời.

Đặc điểm của giáo dục trong gia đình là lời nói và việc làm đều gương mẫu, làm người khác biến đổi một cách âm thầm. Bởi vì trẻ con có tính dễ thích nghi, cho nên việc giáo dục phẩm hạnh cho chúng càng trở nên quan trọng. Đối với những đạo lý mà chúng nhất thời không thể hiểu được, trong thực tiễn chúng dần dần sẽ tiếp xúc đến được, chỉ có hướng dẫn một cách đúng đắn mới có thể giúp chúng đi đúng con đường chính đạo. Làm cha làm mẹ, thường là muốn lấy những gì tốt đẹp nhất mà để lại cho con cái, kỳ thực bất kể là cấp cho chúng bao nhiêu tiền của đi nữa thì cũng đều là những vật ngoài thân, chỉ có giáo dục chúng trọng đức hướng Thiện, mới là thực sự lo cho tương lai lâu dài của chúng. Có như vậy mới có thể giúp chúng thu được lợi ích chân chính, bất kỳ lúc nào cũng có thể bảo trì được đầu não tinh táo sáng suốt, biết phân biệt rõ đúng sai, lựa chọn con đường nhân sinh đúng đắn.

Bài viết của Trí Chân

ANH: THEEPOCHTIMES.COM





# Những câu chuyện xưa về những NGƯỜI MẸ TÀI ĐỨC giáo dục con cái

Từ thời cổ đại có rất nhiều người mẹ hiền từ sáng suốt và vô cùng chú trọng vào việc bồi dưỡng phẩm chất và đức hạnh cho con cái. Những câu chuyện xưa kể về họ làm nhiều người rất cảm động, như chuyện “Mạnh mẫu tam thiên” (Mẹ của Mạnh Tử 3 lần dời nhà), “Nhạc mẫu thứ tự” (Mẹ của Nhạc Phi xăm chữ lên lưng con), vv ...

Ước đây là vài câu chuyện cổ kể về chuyện dạy con làm quan thanh liêm của những hiền mẫu ấy, đưa ra để mọi người cùng tham khảo.

### Mẹ của Điền Tắc từ chối nhận vàng

Thời kỳ chiến quốc, Điền Tắc nhậm chức Tể tướng nước Tề. Ông làm việc rất cần cù cẩn thận và công chính. Có một lần, thuộc hạ biếu ông trăm lạng vàng ròng. Ban đầu ông mấy lần từ chối không nhận, cuối cùng ngại làm tổn hại đến tình cảm và thể diện của người ta nên ông đã nhận. Ông đem nguyên xi số vàng ấy dâng cho mẹ. Mẹ ông giận dữ nói: “Con làm Tể tướng 3 năm, bổng lộc chưa bao giờ nhiều như thế, không hiểu là lấy bớt của dân, hay là nhận hối lộ đây?”. Điền Tắc cúi gằm mặt, lấy đầu đuôi mọi sự kể lại cho mẹ nghe. Mẹ ông nghiêm khắc bảo ông: “Mẹ nghe nói người trí thức luôn nghiêm khắc tu dưỡng bản thân, tự trọng và giữ mình trong sạch, không tùy tiện lấy những thứ của cải của người khác. Họ trong sáng vô tư, không làm những chuyện lừa dối. Tâm không bao giờ nghĩ tới những việc bất nghĩa, trong nhà không bao giờ có những thứ của cải bất nhân bất nghĩa. Con gánh vác trọng trách của quốc gia, cần phải là một tấm gương sáng cho khắp nơi noi theo. Thế mà con lại tiếp nhận hối lộ của kẻ dưới, ấy là tội lừa dối nhà vua, đồng thời là phụ lòng trăm họ, thật làm cho mẹ đau lòng quá! Hãy mau trả vàng lại, rồi thỉnh xin triều đình xử lý đi!”. Điền Tắc nghe mẹ nói thế thì vô cùng xấu hổ, liền đem trả lại toàn bộ số vàng ấy, còn lập tức đến triều đình tự thú nhận lỗi lầm, thỉnh xin nhà vua bãi chức Tể tướng của mình. Tề Tuyên Vương nghe xong, hết sức tán thưởng khí phách và đạo đức của mẹ Điền Tắc. Nhà vua nói với quần thần: “Có hiền mẫu thì tất có hiền thần! Mẹ của quan Tể tướng có tài đức như thế, tác phong và uy tín của quan lại nước Tề ta chắc chắn sẽ minh bạch sáng sủa. Ta xá tội cho Tướng quốc”. Nói rồi hạ chiếu ra lệnh cho

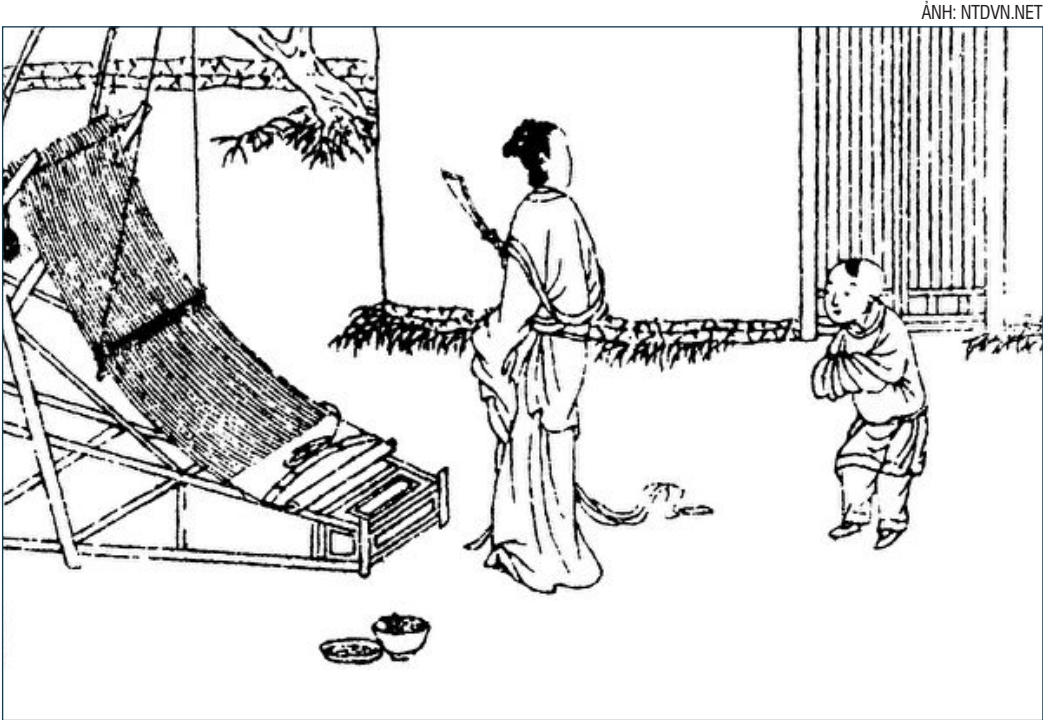
cả nước học tập đức hạnh liêm chính và phương cách dạy con của mẹ Điền Tắc. Từ đó trở đi Điền Tắc nghiêm khắc tu dưỡng bản thân, về sau trở thành một vị Tướng quốc tài đức của nước Tề.

### Mẹ của Thôi Huyền Huy dạy con trung hậu thanh bạch

Thôi Huyền Huy là người thời Đường, làm quan Viên ngoại lang. Mẹ ông là bà Lô thị nghiêm túc bảo ông rằng: “Mẹ nghe thấy có người giảng rằng, con cháu làm quan, nếu như cuộc sống của nó thanh bản, thì ấy là quan tốt. Còn nếu nó có tài vật dư dả thừa thãi, hưởng thụ một cách xa xỉ, thì đó là quan xấu. Mẹ cho rằng quan điểm ấy rất chính xác. Mẹ thấy rất nhiều thân thích các quan lại dùng rất nhiều tiền của để phụng dưỡng cha mẹ, thế mà cha mẹ họ lại không hỏi những thứ tiền của đó từ đâu mà có. Nếu như tiền ấy là lương bổng của bản thân, thế thì cũng rất tốt. Nếu không, thì so với phường giặc cướp có khác gì đâu? Cho dù không có tội lỗi lớn, chẳng lẽ trong lòng lại không có áy náy gì hay sao? Con giờ đây ngồi mát ăn bát vàng hưởng bổng lộc triều đình, nếu không thể tận trung vì nước, thanh liêm mà làm việc chính sự, thì làm sao xứng đáng với ân huệ của đất trời được?”. Thôi Huyền Huy nghe theo lời dạy của mẹ, làm một vị quan thanh liêm, tận trung với nước thương dân như con, nổi tiếng trong sạch lưu danh hậu thế.

Làm người thanh bạch đoạn chính, làm tròn bổn phận, tận tụy với trách nhiệm, chăm chỉ tần tảo, đó là mỹ đức truyền thống của dân tộc Trung Hoa. Làm ông bà cha mẹ, thì cần lấy bản thân mình làm gương, luôn luôn chú ý từng lời nói việc làm, từng giờ từng phút cần phải cảnh giác với phẩm hạnh đạo đức của bản thân. Dạy bảo con cái tu thân trọng đạo đức, ấy mới là mưu tính lâu dài cho con cái, mới đúng thực sự là trân trọng và có trách nhiệm với chúng, mới có thể giúp chúng đứng vững được trên đời.

Bài viết của Tri Chân



Mạnh Mẫu dạy con.



Bức hoạ mẹ của Nhạc Phi khắc chữ “Tĩnh Trung Bảo Quốc” để nhắc nhở ông luôn tận trung với Quốc gia trong sảnh Di Hoà Viên.



## Trọng Đức và Tu Thân

ẢNH: PINTEREST



Khổng Tử cùng các học trò.

Người xưa rất coi trọng nền nếp gia phong, chú trọng bồi dưỡng các đức tốt cho con cháu. Họ lấy “Nhân nghĩa lễ trí tín” và các tư tưởng hướng thiện, hướng đạo của văn hóa truyền thống để hướng dẫn chúng. “Trọng Đức tu thân” trở thành nội dung chính của lời gia huấn của các dòng họ. Các Thánh hiền thời xưa rất quan tâm thương yêu con cháu nhưng cũng yêu cầu nghiêm khắc, giúp chúng luôn luôn theo thiện, đi nghiêm chỉnh trên bước đường đời, không có gì oán giận và hối tiếc. Trí tuệ trong những lời dạy của người xưa đã cho hậu thế rất nhiều kinh nghiệm quý báu.

### Khổng Tử dạy con học “Thi” và “Lễ”

Khổng Tử là nhà tư tưởng và giáo dục thời Xuân Thu, tương truyền có 3000 học trò. Trong sách “Luận ngữ – Quý thị” ghi lại câu chuyện:

Một hôm, học trò của Khổng tử, tên Trần Kháng, hỏi con trai Khổng Lý của ông rằng: “Anh ở cùng thầy có nghe được lời dạy bảo nào mà không giống với người khác chăng?”

Khổng Lý nói: “Không có. Có lần cha tôi một mình đứng trong sân nhà, tôi bước nhanh qua, cha tôi hỏi: “Học Thi chưa”. Tôi trả lời: “Dạ chưa”. Cha tôi nói: “Không học Thi, không thể ăn nói được”. Thế là tôi liền đi học Thi. Lại có lần, gặp cha, tôi bước nhanh qua, cha hỏi: “Có học Lễ chưa?”. Tôi trả lời: “Dạ chưa”. Cha tôi nói: “Không học Lễ, không thể đứng vững được”. Thế là tôi lập tức đi học Lễ. Tôi chỉ nghe được 2 việc ấy thôi”.

Trần Kháng vui vẻ nói: “Tôi hỏi một câu hỏi, lại hiểu ra được 3 điều. Biết được đạo lý học Thi và học Lễ, còn biết được là người quân tử đối xử với con trai mình không khác gì những trẻ em khác”.

Thực sự, Thi và Lễ đều là nội dung trọng yếu mà Khổng Tử giáo dục học trò. Khổng Tử cho rằng dùng hình thức văn nghệ để giáo dục thường có hiệu quả cao hơn lối dạy bảo thông thường. Tương truyền “Kinh Thi” có 305 bài đều là ông tự mình biên soạn, nội dung nhiều, quan hệ với đạo lý tu thân, hiểu Mệnh, đi theo Đạo nghĩa. Khổng Tử cho rằng tu dưỡng đạo đức con người là bắt đầu từ đây, có thể nâng cao năng lực quan sát của con người, ngoài ra thông qua việc đọc Kinh Thi sẽ học được rất nhiều tri thức lịch sử, tự nhiên và xã hội. Khổng Tử nói: “Hưng thịnh nhờ Thi, đứng vững nhờ Lễ, thành tựu nhờ Nhạc”. Ông cho rằng Lễ chính là quy phạm hành vi lễ nghi và đạo đức của xã hội, bắt đầu từ học Lễ, giáo dục học trò xây dựng đức hạnh cho bản thân, từ thực tiễn dần dần bồi dưỡng ra những học trò có ý thức đạo đức tự giác, trở thành những trụ cột của xã hội sau này bằng tài đức tế thế an dân và thông hiểu Đạo Trời.

Khổng Tử dạy con học Thi học Lễ, so với các học trò khác thì đều yêu cầu như nhau, không vì Khổng Lý là con mình mà nói lỏng yêu cầu. Từ đó thấy được Khổng Tử đối xử rất bình đẳng với học trò, đồng thời gửi gắm nhiều hy vọng ở con trai. Người đời sau gọi phương pháp dạy con của Khổng Tử là “Thi Lễ truyện gia”.

Bài viết của Trí Chân

## Đàm luận từ một ngày ở Vô Dật Trai

Ảnh: SECRECHINA.COM

C hế độ giáo dục của các hoàng tử triều Thanh được đặt ra từ những năm Khang Hy. Các hoàng tử hoàng tôn lên 6 tuổi thì bắt đầu học ở Thượng thư phòng. Mỗi ngày vào lúc 5 giờ sáng, các hoàng tử phải dậy, học liền đến 6, 7 giờ tối. Một năm chỉ được nghỉ 1 ngày Tết và hai nửa ngày khác. Bất kể nóng lạnh, ngày ngày đều như vậy.

Thư phòng mà các hoàng tử hoàng tôn học tập nằm ở Vô Dật Trai trong Xưởng Xuân Viên. Từ cái tên của thư phòng là có thể thấy ở đây không có an dật. Khang Hy nói trong “Đình huấn cách ngôn” rằng: “Phàm người tu thân trị tính, đều phải cẩn thận với thường nhật. Trăm vào những ngày đại thử tháng 6 cũng không dùng quạt, không bỏ mũ, đó đều là do ngày thường không tự buông thả mà có thể làm được như vậy”.

Chính là nói rằng, hễ tu tâm dưỡng tính thì đều phải thể hiện ra từng hành vi cử chỉ trong cuộc sống thường nhật, bắt đầu từ những việc nhỏ thường nhật. Ta vào tháng 6 mùa hè, thời tiết nóng nực cũng không quạt, không tháo mũ, đó là do ta thường ngày nghiêm khắc yêu cầu bản thân, không buông thả bản thân, mới có thể làm được như vậy.

### Một ngày ở Vô Dật Trai

Đối với việc học của các hoàng tử, yêu cầu cực kỳ nghiêm khắc. Khang Hy thường kiểm tra bài tập của các hoàng tử, kiểm nghiệm võ nghệ của họ. Sách “Chú giải sinh hoạt của Khang Hy” có ghi chép rằng, ngày 10 tháng 6 năm Khang Hy thứ 16 (năm 1687), các hoàng tử ở thư phòng Vô Dật Trai, tình hình một ngày học tập như sau:

Giờ Dần (từ 3-5 giờ), hoàng tử đọc sách ở thư phòng, ôn tập bài học hôm trước, chuẩn bị cho việc thầy giáo đến lên lớp.

Giờ Mão (từ 5-7 giờ), thầy giáo đến lớp (thầy tiếng Mãn là Đạt Cáp Tháp, thầy tiếng Hán là Thang Bân), bắt đầu kiểm tra bài tập của các hoàng tử, bắt đầu



Có nhiều cách để Hoàng đế Khang Hy giáo dục con cháu của mình.

Ảnh: SECRECHINA.COM



Hoàng đế Khang Hy cực kỳ nghiêm khắc trong việc giáo dục con cháu. (Đồ họa: Zhiqing / Nhìn vào Trung Quốc)

học thuộc bài khóa. Một chữ cũng không sai, thì có thể tiếp tục học tập bài tiếp. Học tiếp một đoạn bài khóa, tiếp tục học thuộc. Ngày mai còn kiểm tra lại.

Giờ Thìn (từ 7-9 giờ), Khang Hy bãi triều liền đến Vô Dật Trai, bắt đầu kiểm tra bài tập, chủ yếu là kiểm tra học thuộc, giống như học bài học ngữ văn hiện nay, hễ đi học là trước tiên kiểm tra đọc thuộc bài khóa.

Giờ Tỵ (từ 9-11 giờ), lúc đó đã vào tiết Sơ phục, Mặt trời cũng gần đến giữa trời, nắng nóng như lửa. Khi các hoàng tử học thì không được phép mang theo quạt, cần phải ngồi ngay ngắn chỉnh tề. Bắt đầu luyện tập thư pháp, yêu cầu mỗi hoàng tử viết mỗi chữ 100 lần.

Giờ Ngọ (từ 11-13 giờ), ăn trưa. Sau khi ăn xong lại tiếp tục tự

luyện tập viết chữ.

Giờ Mùi (từ 13-15 giờ), các hoàng tử đến sân của Vô Dật Trai, bắt đầu học thể dục. Ở đó có cung tên và bia, còn phải học vật, võ thuật v.v.

Giờ Thân (từ 15-17 giờ), Khang Hy lại đến Vô Dật Trai, tùy ý giờ sách ra đề. Các hoàng tử theo thứ tự nối đuôi nhau tiến đến, đọc thuộc, giải nghĩa.

Giờ Dậu (từ 17-19 giờ), luyện tập bắn cung tên bên ngoài Vô Dật Trai. Khang Hy lệnh cho các hoàng tử theo thứ tự bắn tên, thành tích của các hoàng tử không đồng đều. Khang Hy lại lệnh mấy vị thầy bắn tên. Sau đó Khang Hy đích thân bắn, bắn liên tiếp và trúng liên tiếp.

Sau khi học xong thì tan học. Đây chính là một ngày của các hoàng tử.

### Khang Hy chuyên cần chính sự, 60 năm ngày nào cũng như ngày nào

Hoàng đế Khang Hy tại vị 61 năm, ông là vị quân chủ có thời gian tại vị lâu nhất được ghi chép trong lịch sử Trung Quốc. Võ yên biên cương, mở rộng lãnh thổ, tạo phúc cho người dân, ông được ca ngợi là Thiên Cổ Nhất Đế. Bắt đầu từ Khang



Hy, các hoàng đế triều Thanh mỗi ngày đều phải nghe việc triều chính, trừ tình hình cá biệt, còn không có ngoại lệ. Cho dù văn năm Khang Hy thứ 18, ở Bắc Kinh xảy ra động đất lớn, Khang Hy vẫn thường thiết triều buổi sáng, nghe chính sự.

Thời gian nghe chính sự ban đầu hai mùa Xuân Hạ là 6 giờ sáng (giờ Mão), hai mùa Thu Đông là 7 giờ sáng (giờ Thìn). Đối với rất nhiều lão thần già cả mà nói, để tham gia nghe chính sự, mỗi ngày phải dậy từ canh 3 lúc nửa đêm, dậy sớm đi vào cung. Dần dần, nghe chính sự khiến nhiều người không chịu nổi. Thế là họ năm lần bảy lượt dâng thư, hy vọng hoàng đế nói lòng thời gian nghe chính sự.

Trước sự khẩn cầu liên tiếp của các đại thần, Khang Hy cũng sắp xếp thỏa đáng. Mỗi khi mưa, tuyết lớn hoặc quá nóng, quá lạnh, mà không có sự việc cần tấu, thì có thể tạm thời xin chỉ tạm dừng nghe chính sự. Các lão thần tuổi ngoài 60 không cần ngày ngày phải đến, có thể cách 2, 3 ngày đến tấu một lần. Nhưng bản thân Khang Hy vì “nghe chính sự 30 năm đã thành thường lệ, không ngày ngày nghe tấu xử lý chính sự thì cảm thấy không yên, hoặc cách 3, 4 ngày sợ dẫn đến lười nhác, không thể trước sau như một được”, do đó ông vẫn kiên trì nghe chính sự hàng ngày.

Gặp việc khẩn cấp, Khang Hy luôn xem xét phê duyệt thông đêm, chưa bao giờ để kéo dài. Ông phản đối thuyết “hoàng đế chỉ quản việc trọng yếu nhất trong thiên hạ, không cần quản những việc nhỏ”. Ông công khai tuyên bố: Hoàng đế xử lý công việc, nhất thời không thận trọng thì sẽ gây phiền phức cho cả thiên hạ; nhất thời không thận trọng thì sẽ gây tai họa cho hậu thế. Không chú ý việc nhỏ thì sẽ nguy hại đến việc lớn.

Mùa hè năm Khang Hy thứ 15 (năm 1676), do đề Hoàng Hà không được sửa chữa, vỡ đê liên tiếp. Vì để nắm được tình hình trực tiếp về Hoàng Hà, Khang



Khang Hy Đệ 45 tuổi.

Hy đã mấy lần đích thân đến hiện trường khảo sát, cần mẫn nghiên cứu. Ông ngồi thuyền điều tra các nơi như Mạnh Tân, Từ Châu, Túc Thiên, Phi Châu, Đào Nguyên và Thanh Khẩu ở vùng hạ lưu. Ông lại đích thân đến các nơi như Tây Sơn, Thiểm Tây, Nội Mông Cổ, Ninh Hạ ở vùng trung du để thị sát. Ông còn căng buồm đi ở vùng trung du Hoàng Hà từ Hoành Thành Bảo (Đông nam thành phố Ngân Xuyên, Ninh Hạ ngày nay), trải qua 22 ngày, hành trình mấy ngàn dặm, “những nơi đến, không nơi nào không thị sát kỹ lưỡng”.

Trong lịch sử Trung Quốc, không thiếu các hoàng đế quan tâm đến xây dựng thủy lợi, nhưng người đích thân nhiều lần đi khảo sát thực tiễn thủy lợi, tìm tòi nghiên cứu chi tiết tình hình, đề ra phương án giải quyết, thì không nhiều.

#### Học một ngày ắt phải tiến một bước

Khang Hy liên tiếp khuyên răn hậu thế phải tinh tấn dụng công, không được có chút trễ nải nào. Ông nói: “Kinh Dịch viết: ‘Ngày ngày đổi mới thì gọi là thịnh đức’, học một ngày ắt phải tiến một bước, thì mới không uổng phí thời gian một ngày”.

Nghĩa là: “Ngày ngày đổi mới

có thể xứng danh là người có phẩm đức cao thượng”. Người yêu thích học tập cần phải ngày ngày đều phải có tiến bộ, thì mới không uổng phí thời gian.

Trong “Khang Hy giáo tử đình huấn cách ngôn” có viết rằng: “Người thế gian đều thích an nhàn mà ghét vất vả, tâm trầm nói với người rằng vất vả lâu dài thì mới biết an nhàn. Nếu vui với an nhàn, thì không chỉ không biết an nhàn, mà khi gặp vất vả thì không thể chịu nổi. Do đó Kinh Dịch viết rằng: ‘Trời vận hành mạnh mẽ, người quân tử tự cường không ngừng nghỉ’. Từ đó có thể thấy, Thánh nhân coi vất vả là phúc, coi an nhàn là họa”.

Ý nghĩa là nói, người thế gian đều thích an nhàn mà không thích bỏ công sức vất vả. Nhưng ta lại cho rằng, chỉ có làm việc vất vả kiên trì bền bỉ lâu dài thì mới biết thế nào là an nhàn. Nếu chỉ ham an nhàn, thì khi cần phải chịu vất vả, sẽ không thể chịu đựng nổi. Ông cho rằng, Thánh nhân đều coi lao động vất vả là một loại phúc khí, coi an nhàn là tai họa.

Cả đời Khang Hy đều dùng điều này để tự khuyên răn mình, từ khi đích thân chấp chính đến trước khi qua đời, trừ khi bị bệnh, lễ tết lớn, hoặc biến cố lớn ra, dường như không có ngày nào ông không nghe việc triều chính. Những năm cuối, khi nhìn lại cả cuộc đời, ông cảm khái nói rằng, ông tại vị 61 năm, siêng năng cần mẫn, cẩn thận thận trọng. Ngày đêm gấp gáp, chưa từng một chút trễ nải, mấy chục năm nay, dốc tâm tận lực, ngày nào cũng như ngày nào”.

Nhìn lại cả cuộc đời Khang Hy, câu này rất tương xứng, không hề sai.

Khang Hy dùng từng lời nói và hành vi của mình, tu thân trị đức, làm mẫu mực cho hậu thế, là tài sản tinh thần quý báu hiếm có trong kho tàng văn hóa truyền thống Trung Hoa.

Bài viết của Cốc Vũ



Đường Thái Tông trong tư cách là tướng quân, ông dẫn quân đánh đầu thắng đó. (Ảnh NTD Việt Nam tổng hợp)

## VĂN HÓA THẦN TRUYỀN

# Quan niệm làm chính trị trong văn hóa truyền thống

Quan niệm làm chính trị trong văn hóa truyền thống nước ta là lấy đức làm chính trị, bao gồm “kính Trời, kính đức, bảo vệ người dân” v.v., cũng chính là duy hộ Thiên lý, luân lý, giữ mình trong sạch yêu thương người dân, cho rằng, lòng người hướng về hay trái ngược, sẽ quyết định đến sự thịnh suy, hưng vong của quốc gia. Tư tưởng đức trị này đã được các nhà tư tưởng, các nhà chính trị các thời đại giảng thuật và phát triển, nội hàm càng thêm phong phú và sâu sắc, rất đáng để người đời sau học tập và tham khảo.

#### 1. Người làm chính trị là tu thân làm sáng đức

Người làm chính trị trước tiên phải bắt đầu từ việc tu thân, làm tấm gương đạo đức cho dân chúng, đó là tiền đề và nền tảng của việc làm chính trị.

Khổng Tử từ khá sớm đã đề

ra tư tưởng người làm chính trị phải “tu dưỡng bản thân”, ông nói: “tu kỹ nhi an bách tính” (tu dưỡng bản thân mà bách tính yên vui) (Luận Ngữ – Hiến văn); “kỷ thân chính, bất lệnh nhi hành” (bản thân mình chính thì không ra lệnh, mọi người vẫn thực hiện) (Luận Ngữ – Tử Lộ); “khắc kỷ phục lễ” (khắc chế ham dục của bản thân để lời nói, hành vi phù hợp với quy phạm của lễ) (Luận Ngữ – Nhan Uyên) v.v. Khổng Tử cho rằng, người làm chính trị tu dưỡng bản thân là cực kỳ quan trọng, cần không ngừng trừ bỏ những tư tâm và tạp niệm, tuân thủ các quy định của lễ, thì mới có thể trở về với Thiên lý, dân chúng mới có thể kính úy. Tu dưỡng bản thân, quy chính bản thân, thì mới có thể quy chính người khác được, mới khiến bách tính yên vui được.

Mạnh Tử đề ra tư tưởng “Chính quân nhi quốc định” (Quy chính quân vương thì quốc gia yên vui, ổn định). Ông nói:

“Quân nhân, mạc bất nhân; quân nghĩa, mạc bất nghĩa; quân chính, mạc bất chính. Nhất chính quân nhi quốc định hĩ”

(Quân vương nhân đức thì không có người nào bất nhân; quân vương có nghĩa thì không có người nào bất nghĩa; quân vương chính thì không có người nào bất chính. Một khi quân vương quy chính bản thân, thì quốc gia ắt sẽ yên vui ổn định).

“Quân tử chi thủ, tu kỹ thân nhi thiên hạ bình”.

(Người quân tử giữ gìn tiết tháo, bắt đầu từ việc tu dưỡng bản thân, sau đó là khiến thiên hạ thái bình).

(Mạnh Tử – Tận tâm hạ)

Mạnh Tử cho rằng, người làm chính trị cần phải không ngừng hoàn thiện tu dưỡng tư tưởng lấy luân lý đạo đức làm nội hàm, cần phải bồi dưỡng chính khí hào nhiên trong tâm. Chỉ có người có loại chính khí hào nhiên tràn đầy trong trời đất này, thì mới có thể đảm đương nổi trọng trách



coi việc thiên hạ là trách nhiệm cá nhân.

Tuân Tử đề ra tư tưởng quân chủ làm mẫu mực, ông cho rằng, quân vương cần làm gương cho dân, giống như cột chỉ đường và cái bóng ảnh của nó. Cột thẳng thì bóng mới thẳng. Quân chủ cần lấy mình làm gương, lấy mình làm mẫu, là tấm gương cho dân chúng.

Đường Thái Tông đề ra tư tưởng “chính thân”, ông nói: “Nếu muốn thiên hạ yên vui ổn định, thì ắt phải quy chính bản thân mình trước, không có chuyện thân chính mà hình bóng cong vẹo, không có chuyện trên trị sửa mà dưới loạn. Trẫm mỗi lần nghĩ người bị tổn hại tấm thân không phải do ngoại vật, đều do sở thích ham dục mà thành tai họa. Nếu đam mê mùi vị, vui thích thanh sắc, ham dục nhiều thì tổn thương cũng lớn, vừa tổn hại đến chính sự, lại vừa nhùng nhể nhiều dân chúng”. (Trinh Quán chính yếu – Quân đạo). Ông cho rằng, làm quân chủ, có đạo hay vô đạo là cực kỳ quan trọng, ắt phải làm được quy chính bản thân. Ông nghiêm khắc tự giác kỷ luật, theo việc thiện, là mẫu mực cho hậu thế.

Tư Mã Quang đề ra tư tưởng “làm vua phải có đức sáng”, ông cho rằng, mỗi lời nói, mỗi hành vi của quân chủ đều rất quan trọng, đức của quân chủ chiếu sáng, thì bề tôi mới có thể tận trung. Làm quân chủ, cần cấm bạo trừ hại, thưởng thiện phạt ác, thì mới có thể khiến đức của quân chủ chiếu sáng, bách tính an định, quốc gia thịnh trị.

Nhị Trình (Trình Hạo, Trình Di) đề ra quan điểm “Trời tức là đạo lý”, và tư tưởng “thứ kỳ cập nhân” (mở rộng cái tâm khoan thứ bản thân đến khoan thứ cho người khác), cho rằng, người làm chính trị cần phải tuân theo Thiên lý, cần thận giữ cương thường, nhân nghĩa với người dân và yêu thương vạn vật, thực hiện chính sách nhân nghĩa. Lấy việc lòng người vui vẻ tâm phục làm căn bản, khiến người dân trong bốn biển đều nhận được ân trạch.

Chu Hi đề ra tư tưởng “nội vô vọng tư, ngoại vô vọng động” (nội tâm không có suy nghĩ cuồng vọng, biểu hiện bên ngoài không có hành vi cuồng vọng);

“nhật tỉnh kỳ tâm, hữu tắc cải chi, vô tắc gia miên” (ngày ngày xem xét kiểm điểm bản thân, nếu có lỗi lầm thì sửa đổi, nếu không có thì càng cố gắng hơn); “chính quân tâm” (quy chính cái tâm của quân chủ). Ông cho rằng, người làm chính trị phải lấy việc tu thân chính tâm làm gốc, tức là trong tâm phải có Thiên lý, trừ bỏ các loại dục vọng và tư tâm của con người, trong lòng chứa đựng thiên hạ, làm sáng tỏ chính nghĩa.

## 2. “Người làm chính trị phải nhân nghĩa với dân, yêu thương dân”

Dân là nền tảng của quốc gia, người làm chính trị cần phải coi việc nhân nghĩa với dân, yêu thương dân là việc quan trọng hàng đầu, đó mới là then chốt của việc làm chính trị.

Khổng Tử cho rằng, người làm chính trị cần lấy nhân đức làm nền tảng, yêu thương dân, làm giàu cho dân, khoan sức dân. Yêu thương dân là cơ điểm xuyên suốt. Ông nói “nhân giả ái nhân” (người nhân đức yêu thương mọi người), cần phải đứng ở lập trường của bách tính, hiểu lòng dân, thuận ý dân, cùng vui buồn với dân, yêu quý sức dân, tạo dựng chữ tín trong dân. Ông cho rằng, gốc rễ của việc thực hành chính trị nhân đức là thực hiện giáo hóa đạo đức và lễ nghi cho dân chúng, như “đạo chỉ dĩ đức, tề chi dĩ lễ” (dùng đạo đức để dẫn dắt người dân, dùng lễ nghi để giáo hóa người dân); “huệ dân lợi dân” (làm lợi cho dân, tạo thuận lợi cho dân); “phú chi giáo chi” (làm cho dân giàu lên, sau đó giáo hóa họ)... khiến đạo đức đi vào nhân tâm, dân phong thuần hậu, xã hội hài hòa.

Mạnh Tử nói: “Việc của dân thì không thể tri hoãn”, coi dân chúng ở vị trí quan trọng hàng đầu, cho rằng, việc của dân chúng thì không thể trễ nải. Thực thi chính sách nhân đức thì có thể được nhân dân ủng hộ, khiến người ở gần thì an cư lạc nghiệp, khiến người ở xa tìm đến theo về, thì có thể vô địch thiên hạ. Ông chỉ ra rằng, người làm chính trị “lạc dân chi lạc giả, dân diệc lạc kỳ lạc; ưu dân chi ưu giải, dân diệc ưu kỳ ưu” (Người vui với niềm vui của người dân, thì người dân cũng vui với niềm vui của họ; người lo với nỗi lo

của người dân, thì người dân cũng lo với nỗi lo của họ); “đắc đạo giả đa trợ, thất đạo giải quả trợ” (người có đạo thì được mọi người trợ giúp, người vô đạo thì ít người trợ giúp); “nhân giả vô địch” (người nhân đức thì thiên hạ vô địch) (Mạnh Tử – Lương Huệ Vương thượng) v.v.

Tuân Tử kế thừa tư tưởng yêu thương dân của Khổng Tử và Mạnh Tử, đề ra chủ trương “bình chính ái dân” (chính sách công bằng và yêu thương dân). Ông cho rằng, quan hệ giữa vua và dân như thuyền với nước, nước có thể chở thuyền, cũng có thể lật thuyền, ắt phải làm được chính sách công bằng và yêu thương dân, thì mới có được sự ổn định của giang sơn xã tắc.

Đường Thái Tông nói: “Nhân dân là gốc rễ của quốc gia, đạo đức là gốc rễ làm người; một người nếu tích đức dày thì vĩnh viễn khiến người ta nhớ thương và cảm phục. Người dân có được cuộc sống an cư lạc nghiệp thì quốc gia tự nhiên được củng cố, an toàn”. Ông đề ra “Dân vi bang bản” (dân là gốc của quốc gia), và răn dạy quân thần rằng: “Xây dựng quốc gia thì trước tiên phải nuôi dưỡng người dân. Làm quốc gia giàu có thì trước tiên phải làm cho người dân có dư ăn dư mặc. Oán hận của dân mà không được giải trừ thì trở thành đại họa của quốc gia, các thứ khác đều không có gì đáng kể”. Ông khoan hậu yêu dân, cung kính tiết kiệm sử dụng, chế định ra nhiều biện pháp làm lợi cho dân tạo thuận lợi cho dân, khiến dân giàu nước mạnh, lịch sử gọi là “Trình Quán chi trị”.

Tư tưởng yêu dân của Nhị Trình giảng rằng: “Vi chính chi đạo, dĩ thuận dân tâm vi bản, dĩ an nhi bất nhiễu vi bản” (Đạo làm chính trị, lấy thuận lòng dân làm gốc, lấy tạo thuận lợi cho dân sinh làm gốc, lấy việc yên dân, không quấy nhiễu dân làm gốc) (Trình Thị văn tập). Vấn đề quan trọng hàng đầu quản lý quốc gia là khiến cho lòng dân an định, sức dân đầy đủ, cuộc sống dân chúng giàu có. Hai ông đề ra, người làm chính trị cần phải “thị dân như thương”, tức là coi bách tính như người đang bị thương chịu thống khổ để quan tâm

chăm sóc dân, thể hiện ra lòng yêu thương dân sâu sắc.

Tư tưởng yêu thương dân của Chu Hi chủ yếu là “thương xót dân”. Chu Hi cho rằng, gốc rễ quản lý quốc gia là được sự ủng hộ của nhân dân, là người làm chính trị thì phải yêu dân như con, quan tâm quốc gia thương xót dân, phát triển những việc lợi, trừ những việc hại cho dân, đúng như ông đã nói “Đại thể làm quan thì trước tiên cần phải liêm khiết, cần cù, yêu thương người dân, các việc khác thì khó luận trước được”.

## 3. “Việc quan trọng nhất của làm chính trị chỉ là đắc nhân tâm”

Người làm chính trị cần phải làm được tôn kính và trọng dụng người hiền đức, đây là sự đảm bảo cho nền chính trị nhân đức của quốc gia.

Khổng Tử đề ra tư tưởng “tiến cử sử dụng hiền tài” (Vi chính), ông chủ trương trọng dụng hiền tài, cho rằng sử dụng người chính trực thì dân chúng mới tín phục, trái lại, sử dụng người không hiền đức, thì dân chúng không phục. Ông nói: “Lời thiện không được nói ra thì chính sự không minh bạch. Cần phải nghe được lời thiện, cần phải trọng dụng hiền tài. Xung quanh nhiều người hiền thì sẽ nghe được nhiều lời thiện. Xung quanh nhiều tiểu nhân thì chỉ nghe được nhiều danh lợi”. Tư tưởng trọng dụng hiền tài của Khổng Tử được các nhà tư tưởng đời sau kế thừa và phát huy.

Mạnh Tử đề ra tư tưởng “tôn kính người hiền sử dụng người tài”, ông nói “Tôn kính người hiền sử dụng người tài, tuần kiệt tại vị”;

“Người hiền tại vị, người tài tại chức” (Mạnh Tử – Công Tôn Sửu thượng). Ông chủ trương, bổ nhiệm quan lại cần phải tôn kính chuộng người hiền, sử dụng người tài, khiến cho họ nắm các chức vị, thì mới dùng chính đạo, chính nghĩa dẫn dắt mọi người được.

Tuân Tử đề ra tư tưởng “sùng thượng người hiền sử dụng người tài”, chú trọng nói rõ tư tưởng sử dụng người hiền, ông cho rằng, cần tôn kính sùng chuộng người hiền, sử dụng người tài, không phải người hiền đức thì không



Khổng Tử và các đệ tử của ông tuyệt thực tại Tản Thái Quốc. (Ảnh: từ một phần của ‘Khổng Tử Thánh tích’)

thể trao cho chức quan.

Đường Thái Tông đề ra tư tưởng “Điều trọng yếu của làm chính trị là chỉ có đắc được nhân tâm”, coi việc sử dụng hiền tài là quan trọng nhất trong những việc quan trọng của việc quản lý quốc gia. Ông nói: “Cái gốc để đạt được an định duy nhất là đắc được nhân tâm”. Chính vì Đường Thái Tông có đức làm chính trị yêu tài trọng hiền, giỏi nhìn nhận và sử dụng người thế này, khiến cho thời kỳ Trinh Quán, nhân tài nườm nượp, cao nhân hiền sĩ khắp triều đình, ai nấy phát huy khả năng của mình, tận tâm tận lực, đảm bảo nền chính trị quốc gia trong sáng và thúc đẩy các chính sách nhân đức.

Tư Mã Quang cũng đề ra tư tưởng sử dụng hiền tài, ông nói: “Điều cốt yếu của việc làm chính trị là sử dụng người” (Thái hoàng thái hậu số). Ông căn cứ vào tình hình tài đức của mỗi người, phân chia thành: Có đủ cả tài lẫn đức là “Thánh nhân”; cả tài và đức đều không có là “người ngu”; đức lớn hơn tài là “quân tử”; tài lớn hơn đức là “tiểu nhân”. Khi tuyển chọn sử dụng người, quan điểm của Tư Mã Quang là ắt phải trọng dụng Thánh nhân, quân tử, nếu không có Thánh nhân, quân tử, thì tha dùng người ngu chứ nhất định không dùng tiểu nhân, bởi vì sự nguy hại của tiểu nhân đối với quốc gia là cực lớn.

Nhị Trình đề ra tư tưởng “tuyển chọn sử dụng người hiền năng tuần kiệt”, cho rằng, quân

chủ nhất định phải tuyển chọn sử dụng người hiền năng, coi việc tuyển chọn sử dụng người hiền năng tuần kiệt là đại sự căn bản cần phải làm, sau khi có được người hiền tài thì mới có thể cùng nhau quản lý quốc gia. Ông cho rằng, sự bảo đảm căn bản của việc quản lý quốc gia chính là để người hiền tại vị, người tài nắm chức.

Chu Hi cũng chủ trương sử dụng những người có đức hạnh cao thượng, cho rằng, người hiền dám trực ngôn can gián, tiểu nhân thì a dua xu nịnh. Ông chỉ ra rằng, người làm chính trị cần phải “quang minh chính đại, coi trọng nghĩa lý, tạo lập kỷ cương, thân cận hiền thần, xa rời tiểu nhân, ngăn chặn những con đường tư đường tà, thì mới có lợi cho việc trị quốc an bang”.

Thực tiễn chứng minh, người làm chính trị có thể thực hiện nền chính trị nhân đức được hay không liên quan đến việc lòng dân hướng về hay trái lại. Nhìn khắp các bậc Thánh vương minh quân và quan lại thanh liêm cổ kim Đông – Tây, đều là đạo đức nhân hậu, nhân đức với người dân, yêu thương vạn vật, con dân như người bị thương đang cần quan tâm chăm sóc. Chỉ có trên thuận Thiên ý, dưới ứng lòng dân, thì mới thực sự tạo phúc cho bách tính, mới có thể khiến dân phong chính, vạn sự hưng, thiên hạ thái bình.

Bài viết của Trí Chân



# VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG

Nghệ thuật - Âm nhạc

ẢNH: CHANHKIEN.ORG



Hội họa Trung Quốc: "Tán Thần Vận"

## VĂN HÓA & TINH THẦN của Triều đại Nhà Đường

ẢNH: METMUSEUM



Bức họa "Tây Phương Tịnh Thổ".

ẢNH: THEEPOCHTIME.COM



Vua Đường Thái Tông.

Triều đại nhà Đường được xem là thời kỳ hoàng kim của lịch sử Trung Quốc, thời kỳ mà Trung Quốc là thiên triều hùng mạnh và lãnh thổ rộng lớn nhất thế giới. Đỉnh cao của Triều đại nhà Đường thuộc thời kỳ giữa "Trình Quán chi trị" (Hoàng đế Đường Thái Tông) và "Khai Nguyên thịnh thế" (Hoàng đế Đường Huyền Tông). Thời kỳ ấy, Trung Quốc được hưởng một nền thái bình thịnh trị trong tất cả lĩnh vực kinh tế xã hội, văn chương và nghệ thuật, được hậu thế tôn vinh là "Thịnh Đường Khí Tượng."

Đạt được điều đó như thế nào? Hoàng đế Đường Thái Tông là vị vua anh minh, khí độ cao thượng, khiêm cung, bao dung, yêu thương dân chúng. Cùng với những người khai sáng và tiếp nối đại nghiệp tuyển mộ, trọng dụng hiền tài có năng lực và đạo đức. Tiếp thụ những ý kiến thẳng thắn. Vì thế, ông không chỉ là người khai sáng triều đại nhà Đường, mà còn là hình mẫu lý tưởng của các hoàng đế tương lai.

Tinh thần Đường Triều sung mãn quang huy, như mặt trời dẫn lối khai hóa một nền văn minh xán lạn, huy hoàng tráng lệ nhất trong lịch sử Trung Hoa.

**I. Văn chương và Nghệ thuật**  
"Đường Thi," bộ sách được biên soạn trong thời kỳ Hoàng đế Khang Hy của triều đại nhà Thanh, là tác phẩm được kết tập của hơn 48,000 bài thơ của hơn 2.200 nhà thơ. Số lượng bài thơ và về thể loại thơ cùng với nội hàm uyên bác của nó đã trở thành một đại hùng tinh chiếu sáng trong lịch sử văn chương Trung Quốc. Những bài thơ được sáng tác dưới thời nhà Đường không chỉ phong phú về số lượng, mà giá trị nghệ thuật đạt đến đỉnh cao.

Phần mở đầu của "Bộ Đường Thi" là 10 bài thơ của Đường Thái Tông trong tập "Đế Kinh Thiên Thập Thủ". Với những câu thơ



mang khí thế khoáng đạt, tâm thế hoành tráng diễm lệ, thể hiện tiết tháo cao thượng và hoài bão vĩ đại làm cảm khái và rung động lòng người. Ví dụ: “Tâm tùy lãng nhật cao, Chí dư thu sương khiết” (Tạm dịch: Tâm theo vầng dương buổi sớm nhô lên, Ý chí thanh cao như hoa cúc mùa thu). (Trích từ cuốn Thầm lại chiến địa đánh bại Tiết Cử- Tiết Cử là Bá Vương cuối triều đại nhà Tùy).

Những bài thơ của Đường Thái Tông biểu hiện trí huệ uyên thâm, ý chí khoáng đạt, đức độ nhân từ. Đại thần Dương Sư Đạo viết “Sảng khí trường không tịnh, Cao nhâm cốc tư khoan”. (Tạm dịch: Khí thế hào sảng giữa trời trong xanh, xem thơ làm mở rộng tâm mắt.) (trong cuốn “Sơ thu dạ tọa ung chiếu” (Đêm thu ngồi ngắm vẻ Uy nghi)). Phẩm chất dung dị, cao khiết của những bài thơ trong Thời kỳ Trinh Quán đã ảnh hưởng sâu rộng đến các thế hệ tương lai.

Thời kỳ Thịnh Đường hoàng kim xuất hiện nhiều nhà thơ vĩ đại, như Thi tiên Lý Bạch, Thi Thánh Đỗ Phủ, cùng với Mạnh Hạo Nhiên và Vương Duy- Hai nhà thơ nổi tiếng của thể loại thơ miêu tả phong cảnh tự nhiên, hay như Cao Cát (Gao Shi) và Sầm Tam (Cen Shen) là những thi nhân của cuộc sống thôn dã, hoặc “Thi gia Phu tử” Vương Xương Linh,... Những năm sau này, Bạch Cư Dị là điển hình của thi ca sau thời kỳ Thịnh Đường.

Những thi tác bác đại, hùng hồn, thâm viễn; chúng siêu việt thời gian và trở thành đại biểu của tinh thần Thịnh Đường.

Lý Bạch viết:  
Câu hoài dạt hưng tráng  
tư phi  
Dục thưởng thanh thiên lãm  
minh nguyệt  
Trừu đao đoạn thủy thủy  
canh lưu  
Cử bôi kiêu sầu sầu canh sầu.

Tạm dịch:  
Thi hứng dâng cao khoe  
tráng chí  
Hái trắng kia vào tay ta mau  
Rút đao chém xuống nước  
nước càng chảy mạnh.  
Nâng chén tiêu sầu sầu  
nặng thêm  
(Bài thơ: “Bỏ ta mà đi”)



Đỗ Phủ viết:  
Hoàng hoàng Thái Tông nghiệp  
Thụ lập thậm hoành đạt

Tạm dịch:  
Cơ nghiệp Thái Tông  
hùng vĩ lắm  
Công lao gầy dựng lại  
tưng bừng  
(Bài thơ Bắc Chinh)

Vương Duy viết:  
Giang lưu thiên địa ngoại  
Sơn sắc hữu vô trung

Tạm dịch:  
Dòng sông chảy ra ngoài  
trời đất  
Sắc núi như có như không.  
(Bài thơ Ngắm Sông Hán từ xa).

Ngoài thi ca, phong cách Đại Đường trong văn, tiểu thuyết, truyền kỳ mạn lục đều đạt đến đỉnh cao thành tựu. Các văn nhân đời Đường thường viết về nhân sinh, phơi bày những mặt tối của xã hội, biểu đạt sự mất nhuệ, dũng khí, trách nhiệm đối với quốc gia, cũng như nhãn quan nhìn xa trông rộng với những lý tưởng chủ đạo như “Tế thế”, “An Bang”,...

**II. Thư pháp và Hội họa**  
Đường Thái Tông rất coi trọng thư pháp. Ông thành lập Hồng Văn Quán và bổ nhiệm những nhà thư pháp nổi tiếng để giảng dạy tại đây. Đường Thái Tông rất

khen ngợi chữ viết của Vương Hy Chi, một trong những nhà thư pháp nổi tiếng nhất, được ngợi ca là thư pháp “tận thiện, tận mỹ.” Từ đó, thư pháp được phát triển một cách chính thống. Dưới sự ảnh hưởng của Đường Thái Tông, những Hoàng đế sau này như Đường Cao Tông, Đường Trung Tông, Đường Duệ Tông đều rất mực mến mộ và đề xướng thư pháp khiến nền nghệ thuật thư pháp đạt đến đỉnh cao dưới triều đại nhà Đường. Thời Thịnh Đường cũng suất sinh nhiều nhà thư pháp nổi danh nhất trong các triều đại. Ví dụ, Âu Dương Tuân, Ngu Thế Nam, Tiếc Tắc, Lý Ung, Nhan Chân Khanh, Liễu Công Quyền, Trương Húc Đăng..., là những nhà thư pháp khai sáng tiên phong, đạt trình độ cao, và để lại cho hậu thế những tác phẩm giá trị tuyệt mỹ.

Diện mạo hội họa thời Thịnh Đường cũng rất phong phú, đặc sắc. “Chân dung Thái Tông” và “24 Công thần” của nhà hội họa Diêm Lập Bản về chân dung truyền thần của Đường Thái Tông và các Công thần được xem là “Bút pháp như thần”.

Nhà hội họa Ngô Đạo Tử sáng tạo hơn 400 bức bích họa chư Phật và chư Đạo trong các ngôi đền ở Trường An và Lạc Dương. Thần thái mỗi bức tượng mỗi khác, triển hiện sự trang nghiêm và diễm lệ của thắng cảnh thiên



Bích họa tại Hang Mạc Cao ở Đôn Hoàng miêu tả kiến trúc tự viện trên Ngũ Đài sơn, nhà Đường. Kiến trúc Nhật Bản nói chung chịu ảnh hưởng lớn từ kiến trúc nhà Đường

quốc. Chỉ một cái vẩy bút, ông hoàn thành một bức họa thần thái, bút pháp như có Thần Phật phù trợ.

Hậu thế tôn xưng ông là “Họa Thánh” và miêu tả tác phẩm của ông như sau: “Vẩy bút như gió cuốn, như thể Thần Phật đang trợ giúp.” Giới hội họa sau này tôn thờ ông như “Tổ Sư”.

Bích họa và điêu khắc đã có những phát triển và thành tựu vĩ đại trong thời đại nhà Đường, trác tuyệt về tạo hình, phong phú về màu sắc, lộng lẫy, tinh tế, minh quang trảm lãng vô cùng. Chúng thể hiện phong độ đại khí ung dung. Ví dụ bức họa “Tây Phương Tịnh Thổ” là một trong những bức bích họa trong Động Mạc Cao ở Đôn Hoàng, triển hiện sự tráng lệ của thế giới thiên quốc, Thần Phật, Bồ Tát, chúng sinh các giới vô cùng phong phú, họa diện hoành vĩ, thần thái sinh động, linh tú, chẳng khác nào chư Thần đang vãng lai.

**III. Nhạc Vũ nghệ thuật**  
Nhạc Vũ thời Đường được kế thừa các giá trị tinh túy truyền thống và hội tụ tinh hoa của Nhạc Vũ tây phương,

tái hiện cuộc sống thanh bình, hưng thịnh, quốc thái, dân an, một vương triều toàn mỹ.

Nhạc Vũ thời Đường khí thế bàng bạc, sắc diện tráng lệ; thi, ca, tập, từ, phú,...và các thể loại văn chương cùng theo đó mà diễn tấu, đàn xướng, hát ca. Các loại nhạc cụ vô cùng phong phú như đàn tam thập lục, đàn hạc, trống... Nhạc khúc cao tráng du dương, vũ điệu như nước chảy, mây bay, trang phục hoa lệ rực rỡ, ...trong Nhạc Vũ đời Đường hấp thụ đầy đủ ưu tú của văn hóa Trung Hoa. Trong đó có “Thanh Thương Nhạc”, là thể loại bao gồm âm nhạc truyền thống bắt nguồn từ đời nhà Hán; còn có thể loại “Tây Lương Nhạc”. Nhạc Vũ đời Đường là sự hội tụ của Âm Nhạc, động tác múa, và thi ca, thường có mô hình hoành vĩ, nội dung và lĩnh vực diễn đạt phong phú. Một trong những tác phẩm nổi tiếng được sáng tác dưới thời nhà Đường là “Nhạc vũ Tần Vương Phá Trận”, là một tác phẩm hùng vĩ, hoành tráng, miêu tả và ngợi ca uy dũng vạn dặm và đức độ của Đường Thái Tông trong việc bình định thiên hạ, thống nhất Trung Quốc.

**V. Lý tưởng và Tín ngưỡng**  
Thịnh Đường là thời kỳ Khổng Giáo, Phật Giáo, và Đạo Giáo tiếp tục phát triển đến đỉnh cao. Phát huy ba trường phái tư tưởng này giúp con người điều chỉnh lại suy nghĩ và hành vi, thấm thấu vào mọi lĩnh vực xã hội. Xã hội thời Thịnh Đường duy trì những chuẩn mực đạo đức cao. Đường Triều vì thế trở nên huy hoàng.

Đường Thái Tông không chỉ là người tôn sùng Nho học, mà còn là người phù trì Phật giáo, bảo hộ Đạo giáo, xây dựng cả một hệ thống hoàn thiện diện tế trời đất, tông miếu thờ thần linh, chùa chiền tượng Phật. Người dân kính Trời và tin Thần, tôn sùng đạo đức, đọc sách thánh hiền, có trách nhiệm cao đối với sự hưng thịnh của xã tắc. Nho gia giảng: “Nhân giả ái nhân”- (Người yêu thương người), Đạo gia giảng: “Ngộ đạo chứng chân”- (Giác ngộ Đạo và chứng được chân lý), Phật gia giảng: “ Từ bi phổ độ chúng sinh” (Từ bi cứu độ muôn loài). Các tín ngưỡng chính thống giúp cho con người mở rộng nhãn quan, duy trì phẩm chất mộc mạc, thiện lương, thuần



chính, tìm cầu chân lý, kiên định hành thiện.

Đường Thái Tông hạ chiếu tổ chức học giả biên soạn lại cuốn “Ngũ Kinh Chính Nghĩa”, trở thành cuốn sách kinh điển cho các đại khoa cử, và trở thành cuốn sách tiêu chuẩn cho các thể hệ sau này. Tư tưởng Nho gia vì vậy trở thành quy phạm chuẩn mực cho tư tưởng và hành vi của con người.

Tư tưởng Đạo gia cũng được hoàng dương trong thời Nhà Đường. Có rất nhiều học giả, văn nhân, hữu tâm cầu đạo, nhất tâm tìm đạo tu luyện như: Hạ Tri Chương và Lý Bạch. Nền hội họa có nhiều tác phẩm trứ tuyệt về Đạo gia và Phật gia, được xem là nền nghệ thuật của chư Thần trợ giúp. Các nhạc gia biên soạn rất nhiều tác phẩm về Đạo gia như “Huyền Chân đạo khúc”, “Nhạc La thiên khúc”,... tư tưởng cảnh giới của tác tác phẩm vô cùng mỹ hảo, khoáng đạt tự nhiên. Danh y Tôn Tư Mạc là người suốt đời tu Đạo, hành y tế thế, tạo phước cho muôn dân, được hậu thế tôn là “Tôn Chân Nhân” và “Được Vương” (Vua của Thuốc).

Tư tưởng Phật giáo cũng được truyền bá sâu rộng, phát dương quang đại. Một lượng lớn kinh thư Phật giáo được biên dịch và lưu truyền trong thời kỳ này. Việc người dân tín phụng Phật Pháp, tín kính, chư Phật, thâm tâm tin vào nhân quả báo ứng, tu tâm hướng thiện giúp xã hội an định, thuần phong mỹ tục được giữ gìn, nhật nguyệt thanh minh, mưa gió đúng kỳ, không có thiên tai nhân họa...

Hòa thượng Trần Huyền Trang, tâm nguyện từ bi, lập chí thỉnh kinh Phật về để tế thế trăm họ. Ông mất 17 năm ròng đi đến Tây vực Ấn Độ và thỉnh về được 657 bộ kinh. Sau đó, ông an tịnh tại Chùa Từ Ân ở Trường An để biên dịch toàn bộ kinh thư sang Hán văn. Đường Thái Tông hết lòng mong mỏi, phò trợ, và quảng truyền kinh Phật. Đường Thái Tông viết lời tựa cho các bản dịch Kinh của Trần Huyền Trang như sau: Văn tự khi thế khai khoáng, văn bút điển nhã, âm dương tuyệt luân, tứ thời biến ảo, hoành quan và vi quan, thật là công năng giáo hóa của Phật Pháp. Và hết lời tráng cử công lao thỉnh kinh của Hòa thượng Huyền Trang.



Khi Huyền Trang vào chùa, bốn đại đức chùa Na Lạn Đà ra nghênh đón, hơn 200 tăng nhân và hơn 1000 thi chủ tay cầm lọng và hương, tán tán vây quanh nghênh đón.

### V. Đối ngoại và Giao lưu Văn hóa

Đường Thái Tông đề xướng chính sách đối ngoại: “Nhu hoài vạn quốc”. Thiên triều Trinh Quán được kính ngưỡng và tôn phục bởi các nước lân bang; hơn 300 quốc gia và bộ lạc thường gửi sứ giả đến Trung Quốc. Vì thế triều đình đã thiết lập rất nhiều hồng lô tự, điển khách thự, lễ tân viện, và nhân lực để tiếp đãi các sứ thần của các nước năm châu. Nhiều quốc gia Á Châu và Phi Châu thường gửi sứ thần đến Trung Quốc. Nhiều quốc gia nhận làm “thần dân” của Đường Triều. Trong số các học giả đến kinh thành Trường An để học hỏi văn hóa Đường có không ít vương hầu, khanh tướng, sứ thần, lưu học sinh, nghệ nhân, tăng lữ... Trường An trở thành kinh đô thế giới. Quốc Tử Giám là học viện danh tiếng lẫy lừng nhất thế giới. Nhật Bản gửi 19 phái đoàn đến Trung Quốc, tổng cộng tới hơn 5.000 người. Các học giả trên khắp thế giới đều thừa nhận danh tiếng của học viện Quốc Tử Giám. Sau nhiều năm học tập, môn sinh có thể được bổ nhiệm làm việc tại Trung Quốc, hoặc có thể quay về cố quốc để quảng bá học vấn và văn hóa Trung Hoa. Hòa thượng ở các quốc gia khác được lưu trú trong các chùa chiền, miệt mài học tập kinh Phật. Nhiều nước mời các vị thầy ở Trung Quốc đến để dạy cho nước của họ. Ví dụ, cao tăng Giám Chân

đến Nhật Bản 6 lần, mang tượng Phật và Kinh Phật đến Nhật Bản và hoàng dương Phật giáo cùng văn hóa Thịnh Đường cho Nhật Bản. Vì thế, Ngài là người có công lớn trong việc giao tế và xây dựng văn hóa của 2 nước Nhật Bản và Trung Quốc.

Văn hóa Thịnh Đường, một nền văn minh huy hoàng và xán lạn, sẽ vĩnh viễn tỏa sáng trong tâm khảm của người dân Trung Quốc. Nó cũng trở thành kho báu của thế giới, có nội hàm thâm viễn ảnh hưởng lớn mạnh đến văn hóa các quốc gia. Trang sử hào hùng lộng lẫy nhất cổ kim này sẽ còn mãi trong niềm kiêu hãnh và tự hào của nhân dân Trung Hoa. Thiên triều thịnh trị, cùng với lòng nhân từ, uy dũng, và quan minh chính đại của Đường Thái Tông sẽ vĩnh viễn không lu mờ trong ký ức của muôn triệu người dân.

Trung Quốc ngày nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc tự lập chính quyền, khuếch trương bạo lực, tuyên truyền dối trá, tẩy não dân chúng, sử dụng thủ đoạn chính trị “Ác, Đấu” của văn hóa Đảng phá hoại truyền thống, tiêu diệt tinh hoa, bức hại nhân dân sa vào đọa lạc, đưa đất nước Trung Quốc, văn hóa Trung Quốc đến bên bờ vực thẳm.

Những nhân sỹ chính nghĩa, học lực uyên thâm, kiên tín chân lý, duy trì đạo đức và công lý, chính là niềm hy vọng của quốc gia và dân tộc Trung Hoa.

Bài viết của Trí Chân

ẢNH: NTDVN.NET

# NHẠC TRƯỚC THUỐC SAU

## Đức âm nhã nhạc có hiệu quả kỳ diệu

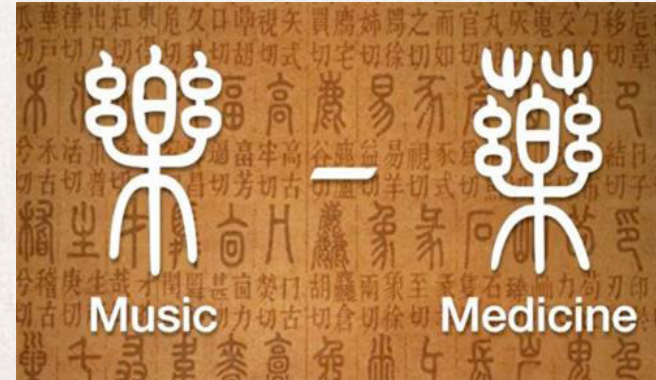
**T**rong Chiến tranh Thế giới II, trong các bệnh viện dã chiến của quân đội Mỹ chật kín thương binh. Vì thời tiết nóng nực, bị muỗi và côn trùng đốt, trong tình trạng thiếu thuốc men khiến tỷ lệ nhiễm trùng và tỷ lệ tử vong sau phẫu thuật tăng cao, các thương binh đều sa sút tinh thần.

Lúc này, có một bác sĩ đã mở những bản nhạc mà mọi người yêu thích. Những thương binh sau khi nghe nhạc thì tỷ lệ nhiễm trùng và tử vong đều giảm nhiều, và thời gian lành vết thương sau phẫu thuật ngoại khoa cũng rút ngắn rõ rệt. Từ đó người Mỹ đã phát hiện ra âm nhạc có tác dụng chữa trị bệnh và thương tật.

Chu Chấn Hanh, một danh y thời nhà Nguyên đã từng chỉ rõ rằng: “Nhạc cũng là thuốc”. Trong chữ Hán thì chữ Nhạc 樂 (âm nhạc), Dược 藥 (thuốc) và Liệu 療 (chữa trị) có cùng nguồn gốc, hình chữ của chúng trong chữ giáp cốt khá giống nhau.

Những ghi chép trong các tài liệu lịch sử của Trung Quốc về âm nhạc trị bệnh, như trong sách “Lã Thị xuân thu – Cổ nhạc thiên” có viết: “Xưa bắt đầu từ thời Đào Đường thị (một bộ lạc thời thượng cổ), khí âm nhiều, trị trệ mà trầm lắng, đường thủy ứ tắc, không vận hành được như ban đầu, khí của người dân u uất ứ đọng, gân cốt teo tóp không phát triển, do đó đã chế ra nhạc để đạo dân... Hoàng Đế lại lệnh cho Linh Luân và Vinh Tương đúc 12 chiếc chuông để điều hòa ngũ âm và diễn tấu nhạc tốt đẹp”. Đó là ghi chép về việc dùng vũ nhạc để điều tiết chứng bệnh gân cốt teo tóp do khí u uất ứ đọng gây ra.

Trong sách “Thuyết uyển” có ghi chép câu chuyện 5000 năm



Chữ Dược (藥 – thuốc) là từ chữ Nhạc (樂 – âm nhạc) mà ra. (Hình ảnh từ video của Shen Yun)

trước, bộ lạc nguyên thủy Miêu Phụ dùng nhạc khí chế từ ống trúc để chữa trị bệnh cho người bệnh. Thi nhân Bạch Cư Dị đời Đường cũng có câu thơ về điều trị bệnh tật rằng: “Nhất thanh lai nhĩ lý, vạn sự ly tâm trung” (Một âm thanh lọt vào tai, vạn sự rời khỏi tâm).

### Nguyên lý âm nhạc trị bệnh

Người xưa nói: “Trị bệnh phải tìm đến gốc”. Gốc là chỉ âm dương. Âm dương là quy luật trong vũ trụ, là nguồn gốc của hết thảy sự vật, là khởi nguồn của vạn vật, cũng là động lực căn bản của vạn vật sinh trưởng và tiêu vong trong thiên nhiên.

“Lã Thị xuân thu – Đại nhạc” có ghi chép rằng: “Âm nhạc có cội nguồn xa xôi. Nó sinh ra từ đo lường, có gốc ở Thái nhất (tức Đạo). Thái nhất sinh ra lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh ra âm dương... Nhạc là sự hòa hợp của trời đất, là sự điều hòa của âm dương”. Có thể thấy, âm nhạc có nguồn gốc từ Thái nhất, do âm dương biến hóa mà ra, nó đối ứng với ngũ hành của trời, ứng với ngũ quý (5 mùa) của đất, ứng với ngũ tạng của con người. Âm nhạc là vận dụng trật tự âm thanh có quy luật bên ngoài để điều hòa sự hài hòa âm dương của cơ thể con người, đạt được cân bằng âm dương, thuận ứng với trạng thái Thiên – Nhân hợp nhất của tự nhiên.

“Hoàng Đế nội kinh – Tố vấn” có viết: “Trời có ngũ âm, người có ngũ tạng”. Người xưa đã thấy được ngũ âm đối ứng với ngũ tạng: Can – Giốc; Tâm – Chủy; Tỳ – Cung; Phế – Thương; Thận – Vũ. Giữa ngũ âm này có ảnh hưởng lẫn nhau, dùng để điều tiết sự thịnh suy của tinh khí ngũ tạng của cơ thể con người.

Ngũ âm: Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ tức là Fa Sol La Do Re trong âm nhạc phương Tây. Âm nhạc điệu Cung thì bình ổn nhu hòa, đối ứng với tạng Tỳ của con người. Âm nhạc điệu Thương thì gấp gáp trong giòn, đối ứng với tạng Phế của con người. Âm nhạc điệu Giốc thì cao thanh thoát du dương, đối ứng với tạng Can của con người. Âm nhạc điệu Chủy thì nhiệt tình hăng hái, đối ứng với tạng Tâm của con người. Âm nhạc điệu Vũ thì nhẹ nhàng khoan thai, đối ứng với tạng Thận của con người. Trong quá trình lắng nghe, tình cảm và tâm trạng và ngũ tạng của con người rung động có quy luật với tần số tiết tấu khúc nhạc, do đó có thể đạt được tác dụng điều tiết tinh thần và thông kinh lạc của con người, từ đó có tác dụng chữa bệnh, khỏe người.

### Âm nhạc thuần chính và trang nhã quy chính nhân tâm

Khúc cổ cầm “Dương xuân bạch tuyết” của Sư Khoáng, nhạc sư nổi tiếng thời Xuân Thu, tương truyền đây vốn là khúc nhạc ngũ huyền cầm mà Thiên Đế sai các Tiên Tử diễn tấu, Sư Khoáng sau khi nghe được đã phỏng theo ghi chép lại. Theo ghi chép của sách nhạc phổ cổ cầm “Thần kỳ mật phổ”, khúc “Dương xuân” là điệu Cung, khúc “Bạch tuyết” là điệu Thương. Âm nhạc điệu Cung thường khá ung dung



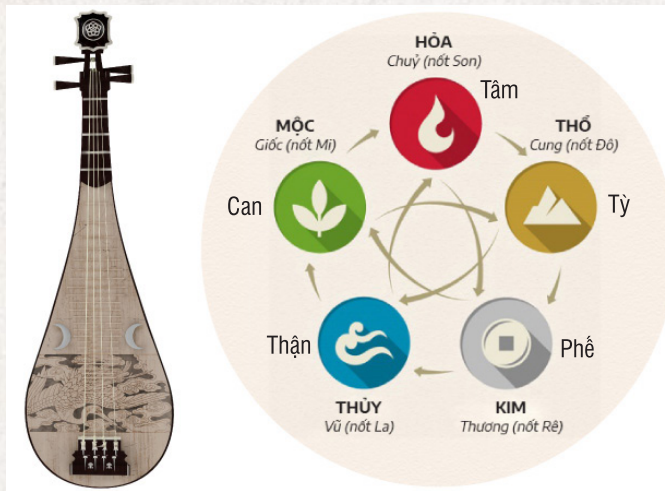
rộng lớn. Âm nhạc điệu Thương thì trong nhu có cương, sẽ mang theo khí chất vừa trữ tình hòa thuận lại chính trực, cương nghị. Khúc “Đương xuân” lấy ý là khí dương của mùa xuân, vạn vật biết mùa xuân, gió hòa nhẹ nhẹ, biểu đạt ân trạch vô tư, ban bố khắp nơi của Thượng Thiên đối với vạn vật. Còn khúc “Bạch tuyết” là lấy ý khí âm của mùa đông tuyết trắng lung linh cảnh trúc, cao khiết trang nghiêm, biểu đạt đức dày của Đất mang chở vạn vật. Chỉ có người có cùng đức với Trời Đất thì mới có thể diễn tấu được, thế nên người có thể thích ứng hòa tấu khúc nhạc này thì vô cùng ít ỏi.

Trong “Nhạc ký” có ghi chép: “Nhạc là vui vẻ, đàn cầm đàn sắt làm tâm vui vẻ, cầm ứng vật sau đó tác động, thẩm định thưởng thức âm nhạc có thể tu đức. Nhạc dùng để trị sửa cái tâm, bình hòa khí huyết”. Đoạn văn này nói về việc dùng âm nhạc để quy phạm đạo đức con người, nuôi dưỡng tình cảm tiết tháo, đạt được khí huyết điều hòa.

Thế nên các Thánh vương cổ đại sáng chế lễ nghi và âm nhạc hoàn toàn không phải là để thỏa mãn ham muốn của cái miệng, tai, và mắt, mà là tẩy rửa tà ác, bài trừ tạp niệm dơ bẩn trong tâm dân chúng, khơi dậy bản tính lương thiện nguyên sơ tồn tại trong nội tâm con người, từ đó quay trở về với chính Đạo làm người. Vì những dục vọng mới luôn xuất hiện theo sau sự xuất hiện của điều kiện vật chất mới, mà ngoại vật thì không thể nào làm phong phú nội tâm được.

**Âm nhạc thấp kém ủy mị phóng túng dục vọng**  
Thiên “Nhạc thư” trong sách “Sử ký” có ghi chép rằng:

Khi Linh Công đến thăm viếng Tấn Bình Công, lúc nửa đêm, ở thượng du sông Bộc, Linh Công nghe thấy tiếng đàn, liền sai Sư Quyên học khúc nhạc



Hình ngũ âm đối ứng với ngũ hành và ngũ tạng.  
(Ảnh: Adobe Stock/Shutterstock/có chỉnh sửa)

này. Sau khi đến nước Tấn, Sư Quyên đã gảy khúc nhạc này cho Tấn Bình Công nghe. Sư Khoáng ấn tay xuống dây đàn ngăn Sư Quyên và nói: “Đây là âm nhạc vong quốc, không được diễn tấu tiếp nữa. Khúc nhạc này là âm nhạc ủy mị do Sư Diên diễn tấu cho Trụ Vương nghe. Sau khi Võ Vương chinh phạt Trụ Vương, Sư Diên chạy về phía Đông, rồi tự lao mình xuống sông Bộc. Quốc gia nào nghe khúc nhạc này thì sẽ bị suy yếu”.

Tấn Bình Công không những kiên quyết muốn nghe tiếp, mà còn lệnh cho Sư Khoáng chơi khúc nhạc bi thương hơn khúc nhạc này. Sư Khoáng khuyên Tấn Bình Công chớ nghe những khúc nhạc bi thương. Tấn Bình Công khẳng khái muốn nghe. Sư Khoáng tấu khúc nhạc bi thương lượt thứ nhất, có 16 con thiên nga đen tụ tập trước cửa sảnh, tấu lượt thứ hai, thiên nga đen vượn cổ hót và xòe cánh múa. Tấn Bình Công cảm thấy rất thú vị, nên còn muốn nghe khúc nhạc bi thương hơn nữa, lệnh cho Sư Khoáng lại tấu nhạc nữa. Sư Khoáng lại khuyến Tấn Bình Công chớ nghe loại nhạc đó, nhưng Tấn Bình Công cho rằng ông tuổi tác đã cao rồi, nghe những khúc nhạc ông yêu thích cũng không sao. Sư Khoáng đành diễn tấu bản nhạc bi thương hơn nữa. Lúc này mây đen từ chân trời phía Tây Bắc nổi lên, gió lớn kèm mưa to đổ xuống. Gió lớn thổi bay hết ngói trên mái nhà, tân khách xung quanh đều chạy trốn lánh nạn.

Tấn Bình Công cảm thấy vô cùng kinh sợ, bò vào trong nhà. Sau đó, nước Tấn xảy ra hạn hán nặng, ba năm cỏ cũng không mọc được.

Âm nhạc thuần chính trang nhã, nhỏ thì có thể nuôi dưỡng tình cảm tiết tháo con người, nuôi dưỡng chí hướng cao xa, tu thân dưỡng tính, kéo dài tuổi thọ, lớn thì có thể trị sửa quốc gia, giáo hóa dân chúng, quốc thái dân an, ngũ cốc bội thu. Còn âm nhạc loạn thể thấp kém ủy mị, dục vọng mãnh liệt, khiến tình cảm và chí hướng con người tán loạn, sa sút, phóng túng dục vọng, tổn hại thân thể, bại hoại quốc gia. Ví như nhạc Rock ngày nay là âm nhạc âm ỉ và ủy mị, suy đồi, nghe loại nhạc này, con người sẽ buông thả dục vọng, khiến sinh mệnh bị dục vọng làm chủ. Thế nên rất nhiều nhạc công nhạc Rock nghiện ma túy, loạn luân, và chết trẻ.

Xưa Khổng Tử nghe nhạc Thiệu thì ba tháng không biết đến mùi vị thịt. Âm nhạc trang nhã thuần chính có thể quy chính nhân tâm, khiến con người coi nhẹ dục vọng, tu sửa quy chính đức hạnh của con người.

Ngày nay có đứa trẻ vừa mới sinh ra đã không có thánh lực (điếc bẩm sinh), sau khi nghe âm nhạc Đại Pháp “Phổ độ” và “Tế thể” thì đã khôi phục thánh lực. Còn có một trẻ sinh non mà bác sĩ và cha mẹ đều từ bỏ cứu chữa, nhờ được nuôi dưỡng trong âm nhạc Đại Pháp mà đã trưởng thành, thành một thiếu niên tuấn tú.

Một cháu ngoại nhỏ của một đệ tử Đại Pháp Tứ Xuyên chào đời vào tháng 4 năm 2018, hàm trên khoang miệng có một cái lỗ nhỏ, lưỡi ngắn hơn những đứa trẻ bình thường, bú sữa khó khăn, cổ ngắn, dưới cằm có 2 tầng đường như che lấp phần cổ phía trước. Các bác sĩ nói: tai và vòm họng của trẻ cần phải phẫu thuật riêng, cộng thêm những khuyết tật khác, cần phải phẫu thuật nhiều lần. Cả nhà cháu bé đều rất lo lắng.



## SHEN YUN ĐỨC ÂM NHÃ NHẠC



**Âm nhạc mà Shen Yun biểu diễn có thể khiến con người tỉnh ngộ, thăng hoa với ca từ đậm chất tâm linh.**

Nghệ “đức âm nhã nhạc” có thể giúp ngũ tạng hoạt động hài hòa, do đó có tác dụng trị bệnh. Tuy nhiên, âm nhạc hiện đại có rất nhiều tà âm và tạp âm, kích thích mạnh các giác quan và cảm xúc của con người, vì thế mà phá vỡ sự cân bằng lực phủ ngũ tạng của thân thể. Nghe nhiều âm nhạc loại này sẽ ảnh hưởng đến thánh giác và có tác dụng xấu đối với sức khỏe.

Đương nhiên, hầu hết con người hiện đại, dù là Đông hay Tây phương, đều không biết khả năng chữa bệnh và nội hàm ý nghĩa của “đức âm nhã nhạc” này mà đã khiến âm nhạc bị suy đồi thành chủng loại âm nhạc tạp âm như hiện nay.

May mắn thay, Nghệ thuật Biểu diễn Shen Yun đã mang đức âm nhã nhạc quay trở lại với sân khấu âm nhạc. Âm nhạc mà Shen Yun biểu diễn có thể khiến con người tỉnh ngộ, thăng hoa với ca từ đậm chất tâm linh. Nó mang nội hàm sâu sắc bắt nguồn từ nền văn minh cổ xưa, tin rằng được truyền xuống từ Thiên thượng. Âm nhạc của Shen Yun cũng miêu tả ý nghĩa nhân sinh, chân lý của vũ trụ và niềm hy vọng cho nhân loại.

Dàn nhạc Giao hưởng Shen Yun kết hợp giữa âm hưởng hoành tráng của dàn nhạc giao hưởng phương Tây và các nhạc cụ và âm nhạc phương Đông với cảm hứng bắt nguồn từ nền văn minh 5000 năm Trung Hoa.

Nhiều báo cáo cho thấy các chứng bệnh của khán giả đã biến mất sau khi xem Shen Yun.

Bên cạnh âm nhạc, Shen Yun cũng biểu diễn vũ múa Trung Hoa cổ điển mỹ diệu phi thường, và mang đến cho khán giả những trải nghiệm thú vị và quý báu.

Bài viết của Guan Yin





Shen Yun là đoàn nghệ thuật vũ đạo Trung Hoa cổ điển và âm nhạc truyền thống hàng đầu, được thành lập tại New York. Các tiết mục bao gồm vũ đạo Trung Hoa cổ điển, múa dân gian, múa dân tộc và vũ kịch, với sự tham gia của dàn nhạc và các nghệ sĩ độc tấu. Trải qua 5.000 năm, nền văn hóa Thần truyền đã phát triển phồn thịnh trên mảnh đất Trung Hoa. Thông qua âm nhạc và vũ đạo ngoạn mục, Shen Yun đang làm sống lại nền văn hóa huy hoàng này. Shen Yun, hay Thần Vận, có nghĩa là “Vẻ đẹp của những vị Thần đang múa.”

Shen Yun được thành lập vào năm 2006 tại New York với sứ mệnh hồi sinh nền văn hóa Trung Hoa truyền thống đã thất lạc. Hiện nay, Shen Yun có chín công ty với quy mô tương đương cùng thực hiện các chuyến lưu diễn tại hơn 180 thành phố trên khắp thế giới.

Thông tin chi tiết xem thêm tại:  
<https://vi.shenyunperformingarts.org/>

Tiếp theo... Tr. 34

## NHẠC TRƯỚC THUỐC SAU

### Đức âm nhã nhạc có hiệu quả kỳ diệu

Vì thế, đệ tử Đại Pháp và con gái, cũng là đồng tu, hàng ngày mở MP3 phát nhạc Đại Pháp “Phổ độ” và “Tế thể” bên tai cháu ngoại. Hàng ngày họ bế cháu bé và thành tâm niệm “Pháp Luân Đại Pháp hảo, Chân Thiện Nhẫn hảo”.

Một tháng sau, vào một ngày nọ, bên ngoài có tiếng sét kinh động cháu ngoại bé bỏng, cháu ngoại liền “oe” lên khóc một tiếng. Từ đó về sau, thỉnh lực của cháu ngoại bé bỏng này đã khôi phục bình thường. Vào lúc cháu 4 tháng tuổi, đến bệnh viện để kiểm tra trước khi phẫu thuật, kết quả chẩn đoán là thỉnh lực cháu bé bình thường, không cần phẫu thuật nữa. Chỉ nhờ kiên trì cho cháu bé nghe âm nhạc Đại Pháp, đồng thời thường xuyên niệm chín chữ Chân ngôn “Pháp Luân Đại Pháp hảo, Chân Thiện Nhẫn hảo”, mà kỳ tích đã xuất hiện. Lúc cháu bé 10 tháng tuổi, chỉ cần đến bệnh viện làm phẫu thuật đơn giản chỗ vòm họng là

xong. Hiện nay cháu bé đã gần tròn 2 tuổi rồi, đã biết nói những từ đơn giản, tự ăn cơm uống sữa, hoạt bát đáng yêu.

Một học sinh trung học thành phố Bắc Kinh đã viết trong thiệp chúc mừng rằng: “Con sinh thiếu tháng, nội tạng chưa phát triển đầy đủ, bệnh viện khuyên cha mẹ từ bỏ cấp cứu, cha mẹ đã đồng ý rồi. Bà ngoại tu luyện Pháp Luân Đại Pháp không đồng ý từ bỏ... thế là con, một sinh mệnh chỉ còn một hơi thở này, dưới Phật quang phổ chiếu của Sư phụ, trong âm nhạc mỹ diệu “Phổ độ” và “Tế thể”, hiện nay đã trở thành một thiếu niên tuổi 10 thân thể mạnh khỏe rồi”.

Pháp Luân Đại Pháp là Đại Pháp tu luyện cao đức của Phật gia, lấy đặc tính tối cao của vũ trụ Chân-Thiện-Nhẫn làm tiêu chuẩn chỉ đạo tu tâm hướng thiện. Người tu luyện thông qua tu luyện tâm tính bản thân, gặp mâu thuẫn thì thiện đãi người

khác, làm việc gì cũng trước tiên suy nghĩ đến khả năng chịu đựng của người khác. Ngoài ra, còn có 5 bài công pháp ưu mỹ phụ trợ giúp tịnh hóa thân thể, dần dần đồng hóa với đặc tính của vũ trụ. Đặc điểm lớn nhất của bộ công pháp này là độ kỳ độ nhân.

Các đệ tử Đại Pháp thông qua tu luyện đề cao, sáng tác ra âm nhạc có năng lượng thuần chính từ bi to lớn của vũ trụ, loại năng lượng thuần chính này có thể thanh trừ những thứ không tốt. Do đó, người nghe được loại âm nhạc này thì cả tâm lẫn thân đều được lợi ích, đạt được hiệu quả chữa bệnh khỏe người. Niệm tụng chín chữ Chân ngôn “Pháp Luân Đại Pháp hảo, Chân-Thiện-Nhẫn hảo” là trực tiếp câu thông với năng lượng thuần chính của vũ trụ, có thể trừ tà, tránh dịch, tránh tai họa, gặp nạn cát tường, gặp dữ hóa lành.

Bài viết của Thanh Âm

## Tu Luyện


# DIỄN ĐÀN BÌNH LUẬN

ẢNH: CHANH KIEN.ORG



Bức tranh “Phi thiên” của Chương Thúy Anh.





# Cốt lõi của văn hóa Thần truyền là tu luyện

Trong mắt người xưa, vũ trụ là vũ trụ của sinh mệnh, và “Đạo” là nguồn gốc của vạn vật, nguồn gốc của sinh mệnh. Vạn vật trên thế gian đều thay đổi, duy chỉ có Thiên Đạo là vĩnh hằng bất biến. Lão Tử giảng “Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên” (Người thuận theo đất, đất thuận theo Trời, Trời thuận theo Đạo, Đạo thuận theo tự nhiên), mô tả mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, tiết lộ quy luật vận hành của vũ trụ là vạn sự vạn vật đều tuân theo đặc tính của vũ trụ và sinh sôi nảy nở không ngừng. “Quan thiên chi Đạo, chấp thiên chi hành” (quan sát Đạo của Trời, hành sự thuận theo Trời), đặt ra nguyên tắc ứng xử, là hành vi của mọi người nên chiếu theo Thiên Đạo, như vậy toàn bộ thể chất và tinh thần của bản thân sẽ thống nhất theo Thiên Đạo, có thể bao dung mọi thứ, thiên hạ đều quy theo, cũng có thể trường thọ.

Lấy cả Đạo gia và Phật gia xem xét, niềm tin vào Thần là hiển nhiên, học thuyết của họ đều chỉ đạo mọi người thông qua tu luyện để bước trên con đường trở thành Thần. Kỳ thực nói một cách nghiêm túc, cả Phật gia và Đạo gia đều là những tri thức về văn hóa “xuất thế”, không nhập thế gian. Phật gia tu luyện tại chùa, cách ly với xã hội, các tăng nhân đến thế gian chỉ là để hóa duyên (khất thực), đều hàm chứa những yếu tố tu hành trong đó. Thậm chí một khi xuất gia đều thay đổi danh tính, đoạn tuyệt với thế tục. Người tu Đạo rất nhiều đều là tự mình tu luyện, xa rời thế gian, có khi thân ở thế gian mà tâm lại ở ngoài thế gian. Trong lịch sử có rất nhiều kẻ sĩ đại đức tu Phật hướng Đạo trong quá trình tu luyện và viên mãn; bản thân họ cuối cùng đã lưu lại hai nền văn hóa phong phú của Phật và Đạo.

Nho gia là những tri thức về “nhập thế”, cũng là văn hóa chính thống của Trung Quốc. Tuy nhiên, cốt lõi của văn hóa Nho gia là lấy Đạo làm căn bản. Khổng Tử có tâm ngôn “Triêu văn Đạo, tịch khả tử” (sáng nghe Đạo, chiều chết cũng an lòng), cuốn “Kinh Dịch” của Nho gia được xếp vào vị trí tác phẩm kinh điển đứng đầu tất cả các kinh điển Trung Quốc. Khổng Tử vào cuối đời thích Kinh Dịch, đọc Dịch nhiều đến nỗi làm cho dây bện thề đứt ba lần (Khổng Tử văn hi Dịch, độc Dịch vi tam tuyệt). Kinh Dịch mô tả Âm-Dương bát quái chính là bộ phận trí tuệ tinh hoa nhất của văn hóa cổ đại Trung Quốc, bản thân nó là một bộ phận của văn hóa Thần truyền. Đạo gia và Nho gia là tương đồng, Nho gia tu luyện đến tầng thứ cao thì thuộc về Đạo gia. Khổng Tử lấy một phần trong “Đạo” phù hợp với con người để truyền xuất ra. Vì vậy trong lịch sử có rất nhiều nhà Nho lớn là những đại ẩn sĩ, họ không những đầy đủ tài năng “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, mà đồng thời còn có tính cách khoáng đạt, kính Trời hiểu mệnh, sẵn có phẩm cách của “Đạo”.

Lịch sử Trung Quốc có rất nhiều an bài đặc thù: Ngay từ thời Võ Vương phạt Trụ, tại mỗi triều đại những vị mưu thần phò trợ và bảo vệ cho các Vua Chúa (chân mệnh Đế Vương) gây dựng giang sơn đều là các đạo sĩ. Triều đại nhà Chu là Khương Tử Nha; triều Hán là Trương Lương; triều Đường là Ngụy Trưng, Từ Mậu Công, Lý Tịnh, Viên Thiên Cang, Lý Thuần Phong; triều Tống là Miêu Quang Nghĩa; triều Minh là Lưu Bá Ôn. Trong bộ “Nhị thập tứ sử” có ghi chép đối với những người này, nói rõ rằng họ đều thuộc về Đạo gia, trong đó có nhiều người thậm chí là những nhà tiên tri nổi tiếng, như Viên Thiên Cang, Lý Thuần Phong với “Thôi Bối Đồ”, Lưu Bá Ôn với “Thiêu Bính Ca”, v.v.

Đạt Ma quay mặt vào vách chín năm, quá trình “điện bích” thực sự đã lưu lại một hình tượng Bồ Đề Đạt Ma... Cổ sự Hòa thượng Tế Công thời Nam Tống thần thông quảng đại, dùng Phật Pháp thần thông trừng trị kẻ ác, biểu dương cái thiện vẫn còn được lưu truyền đến ngày nay.

Tu luyện thực sự không phải là người bất đắc chí đi tìm kiếm sự giải thoát, mà trong lịch sử các triều đại, ngay cả khi Hoàng đế đương triều được tận hưởng mọi sự giàu có và quyền quý trên thế gian, họ vẫn hướng Đạo tu luyện. Hoàng Đế [Hiên Viên] cầu Đạo [tiên ông] Quảng Thành Tử, tinh tu dưỡng thân, ở tuổi 120, Hoàng Đế cưỡi rồng giữa ban ngày bay lên trời (bạch nhật thăng thiên); Hán Văn Đế thích thú nghiên cứu “Đạo Đức Kinh” của Lão Tử nhưng có chỗ không thông hiểu, do đó thiên thượng đã đặc phái Hà Thượng Công hạ thế đến truyền thụ, nhưng sợ Hán Văn Đế không kiên định tin tưởng, nên đã hiển thần tích biến hóa bảo cho Văn Đế; Đường Thái Tông tiền Đường Huyền Trang sang Tây Thiên lấy kinh để truyền rộng tại Đông Thổ; Đường Huyền Tông đón xá lợi xương ngón tay Phật Thích Ca Mâu Ni tại chùa Pháp Môn vào trong cung để thờ cúng; “Thâm sơn tàng cổ tự”, Tống Huy Tông ra đề vẽ tranh lấy ngôi chùa Phật giáo làm đề mục; Thành Cát Tư Hân ba lần triệu kiến đạo sĩ Khuu Xứ Cơ, hỏi việc trị quốc và phương pháp dưỡng sinh; thời vương triều nhà Thanh, Thuận Trị xuất gia, Hiếu Trang niệm Phật, những Hoàng đế khác đều lễ Phật, kính Trời.

Tây Du Ký đã tả một cách hoàn chỉnh các cổ sự về tu luyện, gắn với một câu thoại rất có ý nghĩa: “Nhân thân nan đắc, Trung Thổ nan sinh, Chính Pháp nan ngộ, Toàn thử tam giả, Hạnh mạc đại yên” (Thân người khó được, Trung Thổ khó sinh, Chính Pháp khó gặp, Được cả ba điều, May mắn lắm thay!)

Bài viết của Đức Nguyên





Tác phẩm của một học viên Pháp Luân Đại Pháp tại Việt Nam. Tranh vẽ: Lựa chọn tương lai.

# Thiễn đàm về sự tồn tại của Thần

Từ thời xa xưa, hầu hết mọi người trên thế giới đều tín Thần, ví như phương Tây có Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo; phương Đông có Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo v.v. Thực ra, trước thời nhà Tần, các ngành các nghề, tất cả các trường học khác nhau đều xưng đạo, ca ngợi đạo. Trong quá khứ có rất nhiều người đi vào núi sâu rừng già để tu luyện; cũng có rất nhiều ẩn sĩ; cũng có rất nhiều những người không tu đạo nhưng ở trong đạo, tuy không thoát ly cuộc sống xã hội người thường, nhưng vô cùng chú trọng nhân đức, tu thân dưỡng tính, trong tâm kính sợ Thần Phật, vì vậy mà Thần cũng quản họ.

Nhưng đến thời hiện đại, con người càng ngày càng không tin tưởng Thần Phật. Chủ yếu nhất là ảnh hưởng độc hại của “Vô Thần luận”, “Tiến hóa luận”, khiến con người không còn tin tưởng vào sự tồn tại của Thần Phật, không tin vào thiên lý thiện ác hữu báo, dẫn đến đạo đức nhân loại trượt dốc nhanh chóng, từ đó lại càng không tin Thần Phật hơn. Cho rằng những điều từ thời cổ đại lưu truyền đều là thần thoại, là truyền thuyết v.v. đều là mê tín, rằng họ chỉ tin vào khoa học hiện đại thôi.

## 1. Phát hiện văn minh tiền sử

Khoa học hiện đại cũng phát hiện trên thế giới có rất nhiều những hiện tượng không giải thích được, phát hiện rất nhiều thần tích tồn tại. Ví như các khoa học gia đã phát hiện rằng, trên Trái đất đã từng tồn tại rất nhiều nền “Văn minh tiền sử” ở các thời kỳ khác nhau. Phát hiện dưới nhiều đáy đại dương có các kiến trúc cổ đại cao lớn và tinh mỹ, chẳng hạn như kim tự tháp dưới đáy biển, thành phố và cung điện dưới đáy biển v.v. Chúng ta đều biết, các bản khối đại lục trên trái đất đã ổn định lại ở trạng thái hiện nay hơn chục triệu năm rồi, thế thì những công trình kiến trúc này khẳng định đã được kiến tạo từ hàng chục triệu năm trước, trước cả khi bị trầm xuống đáy biển. Điều này thuyết minh rằng, nền văn minh nhân loại trên Trái đất đã phát triển ở mức độ rất cao từ hàng chục triệu năm trước.

Một nhà địa chất của Mỹ còn phát hiện một khối hóa thạch của một loài sinh vật mang tên “bọ ba thù” ở vùng núi California, nó là sinh vật đã từng sinh tồn trên trái đất từ 600 triệu đến 260 triệu năm trước đây, trên mặt khối hoá thạch còn có dấu chân một người đang đi giày đạp lên. Điều này đã chứng minh rằng vào hơn 200 triệu năm trước, trên Trái đất đã có con người tồn tại. Tại vùng núi lớn của nước Cộng hòa Gabon, Châu Phi, các khoa học gia còn phát hiện một lò phản ứng hạt nhân cỡ lớn, có bố cục hết sức hợp lý, được xây dựng vào 2 tỷ năm trước và đã được vận hành 50 vạn năm. Khoa học gia nhiều nước đều đi khảo sát và đã chứng minh tính xác thực của nó. Trên Trái đất đã phát hiện nhiều vô số kể những di tích tiền sử ở các thời kỳ khác nhau...

Chúng ta đều biết rằng, theo “Thuyết tiến hóa” của Darwin, nhân loại từ vượn tiến hóa thành người văn minh trong chưa đầy một vạn năm, điều này căn bản không giải thích được thực tế của “nền văn minh tiền sử”. Có thể thấy “Thuyết tiến hóa” là hoàn toàn sai lầm. Những thời kỳ khác nhau có những di tích tiền sử đặc trưng khác nhau, điều này nói lên rằng trong hàng

tỷ năm tuổi trên trái đất chúng ta đã từng tồn tại nhiều nền văn minh nhân loại vô cùng phát triển. Hiện nay, nhiều nhà khoa học đã đưa ra lý luận về “Nhiều lần văn minh tiền sử”. Vậy, vì sao những nền “văn minh tiền sử” đó lại bị tiêu diệt hết lần này đến lần khác, rồi lại phát triển mới lại từ đầu, sau đó lại tiêu diệt?

Trong sự phát triển của nền văn minh nhân loại lần này, chúng ta có thể hiểu nguyên nhân đó là: Chúng ta đều biết trong “Kinh Thánh” có ghi chép rằng, văn minh nhân loại lần trước bị tiêu hủy bởi trận Đại hồng thủy. Vài năm trước, tàn tích của “Con tàu Noah” đã được tìm thấy ở vùng núi Thổ Nhĩ Kỳ, sau khi các nhà khoa học khảo sát thì thấy hình dạng và kích thước của nó hoàn toàn giống hệt như mô tả trong “Kinh Thánh”, thuyết minh rằng “Kinh Thánh” nói hoàn toàn đúng. Nhân loại trước đó đến cận cuối, đạo đức đã bại hoại, Thần nhìn thấy con người thế gian càng lúc càng bại hoại, nên đã dùng Đại hồng thủy để tiêu hủy thế giới. Chỉ có gia đình Noah với tâm tính thiện lương và nhiều loài động vật khác nhau được lưu lại và sống sót trong chiếc thuyền lớn do Thượng đế bảo Noah đóng trước đó, khiến cho người phương Tây có thể phát triển lại từ đầu. Ở phương Đông, chỉ có một số ít những người tốt sinh sống trên núi cao là còn sống sót. Tất cả vật chất đều bị phá hủy, chỉ có thể sống cuộc sống nguyên thủy, dần dần sinh sôi và phát triển thành nhân loại mới.

Đến một thời kỳ nhất định, thiên thượng sẽ an bài những vị Thần Phật hạ thế để dạy con người cách thức sinh sống và đạo lý làm người. Giống như thời cổ đại có các vị Tam Hoàng Ngũ Đế đã lưu lại rất nhiều thần tích. Đến khi nhân loại xuất hiện văn minh, thì dạy cho con người “Tâm Pháp”, như là đạo làm người và quy phạm hành vi đạo đức của con người. Chẳng hạn phương Tây có Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo; phương Đông có Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo, hầu như đều xuất hiện cùng thời đại, khiến duy trì tiêu chuẩn đạo đức nhân loại ở trạng thái tốt nhất, đạo

đức không đến mức bại hoại mà bị đào thải. Cũng muốn cấp cho con người một con đường phản bốn quy chân mà quay trở về.

Nhưng mà, thuận theo năm tháng trôi qua, xã hội vật chất phát triển khiến con người trong truy cầu lợi ích vật chất mà dễ dàng quên đi những phẩm chất tinh thần mà Thần yêu cầu nơi con người. Đạo đức nhân loại trượt trên dốc lớn, nhân tâm trở nên bại hoại khắp nơi, hoàn toàn chệch khỏi quy phạm tiêu chuẩn đạo đức mà Thần cấp cho con người, khi ấy Thần cho rằng con người không còn phù hợp làm người nữa, chỉ có thể đào thải đi thôi. Cho nên sự phát triển của văn minh nhân loại là có tính chu kỳ, đã nhiều lần bị đào thải. Có rất nhiều di tích tiền sử đã được phát hiện trên trái đất chứng minh cho điểm này.

## 2. Người tu luyện có thần thông hoặc công năng, có thể dự đoán vận mệnh nhân loại

Những con người ở mỗi chu kỳ phát triển nhân loại đều rất thiện lương, họ có thể tận mắt nhìn thấy hoặc cảm thấy sự tồn tại của Thần, đều hết lòng tin tưởng Thần Phật, kính trọng Thần Phật. Họ cũng biết con người có thể thông qua tu luyện mà trở về trời, hoặc người tốt sau khi chết thì linh hồn có thể về Thiên quốc. Vì vậy mà rất nhiều người đều bước vào tu luyện, hoặc tu tâm dưỡng tính, kính phụng Thần Phật.

Trong lịch sử có rất nhiều người tu luyện có nhiều công năng đặc dị. Ví như: thiên nhân thông, công năng dao thị, công năng túc mệnh thông, ban vận công v.v. Giới khoa học hiện đại đã công nhận, (dao thị) có thể nhìn thấy sự việc xảy ra ở những địa phương xa xôi; (túc mệnh thông) cũng có thể nhìn thấy tương lai và quá khứ của một cá nhân hoặc xã hội; cũng có thể dùng phương pháp (Hà đồ, Lạc thư, Chu dịch, Bát quái) mà thiên thượng lưu lại cho con người để suy diễn, dự đoán ra sự biến hóa và phát triển của con người hoặc nhân loại v.v. Cho nên, từ thời cổ có rất nhiều người có công năng đặc dị như Khương Tử Nha, Chu Văn Vương, Gia Cát Lượng v.v. Có thể tính toán thần





'Quan Âm Bồ Tát cưỡi thuyền sen'.

Viết trong bức tranh: "Quan Thê Âm Bồ Tát đại từ bi."

Bồ đề tử Phật gia Thái Hạnh [bút danh của Chương Thúy Anh]

Với đôi bàn tay trong sạch và cung kính.

[Triện con dấu của Chương Thúy Anh]

cơ vi diệu từ quá khứ đến tương lai, hết sức thần kỳ.

Kỳ thực, một số người với tâm tính rất thiện lương và thuần chân, mặc dù họ không tu luyện nhưng vẫn có được những bản sự như thế. Mấy năm trước, khi các khoa học gia Trung Quốc làm nghiên cứu về khoa học nhân thể, đã làm rất nhiều thực nghiệm như thế. Ngoại quốc cũng có những báo cáo tương tự, bởi vì khá nhiều công năng đặc dị xác thực chính là bản năng của con người, chỉ là con người trong thế giới vật chất thực tại đã ngày càng bị vật chất hóa, nên bản năng tiên thiên của con người bị thoái hóa và tiêu mất.

Đối với người tu luyện, khi buông bỏ những thứ danh lợi của con người cùng những chấp trước vào nhân tâm, có thể quay trở về với bản tính tiên thiên, và có được những công năng đặc dị siêu thường. Cho nên, rất nhiều những truyền thuyết thần thoại được lưu truyền trong lịch sử kỳ thực không phải là hư cấu, ví như Bát tiên quá hải, Phật tổ Thích Ca Mâu Ni tu luyện thành Phật v.v. Trong lịch sử cũng có rất nhiều những sự tích về các cao tăng và đạo sỹ đã tu luyện thành Tiên thành Phật. Cũng có rất nhiều những bậc thầy thuật số, tuân theo thiên mệnh, sử dụng phương pháp suy diễn và dự đoán để cống hiến rất nhiều cho sự phát triển của xã hội nhân loại.

Vào những năm Trinh Quán đời nhà Đường, kỳ nhân chốn giang hồ, bậc thầy thuật số là Viên Thiên Cương và Lý Thuần Phong vâng mệnh Đường Thái Tông Lý Thế Dân, cùng nhau học tập và nghiên cứu về những cục diện thay đổi trong hàng nghìn năm của hậu thế. Trải qua hai năm dày công nghiên cứu, họ đã viết nên quyển sách "Thôi bói đồ". Quyển sách này có tổng cộng 60 tượng, phối với 60 hình vẽ, mỗi bức ảnh đều có (5 hoặc 7 câu) "sấm viết" và "tụng viết" bằng thơ. Thơ và ảnh đều ẩn chứa hàm ý khó hiểu, khiến người ta phải suy đoán ý trong đó (Thiên cơ bất khả tiết lộ, ý rằng không thể tiết lộ thiên cơ). Mỗi bức ảnh, mỗi câu thơ đều ngụ ý về một sự kiện lịch sử trọng đại sắp xảy ra. Khi sự kiện chưa xảy

ra, con người đều không hiểu được ý nghĩa bên trong nó, một khi xảy ra rồi, mới bỗng nhiên tỉnh ngộ, kinh ngạc tán thán tài tính toán siêu thường của bậc thầy thuật số. Ví như, dự ngôn của tượng thứ hai nói về vận mệnh của triều Đường: Trên ảnh có một cái đĩa, trong đĩa có 21 quả mận xếp chồng lên nhau, đếm từ trên đỉnh xuống dưới, quả mận thứ tư không có cuống. Ngụ ý rằng triều Đường truyền được 21 đời, và hoàng đế thứ tư là nữ. Đồng thời trong thơ còn ngầm chỉ rằng triều Đường truyền được 290 năm. Còn có biến hóa hưng vong của hậu thế, như: Tống, Minh, Thanh, Trung Hoa Dân Quốc, tám năm kháng chiến, đầu hàng Nhật Bản v.v. Sự chính xác của dự ngôn khiến người ta kinh ngạc và cảm phục mãi không thôi!

Lưu Bá Ôn là quân sư của Hoàng đế Chu Nguyên Chương khai quốc triều Minh, cũng là một kỳ nhân có một không hai nổi tiếng khắp chốn gần xa. Ông là người tuyệt đỉnh thông minh và nhân đức độ lượng, trong quá trình giúp Chu Nguyên Chương lật đổ sự cai trị tàn bạo của nhà Nguyên, ông luôn thấu hiểu tình cảnh khốn đốn của muôn dân. Ông dụng binh như Thần, bày mưu nghĩ kế, quyết thắng nghìn dặm, không kém gì Gia Cát Vũ Hầu. Người ta nói rằng, ngay khi nhà Minh thống nhất thiên hạ không lâu, Lưu Bá Ôn đã có ý lui về ở ẩn. Vào một buổi sáng tháng Ba năm thứ tư Minh Hồng Vũ, Chu Nguyên Chương ở trong nội điện dùng bữa sáng, ông ăn bánh nướng, sau khi cắn một miếng, ông đặt chiếc bánh vào một cái đĩa rồi dùng bát đập lại và gọi Lưu Bá Ôn vào triều kiến. Sau khi Lưu Bá Ôn đến, vua bèn nói với ông rằng: "Tiên sinh giỏi bói toán, nếu khanh có thể đoán ra trong đĩa này là món điểm tâm nào thì trẫm lập tức thuận cho khanh cáo lão về quê, nếu không thì khanh phải ở lại bên cạnh trẫm, khanh thấy thế nào?" Lưu Bá Ôn bấm ngón tay rồi thưa: "Nửa như mặt trời, nửa như trăng, vừa được kim long cắn một miếng." Đây chẳng phải nói rằng chiếc bánh nướng bị hoàng đế cắn một miếng là gì?

Chu Nguyên Chương thấy Lưu Bá Ôn quả thật thần kỳ, bèn hỏi ông ta những chuyện mà bản thân mình quan tâm lo lắng nhất: "Hậu sự của thiên hạ này sẽ ra sao? Liệu Chu gia (ý nói triều Minh) có thể hưng thịnh trường tồn hay không?" Tiếp theo đó đã diễn ra cuộc đối thoại nổi tiếng giữa quân và thần. Theo yêu cầu của hoàng đế, Lưu Bá Ôn dùng phương thức ca dao để miêu tả lịch sử gần 300 năm của nhà Minh, và sự hưng vong của các triều đại sau đó, dự kiến được những biến hóa về các sự kiện sau này một cách hết sức rõ ràng.

Ví như nói về hậu sự của triều Minh, sau khi Chu Nguyên Chương qua đời, Chu Đệ khởi binh ở phương Bắc: "Tuy nhiên Thái Tử thị đích duệ, văn tinh cao chiếu phương nãi tôn" (Ý là, "Mặc dù Thái Tử là hậu duệ, nhưng người được truyền ngôi lại là cháu nội", vì Hoàng thái tử Chu Tiêu, đích trưởng tử của Chu Nguyên Chương qua đời, là người mà Chu Nguyên Chương có ý định truyền ngôi, nên sau khi Chu Nguyên Chương qua đời đã truyền ngôi cho đích tôn của ông là Thái tôn Chu Doãn Văn, tức Minh Huệ Đế).

Nói đến Chu Đệ thân chinh vùng sa mạc phía Bắc là thành Bắc Bình (từng là thủ đô của Triều đại người Mông Cổ ở Trung Hoa): "Bắc phương Hồ lỗ hại sinh dân, Ngự giá thân chinh định thái bình" (Ý là, Các tù nhân người Hồ ở phương Bắc làm hại muôn dân, đích thân ông chinh chiến mới yên ổn thái bình).

Lại nói đến sự biến Thổ Mộc Bảo, vua Minh Anh Tông phục vị "Thổ mộc chi biến", sau khi ông bị bộ tộc Mông Cổ Ngõa Lạt bắt làm tù binh, nhưng do tấm lòng trung quân bậc nhất thống lãnh quân dân bảo vệ Bắc Kinh, mà Ngõa Lạt buộc phải trao trả Anh Tông trở lại: "Tương tống kim long thực cố cữu, Vân khai biên nhật chiếu biên cương".

Lại nói đến vào cuối triều đại nhà Minh có hoạn quan chuyên quyền là Ngụy Trung Hiền: "Nhậm dụng yêm nhân bảo xã tắc, Bất thiên nữ quý loạn triều cương" – "Bất thiên nữ quý" khi ghép Hán tự lại sẽ tạo thành chữ "Ngụy", chỉ rằng hoạn quan Ngụy

Trung Hiền chuyên quyền làm loạn triều đình.

Bởi vì cuộc đối thoại này bắt nguồn từ việc đoán chiếc bánh nướng nên hậu nhân đã gọi đây là "Thieu bính ca". "Thieu bính ca" là vi ngôn đại nghĩa, thần bí mặc trác, mỗi câu đều là ẩn chứa hàm ý về một sự kiện lịch sử trọng đại sắp xảy ra, rất nhiều dự ngôn của ông đã được nghiệm chứng vào thời điểm đó. Điều khiến người ta cảm phục hơn là, sau khi ông đã qua đời hàng trăm năm, đến hôm nay, một số dự ngôn trọng đại của ông bắt đầu trở thành hiện thực.

Nhiều nhà tiên tri trên thế giới đều có thể dự đoán tương lai rất chuẩn xác (ở nước ngoài cũng có không ít các báo cáo tương tự), ví như: Dự ngôn Maya, Mật mã Thánh Kinh v.v. Từ những thời kỳ khác nhau, dự ngôn của các bậc thầy tiên tri ở các quốc gia khác nhau đều khiến mọi người kinh ngạc bởi tính chính xác của nó đối với lịch sử nhân loại, chúng ta có thể khẳng định rằng, vận mệnh nhân loại là có thể dự đoán được. Vì nó có thể được dự đoán, điều đó thuyết minh rằng đã sớm có an bài một cách trật tự trong chốn u minh này (giống như một diễn viên diễn xuất theo kịch bản được viết sẵn vậy đó). Thế thì, câu hỏi được đặt ra là, ai đã an bài? Chẳng phải là một sinh mệnh cực cao, một vị Thần đã an bài hay sao? Thần, thật sự có tồn tại!

Không chỉ là vận mệnh nhân loại, mà cả sự vận hành của thiên thể hay quy luật của vũ trụ, tất cả những điều ấy đều là những kiệt tác của Thần! Người xưa Trung Quốc vô cùng tôn sùng Thần Phật, thường nói về thiên tượng biến hóa, thiên mệnh nan vi, thuận thiên nhi hành. Từ xưa đến nay, quan niệm "Thiên nhân hợp nhất" đã gieo mầm và khắc sâu trong tâm của người Trung Quốc. Trong thời cổ đại, các vị hoàng đế minh quân đều biết phải tuân theo thiên tượng, thiên ý để luôn luôn cảnh tỉnh bản thân trong việc cầm quyền trị quốc. Nhưng con người hiện đại ngày càng rời xa "Đạo", những gì mà cặp mắt thịt này nhìn không thấy, hoặc khoa học chưa đạt đến được thì đều cho



là mê tín, chỉ vì tiền và quyền lực mà muốn làm gì liền làm nấy, trong tâm đã không còn “Đạo” nữa.

**3. Các nhà khoa học hiện đại nổi tiếng đã nghiên cứu phát hiện rằng: “Tất cả đều là an bài”**  
Hiện nay, hễ nói đến Thần với một số người, họ sẽ lập tức nói: Tôi chỉ tin khoa học thôi. Ý nói rằng họ không tin Thần Phật, dường như trong tư tưởng của họ thì khoa học và Thần học đối lập với nhau. Nhưng thật bất ngờ rằng, đại đa số các nhà khoa học trên thế giới đều là người tín Thần. Như nhà khoa học nổi tiếng Newton và Albert Einstein cũng vậy, họ đều tín Thần. Albert Einstein nói một câu nổi tiếng rằng: “Khi một nhà khoa học cố gắng leo lên đến đỉnh cao, mới phát hiện ra nhà Thần học đã ngồi ở đó từ lâu rồi...” Mọi người đều biết rằng, các nhà khoa học hiện đại phát hiện ra định luật vật chất là bất diệt, định luật bảo toàn năng lượng, định luật lực vạn vật hấp dẫn v.v. Và nhiều định lý khoa học khác, đặt cơ sở cho khoa học hiện đại, cho rằng tất cả những điều này chính là chân lý tuyệt đối. Nhưng không biết rằng, những chân lý khoa học này cũng chứng minh sự tồn tại thực sự của Phật, Đạo, Thần.

Đầu tiên hãy nói về định luật bảo toàn năng lượng. Một lần nọ, khi phóng viên phỏng vấn Einstein, họ hỏi ông về cách nhìn của ông đối với Thần là như thế nào. Einstein lập tức đưa ra một ví dụ, ông chỉ vào tách cà phê trên bàn và nói: “Tách cà phê này là ai đặt ở đó? Nhỏ như một tách cà phê cũng cần năng lượng sắp xếp, thế thì, vô số những thứ trong vũ trụ, như sự vận hành có quy luật của hành tinh và thiên hà, có thể nói là sự hình thành tự nhiên chăng? Tất cả các hành tinh đều vận hành một cách rất trật tự, không thể nói nó là hình thành tự nhiên được, mọi thứ là được Thượng đế an bài!”

Newton đã từng làm một mô hình về sự vận hành của các thiên thể và Hệ Mặt trời, và triển hiện cho mọi người xem, ông nói: “Thiên hà trong vũ trụ cũng

giống như mô hình vận hành này, rất chính xác, không thể tự phát, tùy ý, hay ngẫu nhiên xảy ra, mà khẳng định là có một sức mạnh tồn tại tiến hành an bài hợp lý cho chúng. Các hành tinh quay xung quanh Mặt trời một cách chính xác như vậy, có trật tự như vậy, là ai đã thiết kế và tạo nên? Chỉ có thượng đế vạn năng mới có thể làm được điều này!” Còn hơn cả Hệ Mặt trời, trong vũ trụ bao la này, vô số những thiên hà, hành tinh đều chiếu theo quỹ đạo chính xác mà vận hành một cách hết sức trật tự. Chúng ta thử nghĩ: Nếu mọi thứ vận hành lộn xộn, thì hậu quả sẽ ra sao? Nó có thể là những vụ va chạm và vụ nổ giữa các tinh cầu, và hậu quả sẽ không thể tưởng tượng nổi!

Lại nói về định luật vật chất là bất diệt. Bất cứ ai có một chút kiến thức về vật lý và hóa học đều biết rằng, vật chất trên thế giới là do các phân tử tạo thành, mà phân tử lại do nguyên tử, hạt nhân nguyên tử, điện tử, proton, neutron v.v. Tầng tầng lớp lớp từ vi quan hơn tổ thành. Bao gồm cả thân thể con người, cũng do những lớp từ vi quan này tổ thành. Những lớp từ vi quan này, dấu cụp mắt thịt của con người nhìn không thấy nhưng chúng đều là vật chất, mà vật chất là bất diệt. Hơn nữa vật chất càng vi quan thì năng lượng của nó càng lớn, muốn tiêu hủy những lớp từ vi quan này, cần phải dùng năng lượng và tốc độ va chạm lớn tương ứng (thì mới có thể tiêu hủy được). Giống như bom nguyên tử trong các thí nghiệm khoa học hiện đại, phải khiến cho một số lượng lớn nguyên tử hạch phân rã, thì mới có thể xảy ra vụ nổ hạt nhân. Như thế, sau khi con người chết rồi, vô số lớp từ vi quan ở trong nhân thể sẽ đi đâu, có tùy tiện chết theo không? Nhiệt lượng của lò thiêu không thể khiến cho những lớp từ vi quan ấy cũng bị tiêu hủy như các tế bào phân tử của nhục thân con người, nếu không thì sẽ sinh ra một vụ nổ hạt nhân to lớn biết nhường nào! Những lớp từ vi quan đó tuyệt sẽ không bị tiêu mất đi, sau khi các tế bào phân tử của nhục thân con người thoát rơi ra, nó sẽ tồn tại ở trong không gian lớp từ vi quan.

Khoa học hiện nay đã phát hiện rằng, ngoại trừ không gian vật chất sinh tồn của nhân loại chúng ta ra, còn có rất nhiều những không gian khác đồng thời tồn tại. Cũng chính là nói, linh hồn của con người sẽ không tiêu vong. Như Cơ đốc giáo từng nói: Người tốt thì lên Thiên đường, người xấu thì xuống Địa ngục. Đây chẳng đúng phù hợp với “Định luật vật chất bất diệt” của khoa học hiện đại hay sao? Và thuyết vô Thần luận tuyên dương cái gọi là “Người chết giống như ngọn đèn đã tắt” mới thực sự là ngục khoa học.

“

*Không chỉ là vận mệnh nhân loại, mà cả sự vận hành của thiên thể hay quy luật của vũ trụ, tất cả những điều ấy đều là những kiệt tác của Thần!*

#### Lời kết

Tóm lại, vô số sự thật đã chứng minh rằng Thần thực sự tồn tại. Con người là do Thần tạo thành, văn hóa là do Thần truyền. Thần đã mô phỏng theo hình dáng của Thần để tạo ra con người, đồng thời sáng tạo cho con người điều kiện và hoàn cảnh sinh tồn. Điều quan trọng hơn là, Thần lưu lại cho con người những quy phạm về tiêu chuẩn hành vi đạo đức, ví như: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín v.v. Nếu con người không tin Thần Phật, đi chệch khỏi quy phạm đạo đức làm người, một khi đạo đức bại hoại, sẽ đối diện với nguy cơ bị đào thải. Trên thực tế, hiện nay đạo đức nhân loại đã trượt xuống đến hoàn cảnh vô cùng nguy hiểm! Đặc biệt là dưới ảnh hưởng độc hại của “Vô Thần luận”, con người không còn tin tưởng Thần nữa, không tin thiện ác hữu báo, vì truy cầu lợi ích vật chất mà có thể làm bất cứ điều xấu nào mà không chút băn khoăn hay kiêng dè gì. Càng tà ác hơn nếu trực tiếp chống đối Thần, bức hại tàn khốc người tu luyện hướng thiện và tu Phật, đó đã phạm tội ác rất lớn, nhất định sẽ bị Trời phạt.

Theo vn.minghui.org



Bức tranh Thệ ước miêu tả cảnh các vị Thần thệ ước theo Sáng Thế Chủ hạ thế chính Pháp.

## Khoa học có thể chứng minh CÓ THẦN KHÔNG?

**K**hoa học có thể chứng minh có Thần không? Trước khi trả lời câu hỏi này, trước tiên hãy xem một số những phát hiện khoa học. Đối với những phát hiện khoa học này, ngay cả những nhà khoa học vĩ đại nhất trên thế giới đều cảm thấy khó hiểu, khiến họ phải suy nghĩ lại về sử khởi nguồn của vũ trụ.

#### 1. Khoa học chứng thực sự hình thành của vũ trụ có một sự khởi đầu, điều này có những chỗ tương đồng với thuyết sáng thế của phương Đông và phương Tây

Trước thế kỷ 20, đại đa số các nhà khoa học cho rằng, vũ trụ luôn tồn tại, không có sự khởi đầu.

Năm 1992, thực nghiệm vệ tinh của thiết bị thăm dò vũ trụ (COBE) của Cơ quan Hàng không Vũ trụ Mỹ đã chứng minh, trong ánh sáng và năng lượng phát sáng khiến người ta khó mà tin

được của vũ trụ, từng đã có một lần khởi đầu, các nhà khoa học gọi nó là “vụ nổ lớn”.

“Vụ nổ lớn” đã đem lại sự kiện sáng thế chưa từng có, có chỗ tương tự như Kinh Thánh, trước tác kinh điển của Cơ đốc giáo phương Tây đã miêu tả về sáng thế. Điều này khiến rất nhiều nhà khoa học cảm thấy kinh ngạc. Trước đó, họ cười rằng, Kinh Thánh chỉ là một cuốn sách cổ tích, cho rằng thuyết giảng về sáng thế trong đó là không khoa học. Người theo thuyết bất khả tri, người đạt giải Nobel phụ trách thực nghiệm thừa nhận sự tương tự này, ông nói: “Không nghĩ ngờ gì, vụ nổ lớn là một sự kiện, và quan điểm (sáng thế) của Cơ đốc giáo từ không đến có là tồn tại những điểm tương tự”.

Theo ghi chép của Kinh Thánh, Thượng Đế dùng năng lực của Ngài sáng tạo ra trời đất vạn vật, dùng bùn đất tạo con

người. Còn phương Đông cũng có truyền thuyết tương tự, như Bàn Cổ khai thiên tích địa, Nữ Oa tạo ra con người.

#### 2. “Vụ nổ lớn” không thể nào sinh ra sinh mệnh, trừ phi được thiết kế tinh vi

Các nhà vật lý học tính toán rằng, nếu muốn để sinh mệnh tồn tại, lực hấp dẫn và các lực lượng tự nhiên khác phải vừa vận thích hợp, nếu không, vũ trụ của chúng ta không thể tồn tại. Nếu tỷ lệ giãn nở chỉ hơi yếu đi một chút, thì lực hấp dẫn sẽ kéo tất cả các vật chất trở về “co ngót lớn”. Stephen Hawking viết rằng: “Nếu tốc độ giãn nở sau vụ nổ lớn 1 giây mà nhỏ đi 1 phần mấy ngàn tỷ, thì vũ trụ sẽ bị sụp đổ co lại trước khi đạt đến kích thước như ngày hôm nay”. Một mặt khác, nếu tỷ lệ tốc độ giãn nở chỉ lớn thêm chút xíu, thì các thiên hà, các ngôi sao và các hành tinh sẽ không hình thành, càng không thể có nhân loại.





Vầng hào quang sắc cầu vồng xuất hiện trên bầu trời khi các học viên xếp hình trên Quảng trường Tự do trước Đài Tưởng niệm Tưởng Giới Thạch để chúc mừng ngày Pháp Luân Đại Pháp thế giới và sinh nhật Sư phụ Lý.

Muốn sinh mệnh tồn tại, điều kiện của hệ mặt trời và các hành tinh cũng phải vừa vận thích hợp. Ví dụ, nếu không có oxy, nhân loại sẽ không thể nào hô hấp được, hơn nữa các nguyên tố Hydro, Ni-tơ, Nát-ri, Các-bon, Can-xi, Phốt-pho và các nguyên tố khác, cũng là những thứ mà sinh mệnh cần. Kích thước, nhiệt độ, khoảng cách tương đối và thành phần hóa học của trái đất, mặt trời, và mặt trăng, cũng phải vừa vận thích hợp. Vẫn còn rất nhiều điều kiện khác cần phải điều chỉnh tinh vi, nếu không thì sẽ không tồn tại bất kỳ sinh mệnh nào. Stephen Hawking, người theo thuyết bất khả tri cũng thừa nhận: “Giá trị những con số này dường như đã trải qua sự điều chỉnh vô cùng tinh vi mới làm cho sự phát triển của sinh mệnh trở thành có thể”.

Nếu nhân loại có thể ngẫu nhiên tồn tại trong vụ nổ ngẫu nhiên thì xác suất là bao nhiêu? Một nhà thiên văn học đã tính ra xác suất này chưa tới một phần nghìn tỷ.

Nhà khoa học vĩ đại nhất cận đại là Einstein cho rằng, thiên tài đằng sau vũ trụ là “một loại trí huệ trác việt như thế này, so sánh ra, thì tất cả suy nghĩ hệ thống và hành động của nhân loại nhỏ nhoi không đáng kể”.

### 3. Tính phức tạp của DNA vượt rất xa so với trí lực mà các nguyên nhân tự nhiên có thể sản sinh ra

DNA (acid deoxyribonucleic) là một loại phân tử lớn của sinh vật, có thể tổ thành chỉ lệnh di truyền, dẫn dắt sự vận hành của sự phát triển của sinh vật và cơ năng của sinh mệnh, chức năng chủ yếu của nó là lưu trữ thông tin (tín tức).

Dữ liệu mà máy tính lưu trữ là hệ thống nhị phân 0 và 1, còn DNA có 4 loại nucleobase (A, T, G và C). Vì vậy, nó có mật độ lưu trữ cực kỳ cao. DNA có trọng lượng không bằng một hạt đường nhưng có thể lưu trữ tất cả các bộ phim trên thế giới. Người sáng lập Microsoft Bill Gates quan sát thấy “DNA giống như một phần mềm máy tính, nhưng nó tiên tiến hơn bất kỳ phần mềm máy

tính nào mà chúng ta phát triển ra rất nhiều lần”.

Cho dù là người theo thuyết tiến hóa trung thực nhất cũng phải thừa nhận, khởi nguồn phức tạp của DNA là không thể nào giải thích nổi. Francis Crick, một trong những người phát hiện ra kết cấu xoắn kép của DNA, một người theo thuyết tiến hóa, tin rằng, DNA không thể nào có nguồn gốc tự nhiên trên trái đất. Ông viết rằng: “Một người thành thực nắm hết tất cả những tri thức của chúng ta hiện nay cũng chỉ có thể nói, ở một ý nghĩa nào đó, rằng khởi nguồn của sinh mệnh hiện nay xem ra quả là một kỳ tích, muốn để nó phát sinh, những điều kiện ắt phải thỏa mãn nhiều như thế này”.

Đầu thế kỷ 21, Antony Flew, người dẫn đầu thuyết vô Thần, sau khi nghiên cứu trí huệ đằng sau DNA thì thuyết vô Thần của ông đột ngột kết thúc. Ông phát hiện ra rằng, “phần mềm” đằng sau DNA quá phức tạp, không thể nào sinh ra trong điều kiện không có một “nhà thiết kế”.

### Lời kết

Bài viết này đưa ra 3 phát hiện có tính cách mạng ở lĩnh vực thiên văn học và sinh vật học phân tử. Có lẽ, những phát hiện khoa học này vẫn còn khó mà chứng thực được sự tồn tại của Thần, nhưng trí huệ mà nó bao hàm trong đó xác thực là năng lực tự nhiên không thể nào sánh nổi, nên gọi nó là “Thần tích” thì cũng không quá đáng.

Những “Thần tích” mà khoa học không thể nào giải thích nổi vẫn còn có rất nhiều. Pháp Luân Đại Pháp (xem trang 49-50) đã sáng tạo ra rất nhiều kỳ tích y học. Rất nhiều người nhiễm dịch bệnh đã khôi phục lại sức khỏe khi niệm 9 chữ Chân ngôn “Pháp Luân Đại Pháp hảo, Chân Thiện Nhẫn hảo”. (xem “Một người phụ nữ Đức ở bên bờ vực cái chết sau khi nhiễm Covid-19 đã phục hồi nhờ niệm chín chữ chân ngôn”)

Đại dịch hiện nay, nhân loại sẽ đi đâu về đâu? Con người từ đâu đến, sẽ đi về đâu? Có lẽ, chúng ta cần suy nghĩ lại một chút về những vấn đề rối rắm này.

Bài viết của Vũ Tu



Tranh của đệ tử Pháp Luân Đại Pháp: “Đội trống lưng”.

Ở nhiều thành phố lớn trên thế giới, các học viên Pháp Luân Cộng thường tham gia các buổi diễn hành để tôn vinh văn hóa truyền thống Trung Quốc. Người họa sĩ đã vẽ các thiên sứ chơi đùa trên những đám mây, bắt chước theo tiếng trống đồng nhất ở bên dưới.

Ánh sáng chiếu rọi lên gương mặt của mọi người khi đội trống lưng tiến đến. “Anh hài”, hay các tiểu thiên sứ, chỉ xuất hiện trong một trường năng lượng tích cực, đang chơi đùa hồ hởi trên bầu trời.



# Nhân loại bị đầu độc bởi thuyết vô thần

Xuyên suốt lịch sử nhân loại con người đều tin vào sự tồn tại của Thần. Từ các huyền thoại và truyền thuyết ở cả hai nền văn minh phương Đông và phương Tây, truyền thuyết ở mỗi chủng tộc đều nói về sự sáng thế, và Thần đã tạo ra nhân loại từ hình tượng mình. Nhiều lời tiên tri cũng nói về thời mạt thế và Thần sẽ đến cứu độ con người. Giá trị đạo đức nhân loại đã được duy trì ở một mức độ nhất định, bởi vì họ tin vào sự tồn tại của Thần. Do đó, loài người đã được phép tồn tại đến khi có một Đại Pháp hồng truyền, và con người giờ đã có cơ hội trở về nguồn cội chân thực của mình.

Kể từ khi ĐCSTQ được thành lập tại Trung Quốc, nó đã thâm sát và bức hại hàng tỷ công dân Trung Quốc. Ở Trung Quốc Đại Lục, ĐCSTQ truyền nhồi nhét ý thức hệ vô thần cũng như thuyết tiến hóa thông qua giáo dục, nghệ thuật, và truyền thông. Người Trung Quốc đều bị tiêm nhiễm thuyết vô thần. Người dân Trung Quốc giờ không còn tin vào Thần nữa. Họ không còn tin vào nhân quả báo ứng và ác giả ác báo nữa. Các hành vi gây cảm phẫn nhất được thực hiện bởi những ai bị tiêm nhiễm thuyết vô thần, mà điển hình là sự thù hận đối với Thần và tín ngưỡng. Những người này coi đức tin như thứ gì đó ngu muội và mê tín. Vì thế họ thờ ơ trước việc bức hại những người có đức tin. Họ nghĩ những người như vậy đáng bị trừng phạt.

Ở Trung Quốc ngày nay, nếu bạn nói về sự hủ bại của ĐCSTQ, không ai sẽ phản đối bạn cả. Nhiều người sẽ vui vẻ đồng tình và đưa ra những ví dụ về các quan chức tham nhũng. Nhiều người cũng sẽ không tranh cãi với bạn nếu bạn nói về sự báo ứng. Tuy nhiên, nếu bạn đề cập đến việc Trời sẽ diệt ĐCSTQ, thì phản ứng là khác hẳn. Một số trở nên trầm lặng, trong khi những người khác có thể cười lớn mà không tin. Còn có những người không chấp nhận điều đó một chút nào. Mặc dù những người này có thể nghi ngờ hay hoàn toàn không tin, tất cả họ đều hy vọng rằng ĐCSTQ sẽ sớm sụp đổ và nhờ đó họ có thể thoát khỏi sự cai trị của nó. Nếu bạn nói về sự tồn tại của Thần Phật trong vũ trụ, hầu hết sẽ không nói gì, nhưng từ biểu hiện của họ, bạn có thể thấy vài người trong số họ hoàn toàn không tin những gì bạn nói.



Hình minh họa: "Thánh Michael chiến thắng Satan" của Raphael, 268 cm x 160 cm, ban đầu là sơn dầu trên gỗ, sau đó được đổi thành sơn dầu trên vải, năm 1518, lưu giữ tại Cung điện Louvre, Paris.

Trong vũ trụ bao la này, con người thật quá ư nhỏ bé. Nếu một người muốn khai mở chân lý vũ trụ, người ấy trước tiên phải thành kính và có tâm chân chính. Đó chính là quá trình tu luyện tâm tính. Kể từ thời cổ, con người đã biết về chính Đạo, và thật khó để đắc Đạo. Vào thời cổ xưa, từ nhiều người tu Phật và tu Đạo ở Trung Quốc, cho tới các tín đồ tôn giáo kiên thành ở các nước khác, đã có biết bao ví dụ về việc kiên định giữ vững đức tin nơi Thần Phật khi đối mặt với nghịch cảnh. Ngày nay, nhiều học viên Pháp Luân Công ở Trung Quốc đã kiên định đức tin vào "Chân-Thiện-Nhân" khi đối mặt với bức hại và tra tấn tàn bạo. Họ triển hiện lòng đại nhân, đại thiện làm cảm động cả trời và đất.

Bài của Đức Nguyên

# PHÁP LUÂN ĐẠI PHÁP

## Môn tu luyện để đề cao đạo đức, tâm tính và sức khỏe



Luyện công tập thể tổ chức tại bãi cỏ phía Tây Tòa nhà Quốc hội Mỹ, 2018.





Ngày 16 tháng 11 năm 2019, ước tính có khoảng 6.000 học viên đã tập trung tại Quảng trường Tự do ở Đài Bắc để luyện công và tham gia sự kiện xếp hình quy mô lớn. Hình được xếp là các chữ tiếng Trung để tôn vinh sự hồng truyền của Pháp Luân Đại Pháp trên toàn thế giới. Phía trên bản đồ là các chữ tiếng Trung “Chân”, “Thiện”, và “Nhân”. Bên dưới bản đồ là dòng chữ mang nghĩa “Đại Pháp hồng truyền”.

Mặc dù khái niệm “tu luyện” có thể không quen thuộc lắm đối với người phương Tây, nhưng khi nhìn qua danh sách các định nghĩa về “tu luyện” trong từ điển, chúng ta có thể thấy rằng nó liên quan đến việc rèn luyện và đề cao cá nhân – nhưng đó mới chỉ là ý nghĩa trên bề mặt.

Ở Trung Quốc, tu luyện có một truyền thống lâu đời và phong phú. Theo nghĩa bề mặt, chữ TU trong tiếng Hán là ý tứ tu sửa, sửa chữa, chữ LUYỆN bộ hỏa là có ý tứ như trong luyện gang, luyện thép. Tu là nói tu tâm, thăng hoa tâm tính và cảnh giới tư tưởng. Luyện là nói luyện thân, đề cao tố chất thân thể, luyện ra thân thông thuật loại. Đây chỉ là dịch trực tiếp các từ của thuật ngữ.

Để có một hiểu biết đầy đủ hơn về khái niệm tu luyện, chúng ta có thể tìm trong lịch sử của Trung Quốc. Khoảng 2500 năm trước, bậc thánh nhân Lão Tử xuất hiện ở Trung Quốc. Vào khoảng cùng thời gian đó, Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở Ấn Độ. Lão Tử viết quyển sách Đạo Đức Kinh, đó là cách mà hầu hết mọi người học về những điều mà Ông gọi là “Đạo” hay “Con đường”. Phật Thích Ca Mâu Ni truyền Phật giáo ở Ấn Độ trong 49 năm, sau đó Phật giáo được truyền vào Trung Quốc. Hai gia phái này sau đó đã hình thành nền móng cho nhiều môn tu luyện tinh thần ở Trung Quốc.

Tôn giáo cũng được coi là một hình thức của tu luyện. Có tôn giáo như Phật giáo, có chùa, hòa thượng, v.v... và có nhiều Pháp môn khác nhau thuộc về Phật giáo. Tuy nhiên, các Pháp môn tu luyện của Phật gia không chỉ có vậy, bởi vì còn có nhiều Pháp môn của Phật gia nhưng không phải là một phần của Phật giáo. Thường thì các Pháp môn này chỉ đơn thuần có Sư phụ và các đệ tử, nhưng

không có các nghi thức tôn giáo hay nơi thờ cúng. Các Pháp môn này cũng được coi là các phương pháp tu luyện. Ở bên Đạo gia cũng vậy. Có Đạo giáo nhưng cũng có nhiều môn tu luyện thuộc về Đạo gia nhưng không mang hình thức tôn giáo. Do đó ở Trung Quốc, người ta không nhất thiết phải theo tôn giáo để đạt được mục đích đề cao cảnh giới tư tưởng và tinh thần – mà người ta chỉ cần một phương pháp tu luyện. Còn ở phương Tây, bởi vì chúng ta không thực sự có khái niệm tu luyện, bất cứ điều gì mang tính tinh thần hay liên quan đến việc xuất thế gian theo truyền thống đều được coi là tôn giáo.

Tu luyện là hình thức mà Thần lưu lại cho con người, có thể khiến con người phản bốn quy chân, là phương cách duy nhất có thể trở về Thiên quốc. Hơn 30 năm trước, Pháp Luân Đại Pháp đã được hồng truyền tại Trung Quốc Đại Lục, chính là yêu cầu người tu luyện chiếu theo nguyên lý “Chân-Thiện-Nhân” là đặc tính tối cao của vũ trụ, tu tâm hướng thiện, nghiêm khắc yêu cầu bản thân, tu được nhanh nhất, vững chắc nhất. Chỉ trong hơn ba mươi năm, người tu luyện trở thành người tốt, vô số những câu chuyện về đạo đức thăng hoa cảm động lòng người, vô số những người chưa tốt đã quay đầu hối cải; vô số người trở nên chân thực, thiện lương, khoan dung, bình hòa, đạo đức cao thượng; vô số người bệnh nặng và khó chữa đều đã được thân tâm khỏe mạnh...

Pháp Luân Đại Pháp bao hàm những điều cốt lõi của tất cả các phương pháp tu luyện khác trong hình thức là Chân Thiện Nhân. Thực sự là, bất kể là theo tôn giáo hay tín ngưỡng tinh thần nào, người ta đều có thể làm theo ba nguyên tắc cơ bản này của Pháp Luân Đại Pháp (xem thêm thông tin về Pháp Luân Đại Pháp tại [vi.falundafa.org](http://vi.falundafa.org)).

# Những câu chuyện về PHÉP TẮC NHÂN QUẢ thời xưa

Nguồn tài liệu:  
“Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Liệt Chứng”,  
“Lịch Sử Cảm Ứng Thông Kỳ” v.v

Trong sách cổ Trung Quốc có rất nhiều nội dung nhấn mạnh về vận mệnh và nhân quả báo ứng, làm việc thiện cứu người đắc thiện báo, làm việc ác hại người bị ác báo, chỉ dân con người tuân theo thiên lý, làm nhiều việc thiện thì mới gặp được nhiều cơ hội tốt. Bởi vì trên đầu ba thước có Thần linh, con người nếu làm việc tốt thì không phải hỏi chuyện tương lai, người có thiện nguyện thì ông Trời nhất định bảo hộ. Trong sử sách có rất nhiều câu chuyện như vậy, bên dưới xin đưa ra mấy ví dụ về thiện ác báo ứng.

## Kính Phật hành thiện, Thần minh bảo hộ

Vào thời Bắc Tống, Hàn Kỳ từ nhỏ đã thích làm việc thiện và cứu giúp người khác, thành kính tín Phật, lời nói chính trực ngay thẳng, không giỏi nói đùa, tính tình thuần phác. Ông đảm nhiệm chức quan can gián trong ba năm, dám mạo phạm để khuyên răn nhà vua. Phàm là việc không thích đáng và không cần thiết thì ông sẽ không nói, mỗi lần nói ông đều phân rõ thị phi thành bại, làm ngay chính lại pháp luật, trung thành và chính trực, tránh xa những kẻ tiểu nhân nịnh nọt. Ông làm quan đến hơn 70 tuổi, xử lý sự vụ trước sau một cách cẩn trọng không chút sơ sót.

Năm Bảo Nguyên thứ 2, vùng Tứ Xuyên xảy ra hạn hán nghiêm trọng, số người chết đói tăng cao, Hàn Kỳ được bổ nhiệm chức quan giám ti. Sau khi đến Tứ Xuyên, đầu tiên ông cho miễn giảm thu thuế, truy bắt tham quan không làm tròn chức trách, bãi bỏ hơn trăm chức quan dư thừa, sau đó ra lệnh lấy toàn bộ lương thực trong kho của quan phủ địa phương phân phát cho bách tính đang gặp khó khăn, ở các nơi đều nấu cháo đặc cứu đói cho hơn 1,9 triệu người dân. Người dân cảm kích nói rằng: “Sứ giả đã đến, chúng ta lại được cứu sống rồi.”

Về sau, ông được điều đi nhậm chức ở Trung Sơn, vào lúc băng qua sông Sa, người dân đường quay về hồi báo mực nước

sông phía trước đột nhiên dâng cao. Hàn Kỳ nhanh chóng ra lệnh chuẩn bị tàu thuyền để vượt sông, quả nhiên thế nước xung mãnh, sóng nước cao như núi, khiến cho tàu thuyền sắp sửa bị nhấn chìm. Những người đi theo ai nấy đều thấy kinh sợ. Lúc này đột nhiên có một con Thần long chắn ngang dòng nước lớn ở thượng lưu con sông nên nước sông lập tức yên ả trở lại, đợi cho đến khi Hàn Kỳ và những người đi cùng an toàn qua khỏi con sông thì dòng nước trở lại dữ dội như trước. Ai nấy đều nói là do Hàn Kỳ thường ngày hay làm việc thiện nên được đắc cứu.

## Phạm pháp nhận của đút lót liên lụy đến đời sau

Thời nhà Đường ở vùng Giao Chỉ có một người tên là Tá Phiên Quang. Một hôm vào buổi trưa, ông ấy đang làm việc ở quan phủ thì đột nhiên gió giật sấm chớp nổi lên, Phiên Quang và con trai cùng với con chó vàng mà họ nuôi đều bị sét đánh chết. Vào lúc sét đánh, thê tử của Phiên Quang đột nhiên nhìn thấy một vị Đạo sĩ nâng cô lên và quảng cô đến một địa phương khác, nhờ vậy nên cô thoát chết. Có người hỏi cô ấy: “Chuyện này nguyên nhân là vì sao?” Thê tử của Phiên Quang nói: “Trước đây có hai người dân đến cáo tụng nhưng Phiên Quang đã bắt họ nhốt vào trong ngục. Sau đó, người không biết đạo lý đã đút lót cho Phiên Quang nên anh

ấy đã thả họ ra. Còn người có lý thì bị đánh đập và bị ép buộc nhận tội, đồ ăn thức uống của họ đều bị Phiên Quang đoạt lấy mang cho con trai và chó vàng ăn. Lúc hai người dân bị giam trong ngục đói chết, họ nói rằng nhất định phải tố cáo anh ta với Thiên Đế.” Chưa đến mấy hôm sau thì Phiên Quang gặp phải báo ứng này.

Thiện ác hữu báo là thiên lý. Chúng ta có thể nhìn thấy trong cuộc sống thực tế, phàm là những ai tin vào nhân quả báo ứng đều biết tự nguyện tự giác đi làm điều thiện tích đức, không chỉ là tạo cho mình vận mệnh tốt mà còn đặt nền tảng tích phúc đức cho con cháu. Phàm là những ai không tin vào nhân quả báo ứng thì thường làm điều xấu hại người làm lợi cho mình, không muốn tích đức hành thiện, kết quả là phí công bản thân bỏ mất phúc đức, còn làm liên lụy đến con cháu, hậu quả của việc thương thiên hại lý không thể tính được. Đạo làm người cần phải nhìn thẳng vào phép tắc nhân quả, phải quan sát được tâm niệm của bản thân và hết thảy hành vi xem có phù hợp với thiên lý hay không thì mới có thể có tiền trình quang minh.

## Xem mạng người như cỏ rác nên tổn thọ và mất đi phúc lộc

Thượng thư Tô Đình thời nhà Đường lúc còn trẻ có người xem tướng cho ông ta nói: “Ông có





Bức tranh trong sách 'Nhị thập tứ hiếu'. Tranh vẽ 24 tấm gương về hiếu của Vương Tô thời nhà Thanh: Lòng hiếu kính của Ngụ Thuần cảm động trời xanh.

thể làm quan đến chức Thượng thư, có thể làm đến quan nhị phẩm." Về sau, ông ta làm quan tam phẩm đến chức Thượng thư thì mắc trọng bệnh. Ông tìm đến thầy tướng số xem cho. Thầy tướng số nói: "Thọ mệnh của ông đã tận rồi, không có cách nào để kéo dài thêm." Tô Đĩnh kể lại chuyện đã từng có người xem tướng cho ông trước đây. Thầy tướng số nói: "Lúc ban đầu xác thực là như vậy, nhưng do lúc làm quan ở Quế Châu, ông đã xử chết hai người. Bây giờ hai người đó đang kháng cáo ông dưới địa phủ, quan sai đã giảm thọ mệnh của ông hai năm, chính vì vậy nên ông không thể làm đến quan nhị phẩm." Vốn là khi Tô Đĩnh còn làm quan ở Quế Châu, có hai tiểu quan sai kháng cáo huyện lệnh, nhưng Tô Đĩnh vì bao che cho huyện lệnh mà xử chết hai tiểu quan sai. Tô Đĩnh nhớ lại sự việc lúc đó chỉ còn biết thở dài rồi qua đời.

#### Tích thiện cải biến vận mệnh, phúc trạch tròn đầy

Thời nhà Thanh, ở huyện Thuận Đức tỉnh Quảng Đông có một người tên là Ôn Nhữ Thích thi đỗ tiến sĩ vào năm Càn Long thứ 49. Có một thầy tướng số xem tướng mặt cho ông và nói rằng đời này ông ấy chỉ có thể làm đến chức quan tứ phẩm. Năm Càn Long thứ 59, con đề lớn nhất ở Quảng Đông bị vỡ. Ôn Nhữ Thích trở về

quê nhà làm tang sự cho cha mẹ và tận mắt nhìn thấy tình cảnh bách tính trôi dạt khắp nơi. Ông đã lấy toàn bộ gia sản và tổ chức quyền góp tài nguyên để xây lại con đê. Ngoài ra, ông còn lập ra lớp học miễn phí truyền giảng về kinh sách Nho gia v.v, làm việc thiện và khuyến thiện.

Về sau, ông trở lại kinh thành, thầy tướng số ngày trước nhìn tướng mạo của ông liền kinh ngạc thốt lên: "Ông về quê nhất định đã gieo rất nhiều phúc đức, nếu không thì tướng mặt và cốt cách của ông làm sao mà có nhiều cải biến đến vậy? Ông có thể thăng quan lên nhị phẩm." Ôn Nhữ Thích kể lại những việc mình đã làm, nghe xong chuyện thầy tướng số cười và nói: "Tướng do tâm sinh, tương lai phía trước của ông có hy vọng vô cùng!" Sau này, ông ấy làm chủ khảo vùng Quảng Tây, Tứ Xuyên và Sơn Đông, được thăng chức đến Binh bộ thị lang. Con trai của ông là Ôn Thừa Đề thi đỗ tiến sĩ vào năm Đạo Quang thứ 6, vào làm trong Viện hàn lâm với chức quan Hình bộ chủ sự. Người ta đều nói chuyện này là do nhà họ Ôn lấy thiện để cứu giúp thế nhân mà có được.

#### Tâm tồn thiện niệm nhất định sẽ có thiện quả

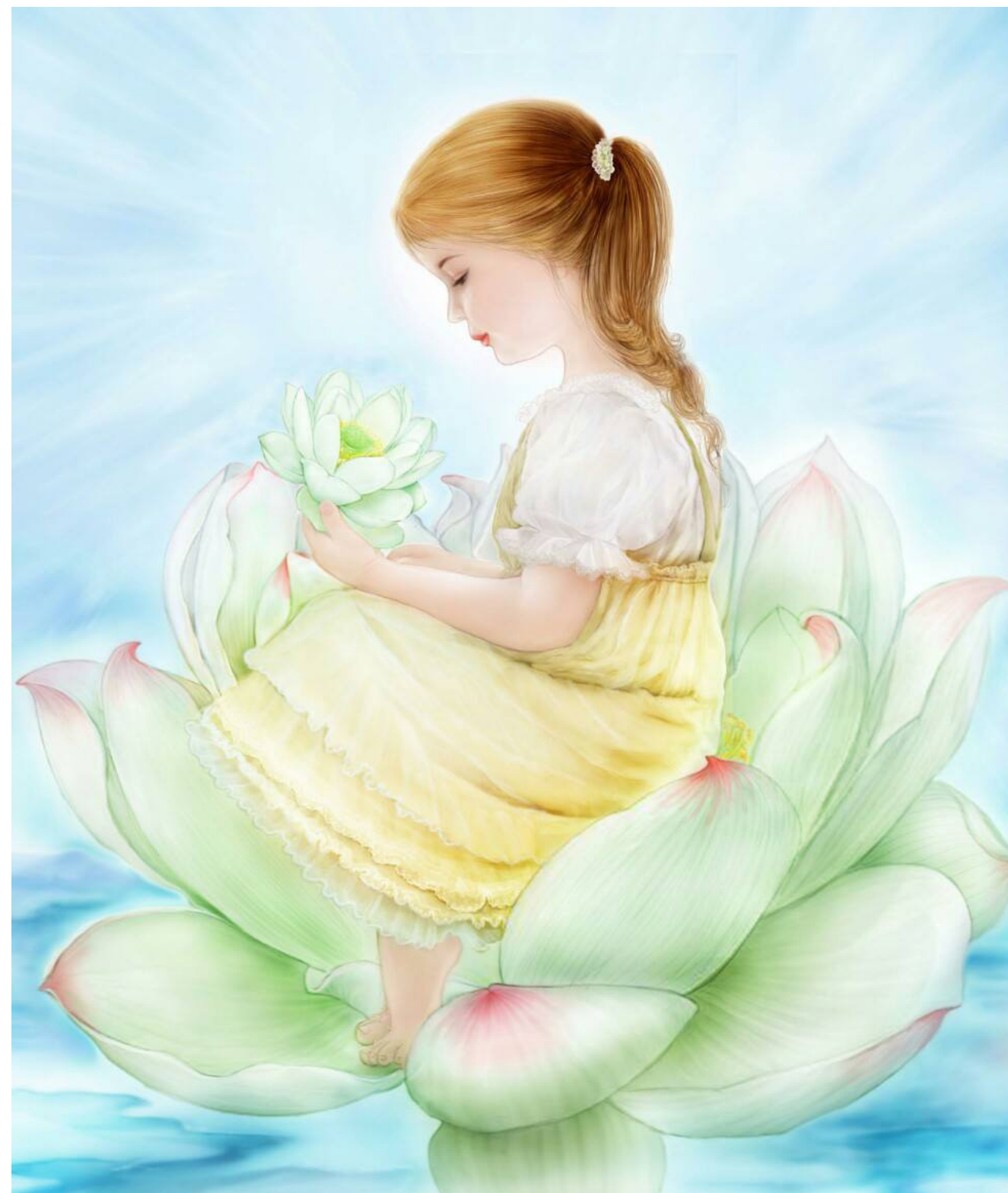
Thời nhà Minh, ở Phụng Dương tỉnh An Huy có một người tên là Trịnh Chiếu. Ông ngưỡng mộ các bậc thánh hiền và tự mình

thực hành theo Đạo của bậc thánh hiền. Mỗi ngày đều tận lực hành thiện giúp người, cứu tế người khác trong hoạn nạn, không từ chối việc thành tựu điều tốt cho người khác, hơn chục năm qua ông vẫn kiên trì làm như thế. Vì vậy, mọi người gọi ông ấy là người đại thiện. Ông ấy tự yêu cầu nghiêm khắc với bản thân mình. Ông không dám tùy tiện với những điều bản thân nghe thấy, nhìn thấy của mình. Ở nơi không có người nhìn thấy, ông vẫn bảo trì trạng thái cẩn trọng.

Một hôm, tối đến ông nằm mộng thấy mình đến thiên cung và nhìn thấy thiên thần đã sắp sẵn một chỗ ngồi cho ông, họ nói rằng: "Ông vốn có vận mệnh bản hàn, nhưng vì làm việc thiện nên lệnh cho hai thần phúc và lộc đi theo ông, sau này ông sẽ ngồi vào chỗ này." Kể từ đó, Trịnh Chiếu đi đến đâu cũng đều có phúc lộc theo đó, con cháu được vinh hoa phú quý, rạng rỡ quan trường, cuối đời cũng như thế. Trịnh Chiếu kiên trì tấm lòng hướng thiện, hằng tâm kiên trì đến cùng nên về sau đã chứng đắc quả vị Tịnh độ chân nhân. Đây chính là đạo lý những điều tốt đẹp và cát tường thuận theo thiện tâm mà đến.

Bài viết của Tri Chân

# NHÂN SINH CẢM NGỘ





# Tích đức hành thiện là phong thủy tốt nhất

ẢNH: CHANHKIEN.ORG



Tranh sơn dầu "Món quà" của Kathleen Gillis, "32 x 58", 2006.

Xưa có một người muốn xây nhà, đi mời thầy phong thủy đến xem phong thủy. Trên đường đi, từ xa trông thấy chim chóc bay loạn xạ phía trên miếng đất mà mình đã chọn, người này nói với thầy phong thủy rằng: "Chúng ta trước tiên hãy về nhà đã, chim chóc bay loạn xạ phía trên mảnh đất đó, nhất định là có trẻ con đang treo cây hái đào. Chúng ta đến sẽ kinh động chúng, khiến chúng sợ có thể ngã từ trên cây xuống thì không hay rồi".

Thầy phong thủy nói với người đó rằng: "Không cần xem phong thủy nữa, thiện tâm của ông chính là phong thủy tốt nhất. Bất kể ông xây nhà ở đâu, đều sẽ thuận lợi, sau này nhất định sẽ sinh ra phong thủy tốt".

Ngày nay mọi người nơi nào cũng xem phong thủy, cầu vận may, nào có hay tích đức hành thiện chính là phong thủy tốt nhất. Cái tâm thiện lương và khí cát tường của phong thủy là tương thông. Người hành thiện tích đức có thể được Thần chiếu cố. "Làm việc thiện thì Trời giáng trăm điều may mắn, làm việc ác thì Trời giáng trăm điều tai ương", xưa nay vốn là như vậy.

## Hiển tặng bảo địa phong thủy làm trường học

Nhà chính trị, nhà văn trứ danh đời Tống là Phạm Trọng Yêm đã viết trong "Nhạc Dương Lô ký" những câu danh ngôn thiên cổ rằng: "Không vui buồn vì được mất cả nhân", "Lo trước nỗi lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ". Từ nhỏ ông lập chí "Đại trượng phu nên làm lợi cho dân", "Không làm lương tướng thì làm lương y". Phạm Trọng Yêm tín phụng Phật Pháp, làm quan thanh liêm chính trực, yêu dân như con, coi trọng giáo dục.

Một lần, Phạm Trọng Yêm mua được một căn nhà, thầy phong thủy xem xong rồi nói phong thủy cực tốt, nếu ở đất này thì con cháu đời sau nhất định sẽ có tiền đồ to lớn và lâu dài, phú quý vinh hoa hưởng không hết.

Sau khi nghe xong, Phạm Trọng Yêm liền hiển tặng ngôi nhà này cải tạo làm trường học, trẻ em đều có thể đến đây học. Ông nói: "Để con cháu đời sau của người dân đều có thể có tiền đồ như một nắm chắt phải tốt hơn một mình nhà ta hưởng phúc đó sao?"

Sau này 4 người con Phạm Trọng Yêm ai nấy đều tài hoa xuất chúng, quan vận hanh

thông. Cháu con đời sau của gia tộc họ Phạm hưng thịnh 800 năm, nguyên nhân chính là Phạm Trọng Yêm tích đức nên phúc ấm cháu con, và con cháu đời sau gia tộc họ Phạm kiên trì thực hiện gia quy của Phạm Trọng Yêm "Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ".

## Trả lại ngọc thay đổi mệnh

Người xưa trọng nghĩa khinh lợi, khi người khác khó khăn thì sẵn lòng trợ giúp. Dùng lòng nhân ái đối đãi với tất cả các sự tình thì phúc đức cũng sẽ theo đó mà đến, tai họa cũng theo đó mà đi. Đó chính là: Tướng do tâm sinh, cảnh tùy tâm chuyển.

Bùi Độ đời Đường thuở thiếu thời gặp một cao tăng. Cao tăng xem tướng mặt anh và nói rằng anh nhất định sẽ thành người ăn xin chết đói ở đường phố. Một tháng sau. Bùi Độ lại gặp vị cao tăng này. Cao tăng thấy ánh mắt anh trong sáng thì nói rằng, sau này anh nhất định sẽ làm tể tướng.

Bùi Độ cảm thấy vô cùng khó hiểu: "Một tháng trước thầy nói rằng con sẽ bị chết đói ở đường phố, giờ đây lại nói là con sẽ làm tể tướng, đó là nguyên do gì?"

Cao tăng nói: "Sau khi ta

đoán con sẽ chết đói ở đường phố, con đã làm một việc rất tốt, không chỉ tiêu trừ được ách vận, mà vận mệnh con cũng đã xuất hiện bước ngoặt".

Thì ra một ngày nọ, Bùi Độ nhặt được một đai ngọc rất quý giá, Bùi Độ cứ đứng ở đó chờ người đánh mất, đợi một ngày một đêm. Những người khác đều nói: "Anh đã đợi lâu thế này rồi, cũng là chí nhân tận nghĩa rồi. Anh nghèo như thế này, cái đai ngọc này anh hãy giữ lấy đi".

Bùi Độ vẫn khẳng khái đứng đó chờ người đánh mất. Sau đó cuối cùng cũng đã đợi được người đánh mất đến. Người mất đồ muốn dùng tiền tài để tạ ơn báo đáp anh nhưng anh khéo léo từ chối.

Chính vì chuyện này khiến Bùi Độ đã tích được đức. Sau này quả nhiên anh đã làm tể tướng.

## Lũ lụt có mắt vòng đường mà đi

"Đức" là cội nguồn của tất cả phúc khí và phúc báo. Một người chỉ có hành thiện tích đức thì mới có thể trường thọ, phú quý, khang ninh, có hậu, và phúc trạch thâm hậu.

Trung và hạ tuần tháng 8 năm nay, Tú Xuyên bị mưa lớn đã gây ra lũ lụt lớn nhất chưa từng có trong lịch sử, mực nước ba con sông Mân, Đại Độ và Thanh Y tăng vọt. Ngón chân của Đại Phật Lạc Sơn - Tượng Phật khắc đá lớn nhất thế giới ở vị trí hợp lưu của 3 con sông này, đã bị ngập nước.

5 giờ sáng ngày 18 tháng 8, người dân ở bên sông Thanh Y, thành phố Lạc Sơn đột nhiên tiếp nhận được thông báo rằng: "Đỉnh lũ vào 8 giờ sáng sẽ lên đến bờ sông Thanh Y, yêu cầu mọi người nhanh chóng rời khỏi nhà, di chuyển đến nơi an toàn".

Trong thôn có một người dân là học viên Pháp Luân Công, ông không lập tức rời nhà. Nhìn dòng nước lũ cứ dâng lên từng thước từng thước, đến 9 giờ, nước lũ đã đến bờ sông, ngập hết hoa màu trong thôn, rồi lại ngập móng nhà, ao cá, thế nước vẫn còn đang tăng lên nhanh chóng. Khi ông thấy thế nước dâng đến cách nhà ông 1 thước thì toàn bộ người nhà lúc này mới rút đi toàn bộ, đến nơi địa thế cao chờ cho đỉnh lũ rút đi.



Tranh của học viên Pháp Luân Công: "Không chôn nương thân"

Cô gái trong bức tranh này đang sống tạm trong một căn nhà lá, chỉ còn lại một nửa cái bánh bao, và cô đang ngủ thiếp đi vì mệt mỏi. Dù vậy tay cô vẫn ôm chặt cuốn "Chuyển Pháp Luân", quyển sách chỉ đạo tu luyện của Pháp Luân Đại Pháp. Trong giấc mộng, một vị thiên sứ tới ngồi bên cô, diễn tấu cho cô nghe những bản nhạc thần tiên mỹ diệu như muốn khích lệ cô.

Sau 4 giờ chiều, lũ lụt đã rút. Người các nhà các hộ đều vội vàng trở về nhà xem tình hình trong nhà mình. Vị học viên Pháp Luân Công này trở về nhà xem, tất cả mọi người đều tròn mắt kinh ngạc: Đê chắn nhà ông không bị nước tràn vào, trong nhà cũng không có một giọt nước. Nhà hàng xóm địa thế cao đều bị nước tràn vào, tường bao nhà hàng xóm cũng bị nước lũ xô đổ, nhưng nhà ông lại không có một giọt nước nào.

Càng kỳ lạ hơn là, nước lũ đã ngập ao cá nhà ông, nhưng cá lại bơi lội ung dung trong ao, không một con cá nào bị nước lũ cuốn đi, dường như không có trận lũ lụt vậy. Anh trai của vị học viên Pháp Luân Công này xúc động

nói: "Thần kỳ quá".

Phật Pháp vô biên, lòng người có phân chia thiện ác, tốt xấu, trời đất có âm dương, chính phụ. Khi lòng người tổn thiện niệm, tích cực vươn lên, Phật tính xuất hiện, thì sẽ được Thần Phật bảo hộ, sẽ có ngũ phúc lâm môn. Khi lòng người có ác niệm, giận dữ, mắng chửi, căm hận, ma tính chủ đạo tâm trạng và hành vi của mình, thế thì cái theo đó mà đến sẽ là tai họa liên tiếp, trời giáng trăm tai ương.

Mong những người thiện lương đều ghi nhớ: "Pháp Luân Đại Pháp hảo, Chân-Thiện-Nhân hảo", điều này nhất định sẽ khiến bạn bình an, phúc thọ song toàn.

Bài viết của Kinh Chu



# CỔ TÍCH & HIỆN THỰC

Những hồi ức tuổi thơ của mỗi người chúng ta thường không thể thiếu những câu chuyện cổ tích sinh động thú vị. Những nhân vật, tình tiết câu chuyện cảm động lòng người sâu sắc đáng yêu, đến nay vẫn còn in đậm trong tâm trí chúng ta. Chúng đã dạy chúng ta triết lý nhân sinh: làm người phải thành thực, thiện lương, chính nghĩa tất sẽ chiến thắng tà ác. Khi còn nhỏ, chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng những câu chuyện này đều là thật, và tưởng tượng rằng chúng ta đang ở trong thế giới cổ tích. Thế nhưng theo sự tăng trưởng của tuổi tác, chúng ta dần dần xem chuyện cổ tích là dành cho trẻ con, và càng không thể nghĩ tới rằng rất nhiều miêu tả trong truyện cổ tích đều thật sự tồn tại.

**“Bảy chú lùn” và phát hiện tiền sử**  
Bạn chắc chắn còn nhớ câu chuyện về công chúa Bạch Tuyết và bảy chú lùn, bảy anh bạn nhỏ nhắn tinh nghịch ấy có phải thật sự sống trong rừng sâu không?

Tạp chí Nature đã tiết lộ, một nhà khoa học trên một hòn đảo ở Indonesia đã kinh ngạc phát hiện bộ xương của một chủng người lùn đã tuyệt chủng. Bộ xương thuộc về một người nữ đã trưởng thành, dáng vẻ giống như người Hobbit trong phim “Chúa tể của những chiếc nhẫn”, cao khoảng 5 foot Anh, theo ước tính đã sống ở Đảo Flores 18.000 năm về trước. Đồng thời còn phát hiện một số mảnh xương, ước đoán thuộc về bảy cá thể khác nhau. Các nhà khoa học đã gọi quần thể tộc người mới phát hiện là “người Flores”, não của họ tương đương với một phần tư não của nhân loại hiện nay. Họ chế tạo công cụ bằng đá, biết dùng lửa, săn bắn tập thể. Điều thú vị là cư dân hiện

nay của Đảo Flores vẫn còn lưu truyền không ít truyền thuyết có liên quan đến người lùn. Hình dung người lùn của họ cao một mét, trên người có lông, có thể dùng một phương thức đặc biệt để “trò chuyện” với nhau.

Trên phương diện địa lý học có bằng chứng cho thấy, 12.000 năm trước một trận núi lửa dữ dội đã chôn vùi “người Flores” vào lịch sử nhân loại, các động vật đặc thù trên đảo cũng chịu số phận tương tự. Thế nhưng, các nhà khảo cổ học cho rằng, có thể người Flores không hề bị diệt vong hoàn toàn trong lần thiên tai đó, bởi vì theo truyền thuyết dân gian địa phương, mãi đến khi nhà thám hiểm người Hà Lan đến hòn đảo này hàng trăm năm trước, vùng đất này vẫn còn tồn tại người lùn, mà lần phát hiện gần đây nhất, được tin là vào 100 năm trước.

**“Nàng tiên cá”**

**và quốc gia cổ đại Atlantis**

Nàng tiên cá trong sáng và lương thiện dưới ngòi bút của Andersen đã cảm động chúng ta sâu sắc, tác giả đã viết họ sống ở thành phố được xây dựng từ những rặng san hô dưới đáy biển sâu, có thọ mệnh đạt 300 tuổi. Nơi sâu thẳm dưới biển đó có thật sự có người cư trú không? Từ rất lâu trong “Đối thoại Socratic” của Plato đã có miêu tả về Atlantis, đó từng là một lục địa vô cùng giàu có và đông đúc, sau này người ở đó đã trở nên hủ bại sa đọa, nên phải chịu sự trừng phạt nghiêm khắc của Thần Zeus. Trong truyền thuyết dân gian của châu Âu cũng lưu truyền câu chuyện như thế. Thời cận đại, có người đã phát hiện dưới đáy biển có tường thành, bến cảng, kim tự tháp, rõ ràng là di tích của một quốc gia cổ đại văn minh. Có thể cư dân Atlantis đã nhờ vào một phương thức đặc thù mà sinh tồn.

Liên Xô cũ từng tìm kiếm xác tàu đắm ở vùng biển ngoài khơi Cuba, nhưng không ngờ bắt được một người cá nhỏ, người cá này có hình dáng của một bé trai, trên thân mọc đầy vảy cá, có mang và màng chân. Điều khiến người ta kinh ngạc hơn là em nói bản thân em đến từ Atlantis, đó từng là một đại lục ở Đại Tây Dương, mấy triệu năm trước đã trầm xuống đáy biển. Họ sinh sống tại các rặng san hô và những thành phố được xây dựng bằng đá cẩm thạch, có thể sống 300 năm. Theo kỳ hạn, họ sẽ đến lục địa để biến thành hình dạng của con người.

Các nhà khoa học Liên Xô cũ đã nhốt người cá này trong một cơ sở nghiên cứu bí mật ở Biển Đen, từ đó trở đi cậu bé không bao giờ mở miệng nói nữa.

**Cô bé bán diêm và trải nghiệm cận tử**

Đêm trước khi chết, cô bé bán diêm không hề có cảm giác sợ hãi, mà cảm thấy ấm áp và tươi sáng. Đây là chỉ miêu tả cố ý của tác giả trong cổ tích hay là hiện tượng trải nghiệm cận tử thực sự của nhân loại?

Theo báo cáo của Công ty Truyền thông Hoa Kỳ (ABC), cựu tổng thống Mỹ Bill Clinton đã làm phẫu thuật tim. Khi trả lời phỏng vấn của phóng viên Diane Sawyer của chương trình “Primetime” – ABC, chính Clinton đã tự thuật lại thể nghiệm cận tử: “Trong bóng tối, tôi đã nhìn thấy một chiếc mặt nạ đen thui, giống như một chiếc mặt nạ chết đang muốn chụp vào mặt tôi. Vào đúng lúc ấy, tôi vừa nhìn thấy rất nhiều rất nhiều ống kính to lớn, trong ống kính tôi nhìn thấy hình ảnh của Hillary, hình như còn có con gái Chelsea của tôi. Cứ như thế, chiếc mặt nạ chết bị đuổi đi, sau đó hình ảnh của hai người họ dần dần rời xa, cuối cùng chìm vào bóng tối.”

Những người có trải nghiệm cận tử được cứu sống lại rất nhiều, bà Penny Sartori – y tá người Anh, đang tiến hành nghiên cứu về trải nghiệm cận tử của bệnh nhân được cứu sống trở lại trong phòng cấp cứu. Một lượng lớn những trường hợp mà bà Sartori thu thập được trong hơn năm năm vừa qua đều nói rõ, sau khi con người tử vong vẫn còn tồn tại theo một phương thức sinh mệnh nào đó. Hầu như tất cả bệnh nhân đều tường thuật lại một cách chi tiết, họ – “linh hồn xuất thân” lơ lửng bay lên không trung phòng cấp cứu như thế nào, quy trình mà các y tá, người vận chuyển, bác sĩ tiến hành cấp cứu cho họ ra sao. Miêu tả như thế từ vị trí thực tế mà họ đang nằm không thể nhìn thấy được. Rất nhiều người hình dung họ phiêu đảng trên một con đường ánh sáng thanh bình, sáng ngời. Con đường ánh sáng này lúc bắt đầu dường như đang mời gọi họ, nhưng cuối cùng lại bảo họ: “Hãy về đi!”

**Những bông hoa của bé Ida và thí nghiệm thực vật**

“Những bông hoa của bé Ida” đã miêu tả về một cô bé trộm nhìn thấy quá trình những bông hoa và đồ chơi trong nhà tổ chức vũ hội, những thực vật ấy không chỉ biết nói chuyện, biết khiếu vũ mà còn có tính cách khác nhau. Tuy nhiên chúng ta vẫn cho rằng thực vật là sinh mệnh cấp thấp không có tư duy, thế nhưng sự thực có phải như vậy không?

Một ngày năm 1966, chuyên gia kiểm tra nói dối người Mỹ Cleve Backster gần đây nổi tiếng lên là một cây ngưu thiết lan, ông muốn xem bộ phận rễ cây khi được tưới nước, qua một thời gian bao lâu thì có phản ứng. Cây sau khi hút nước sẽ tăng độ dẫn điện, điện trở sẽ giảm, đường cong ghi trên giấy đứng ra nên đi lên. Nhưng thực tế cái được vẽ ra là một đường răng cưa đi từ trên xuống. Khi máy dò nói dối được nối vào cơ thể người, nó sẽ dựa theo sóng cảm xúc của người mà vẽ ra những đường cong khác nhau.

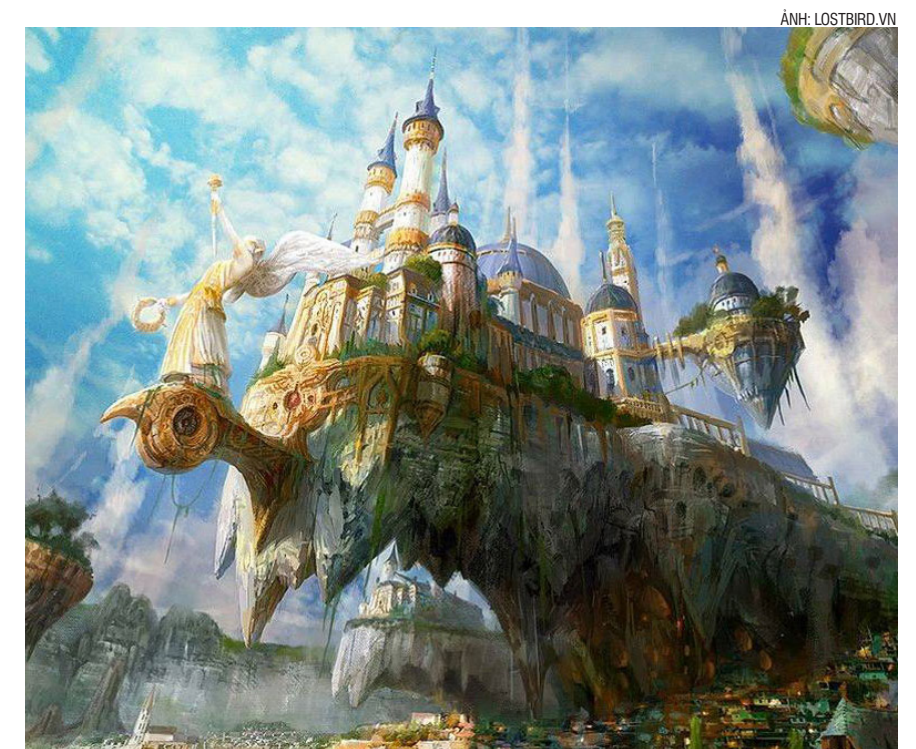
Phản ứng mà cây long huyết làm ra cũng nhìn giống như sóng cảm xúc của người. Xem ra thì thấy là nó đã uống nước nên trở nên cao hứng. Ông đã triển khai một loạt nghiên cứu như vậy, phát hiện thực vật cũng giống như người, có tư duy và cảm xúc phong phú, thậm chí là có một số công năng đặc dị.

Nghiên cứu của ông đã chấn động toàn thế giới. Đến tận ngày nay, các nhà khoa học vẫn không thể đưa ra giải thích hoàn chỉnh cho những hiện tượng này. Mà muốn tìm thấy đáp án của những câu đố của sinh mệnh,

giải thích đầy đủ những phát hiện khoa học này, con người tất phải thay đổi quan niệm cũ, và đứng từ một góc độ hoàn toàn mới để nhận thức sinh mệnh và tự nhiên.

Nếu như con người ôm giữ những quan niệm cố hữu, như thuyết tiến hóa, vô Thần luận, v.v. Thì sẽ không cách nào lý giải và tiếp thu được những hiện thực này, họ mới là thật sự sống trong “thế giới cổ tích” được cấu thành từ những thiên kiến của bản thân, không nhìn thấy thế giới rộng lớn chân thực, bao chứa vô số điều kỳ bí này.

Theo vn.minghui.org





# Thay đổi số mệnh một cách diệu kỳ

“Liễu Phàm Tứ Huấn” là một cuốn sách nổi tiếng của Trung Quốc. Tác giả có tên thật là Viên Hoàng, tên tự là Khôn Nghi (1533 – 1606). Ông là người huyện Ngô Giang, tỉnh Giang Tô, sống vào triều đại nhà Minh. Khi còn trẻ, ông đã được một vị cao nhân tiên đoán chính xác cả cuộc đời của mình, tuy nhiên sau này ông đã tự thay đổi được số mệnh.



ẢNH DHARMASITE.NET

C ha của Viên Liễu Phàm qua đời từ khi ông còn niên thiếu, mẹ ông khuyên con trai hãy từ bỏ việc tu học theo Nho giáo, thay bằng việc học nghề y để có thể kiếm tiền nuôi thân, lại vừa có thể cứu người.

Một hôm, ông đi đến chùa Từ Vân, gặp được một ông lão có tướng mạo phi phàm, phong thái phiêu nhiên như một vị Đạo Thần. Ông lão nói với ông: “Con có tướng làm quan. Sang năm, con có thể tham gia kỳ thi và được thăng quan tiến chức. Có sao con lại ngừng học?”

Viên Liễu Phàm liền kể lại chuyện nghe lời mẹ bỏ việc đọc sách thánh hiền để theo học nghề y. Ông lão tự xưng mình họ Khổng, là người tỉnh Vân Nam, từng được chân truyền phép xem số Hoàng Cực của tiên sinh Thiệu Khang Tiết đời nhà Tống. Ông nói rằng số mệnh của Viên Liễu Phàm đã định sẵn rồi, cần phải nói hết cho ông ta biết.

Viên Liễu Phàm liền thỉnh mời Khổng tiên sinh về nhà mình và đem mọi chuyện kể lại cho mẹ. Mẹ ông nói: “Nếu vị tiên sinh ấy tự xưng là người tinh thông tướng số, vậy hãy mời tiên sinh bói thử cho con, xem xem liệu những điều được tiên

đoán có chính xác hay không”. Kết quả, Khổng tiên sinh đều nói đúng, ngay cả những chi tiết nhỏ cũng cực kỳ chính xác. Tiếp đó, Khổng tiên sinh nói về số mệnh tương lai của Viên Liễu Phàm cát hung họa phúc ra sao, như là năm nào ông sẽ trúng tuyển, năm nào ông nên ra ứng thí Lãm Sinh, năm nào ông sẽ trở thành Cống Sinh, sau khi tốt nghiệp, ông sẽ làm quan huyện ở tỉnh nào. Lâm quan được ba năm rưỡi, Viên Liễu Phàm sẽ từ quan và về quê nhà. Cuối cùng, ông sẽ qua đời vào giờ Sửu ngày 14 tháng 8 âm lịch, hưởng thọ 53 tuổi. Đáng tiếc là trong mệnh ông đã định là sẽ không có con trai để nối dõi.

Viên Liễu Phàm ghi lại những lời của Khổng tiên sinh, thế là lại bắt đầu tiếp tục học hành. Từ đó về sau, hễ tham gia cuộc khảo thí nào thì thứ hạng của ông luôn đúng như lời Khổng tiên sinh đã dự đoán. Vốn đã được biết trước cả cuộc đời của mình, Viên Liễu Phàm trở nên an phận thủ thường. Khi được tiến cử làm Cống Sinh, theo quy định, ông sẽ đến học tại trường Quốc Học tại Nam Kinh. Trước khi đến trường Quốc Học, ông lên núi Tây Hà ở ngoại ô Nam Kinh bái kiến Vân Cốc thiền sư, là một vị cao tăng đắc Đạo.

Tại thiền phòng của Vân Cốc thiền sư, nhà sư kinh ngạc hỏi Viên Liễu Phàm: “Từ khi thi cử bước vào đây, bản tăng không hề thấy thí chủ khởi vọng niệm nào, đó là duyên có làm sao?”

Viên Liễu Phàm giải bày với thiền sư: “Số mệnh của tôi đã được Khổng tiên sinh đoán định chính xác rồi, lúc nào sinh, lúc nào tử, khi nào gặp vận, khi nào gặp hạn, đều đã biết trước cả rồi, chẳng có cách nào thay đổi được. Chính là vì tôi có muốn nghĩ ngợi lung tung thì cũng không ích lợi gì, cũng là mơ tưởng viễn vông cả, cho nên quả thực là tôi không nghĩ gì nữa, trong lòng cũng không còn vọng niệm gì”.

Vân Cốc thiền sư cười nói: “Tôi vốn nghĩ rằng ông là một hào kiệt hiếm có trên đời, giờ tôi mới biết hóa ra ông chỉ là một phàm phu tục tử tầm thường mà thôi”.

Viên Liễu Phàm hỏi thiền sư: “Tại sao lại như vậy?”

Vân Cốc thiền sư đáp: “Một người bình thường, thông thể nói rằng họ hoàn toàn không nghĩ những điều xấu; chẳng may có lúc không kiềm chế tham vọng lại được thì cũng vẫn bị vận mệnh trói buộc thôi; mà còn bị vận mệnh trói buộc thì làm sao nói đến chuyện vượt qua số mệnh? Tuy nói số mệnh đều là tiền định, nhưng chỉ những

người bình thường mới bị trói buộc vào số mệnh được an bài sẵn đó thôi. Nếu là người cực thiện thì số mệnh sẽ không thể trói buộc nổi người đó”.

Mở chương đầu tiên trong Kinh Dịch, thiền sư nói: “Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh” (Nhà mà làm việc thiện tích đức thì tất nhiên sẽ gặp nhiều điều tốt lành). Vì vậy, số mệnh của con người là có thể tự thay đổi được. Phật gia giảng con người cần phải hiểu thấu điều thiện và điều ác, dựa theo đó mà hành động. Số mệnh là do tự mình tạo, phúc là bởi tự mình cầu, kẻ làm ác tất sẽ tổn phúc đức, người tu thiện ắt sẽ được phúc đức. Điều trong các kinh thư thuở xưa đã nói, thật sự là lời giáo huấn rất giá trị, rõ ràng và chính xác. Trong kinh Phật, chúng ta cũng được dạy rằng: người như thế cầu phú quý ắt sẽ được phú quý, cầu con cái ắt sẽ có con cái, cầu trường thọ ắt sẽ được trường thọ!”

Những lời nói đó như đánh thức người trong mộng, Viên Liễu Phàm bắt đầu thay đổi. Kể từ đó về sau, ông ngày ngày trau dồi đức hạnh, dẫu là ở nơi không người cũng nhất định không làm gì đắc tội với đất trời. Khi gặp phải những người ganh ghét và phỉ báng mình, ông có thể thân nhiên như không, cũng không màng so đo tranh luận với họ.

Một năm sau lần gặp Vân Cốc thiền sư, ông tham dự kỳ thi Đình. Theo lời của Khổng tiên sinh, ông sẽ xếp hạng thứ ba trong kỳ thi này, vậy mà lạ kỳ thay ông lại đỗ đầu, lời của Khổng tiên sinh thực sự đã bắt đầu không còn linh nghiệm nữa. Khổng tiên sinh không bói được rằng Viên Liễu Phàm đỗ cao như vậy trong kỳ thi, những điều này vốn không có trong số mệnh của ông.

Sau đó, Viên Liễu Phàm phát nguyện sẽ làm 3.000 việc thiện. Qua hơn mười năm nỗ lực, ông



ẢNH: THEEPOCHTIMES.COM

đã hoàn thành được ước nguyện ấy, và kết quả là vợ ông sinh được một đứa con trai, đặt tên là Thiên Khải. Sau này, mỗi lần làm được một việc thiện, lúc nào ông cũng đều dùng bút ghi chép lại; vợ ông không biết viết chữ, mỗi lần chồng làm được một việc thiện đều dùng bút lông ngỗng mà vẽ một vòng tròn màu đỏ trên lịch, dẫu là phân phát lương thực cho người nghèo, hay là mua vật sống để phóng sinh thì đều nhớ ghi lại. Có khi một ngày đã hơn 10 vòng tròn đỏ, chính là một ngày mà làm được hơn 10 việc thiện. Mấy năm sau, đến năm Bình Tuất, ông tự nhiên lại thi đỗ tiến sĩ, bộ Lại bèn bổ nhiệm Viên Liễu Phàm làm chức quan huyện lệnh coi sóc huyện Bảo Trì, vậy là ông lại phát nguyện tiếp tục làm thêm một vạn điều thiện nữa.

Vợ ông thấy chồng mình bận bịu quá nhiều công vụ không có nhiều thời gian để làm việc thiện nên thường hay cau mày nói: “Thiếp thuở xưa ở nhà giúp chàng làm việc thiện mới có thể hoàn thành tâm nguyện làm 3 nghìn việc tốt. Bây giờ chàng lại nguyện sẽ làm một vạn việc tốt, nhưng đâu có được bao nhiêu việc tốt mà làm trên công đường, chẳng biết bao lâu nữa mới hoàn thành được tâm nguyện đây?”

Sau khi nghe vợ nói ra những suy nghĩ ấy, tối đó Viên Liễu Phàm nằm mơ thấy một vị thần.

Ông nói với vị thần ấy rằng tâm nguyện làm một vạn việc thiện thật khó hoàn thành được. Vị thần đáp: “Chỉ tính riêng việc ông lấy danh nghĩa là tri huyện mà giảm tiền thuế ruộng cho dân là đã làm được một vạn việc thiện rồi, đã hoàn thành tâm nguyện của ông rồi đó”.

Nguyên là ở huyện Bảo Trì, mỗi mẫu đất nông dân phải nộp thuế 2 phân 3 ly 7 hào. Viên Liễu Phàm nghĩ rằng người dân trăm họ phải đóng thuế quá nặng, vậy nên sau khi đi kiểm kê toàn huyện một lượt, ông quyết định mỗi mẫu ruộng sẽ chỉ phải đóng 1 phân 4 ly 6 hào.

Cả cuộc đời Viên Liễu Phàm không ngừng làm việc thiện, Khổng tiên sinh đoán rằng khi được 53 tuổi ông sẽ qua đời, nhưng tới tận năm 69 tuổi ông vẫn rất khỏe mạnh. Sau đó, Viên Liễu Phàm tiếp tục làm việc thiện trong suốt phần đời còn lại của mình. Ông đã lấy toàn bộ câu chuyện thay đổi vận mệnh mà bản thân đã tự thể nghiệm trong suốt cuộc đời để viết thành một cuốn sách nhỏ “Liễu Phàm Tứ Huấn”, truyền lại cho con trai mình là Thiên Khải và cho hậu thế.

Câu chuyện Viên Liễu Phàm tự mình thay đổi vận mệnh khiến chúng ta phải suy ngẫm. Trong văn hóa truyền thống Trung Quốc thì chủ đề chính yếu nhất đều là “thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo”. Nhìn lại trong sử sách, có vô số tiểu thuyết của người xưa đều ghi lại và trình bày đạo lý này, mà Viên Liễu Phàm chỉ là một người trong số đó. Ông đã lấy trải nghiệm thực tế của bản thân mà ghi chép lại, cho nên “Liễu Phàm Tứ Huấn” mãi cho đến ngày nay vẫn có sức ảnh hưởng lớn. Năm tháng đã trôi qua trở thành một mũi tên nhọn chọc thủng sự lừa dối của học thuyết vô thần.

Bài viết của Trương Hà





## PHÁP LUÂN THÁNH VƯƠNG

### truyền chính Pháp và độ nhân tại thế gian

Những bông hoa Ưu Đàm vẫn đẹp như ban đầu (ảnh chụp đầu tháng 6 năm 2021).

**Đ**oàn Nghệ thuật Thần Vận (Shen Yun Performing Arts) có trụ sở tại New York đã biểu diễn màn vũ đạo “Bà La hoa khai” trong show diễn năm 2009. Trên phong nền, một đóa hoa Ưu Đàm Bà La nở rộ từ lòng bàn tay một vị Phật, trong khi các thiên nữ xinh đẹp nhảy múa trên sân khấu. Các khán giả trên khắp thế giới đều say đắm và tán dương màn biểu diễn này.

Hoa Ưu Đàm Bà La được phát hiện lần đầu tiên tại Hàn Quốc vào năm 1997. Sau đó, hoa được thấy ở Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Bắc California, New York, Houston, Austin và các thành phố khác ở Mỹ.

Hoa Ưu Đàm Bà La chỉ nở một lần trong 3.000 năm. Vậy ngày nay hoa đang nở rộ khắp nơi có ý nghĩa gì?

Theo kinh Phật ghi lại: “Ưu Đàm Bà La” là chữ Phạn, có nghĩa là “loài hoa mang điềm lành từ Thiên Đàng”. Quyển 8 kinh «Huệ Lâm Âm Nghĩa» của nhà Phật viết: “Hoa Ưu Đàm do điềm lành linh dị sinh ra; đây là một loại hoa của Trời, trên thế gian không có. Nếu một đấng Như Lai hoặc Kim Luân Vương xuất hiện nơi thế gian con người, loài hoa này sẽ xuất hiện nhờ đại ân và đại đức của Ngài.” Tức là, theo kinh Phật, sự khai nở của hoa Ưu Đàm Bà La là dấu hiệu cho thấy Đức Chuyển Luân Thánh Vương đã tới thế giới con người. Từ rất lâu rồi, Phật Thích Ca Mâu Ni đã có dự ngôn tiết lộ thiên cơ rằng khi hoa Ưu Đàm Bà La khai nở là lúc Chuyển Luân Thánh Vương truyền Pháp độ nhân.

Hoa Ưu Đàm 3.000 năm khai nở một lần là một dấu hiệu cho thấy biến đổi của thiên

tượng. Nhiều lời tiên tri trong lịch sử cũng nói về thời kỳ hiện nay. Chẳng hạn, sách Khải Huyền trong Kinh Thánh nói rằng “Vua của các Vua” (vạn vương chi Vương) sẽ đến từ phương Đông. Cuốn sách tiên tri nổi tiếng “Các Thế Kỷ” (Centuries) của nhà tiên tri Nostradamus người Pháp, tiên tri của người Maya và thổ dân Hopi ở Bắc Mỹ, cũng như trận sóng thần tại Nam Á cuối năm 2004, hay hiện tượng các bức tượng thánh chảy máu trên khắp thế giới những năm qua — tất cả đều cảnh tỉnh con người về đại kiếp nạn có thể xảy ra trong tương lai.

Tiết mục cuối cùng trong chương trình biểu diễn Thần Vận năm 2012 — “Thần đang giải cứu trước nguy nan”— mô tả trận chiến giữa Thiện và Ác từ xa xưa mãi cho tới hôm nay, tức thời khắc cuối cùng. Khi đại kiếp nạn đang đến gần, con người đã mất hết hy vọng, thì vị Phật Chủ đã tới, xoay Chuyển Pháp Luân và cứu chúng sinh. Những ai có tâm lương thiện sẽ thoát chết trong thảm họa. Cổng trời khai mở và chúng Thần quy vị.

Ông Luke Wilbur, chủ tịch tập đoàn DC Pages, đã đến xem buổi diễn cuối cùng của Thần Vận mùa hè này tại Nhà hát Kennedy Center Opera House vào ngày mừng 1 tháng 4. Ông nói: “Thông điệp truyền tải bởi Thần Vận là mang tính phổ quát. Ở phương Đông, người ta tin vào Phật Thích Ca Mâu Ni và luân hồi; trong khi ở phương Tây, họ tin vào Chúa và hy vọng được trở về Thiên Đàng. Nhưng tôi tin rằng có một vị Chúa Sáng Thế cao hơn tất cả những vị Thần này. Bởi vậy khi tôi thấy lời bài hát, “Thánh Vương đã đến thế gian”, tôi cảm động từ tận đáy lòng.



Trích tranh màu nước: “Pháp Chính Càn Khôn” của Trần Chính Bình, 2004.

Cả thân thể tôi đều chấn động! Tôi tin rằng Thánh Vương đã đến thế gian con người. Tôi có thể cảm nhận sự hiện diện của Ngài và tôi tin vào uy lực của Ngài!”

“Sau khi xem xong Thần Vận, tôi bắt đầu không ngừng ngẫm lại về các câu hỏi này. Có phải thời gian Chúa Sáng Thế cấp cho con người đã hết, và thời khắc cuối cùng đã tới ngay trước mắt chúng ta chăng? Phải chăng toàn thể vũ trụ đang đi vào sự tái sinh? Tôi tin là như vậy, và tất cả những điều này đều nằm trong tầm kiểm soát của Chúa Sáng Thế. Mọi thứ trong vũ trụ đang tái sinh, và các phương thức mới về nhận thức sự vật sẽ xuất hiện. Mọi người sẽ được truyền cảm hứng về tâm linh và trở về vị trí tối hậu của mình. Vào thời điểm này, khi vũ trụ đang trải qua quá trình tái tạo, chúng ta đều là bình đẳng và đợi Thánh Vương tới cứu chúng ta. Thánh Vương đã cấp cho mỗi chúng ta cơ hội lựa chọn, và lựa chọn gì là ở chúng ta — lựa chọn khác nhau sẽ dẫn tới hậu quả khác nhau.”

Ni cô Pháp Vân đã nghiên cứu lý luận Phật giáo và nghệ thuật trong hơn 20 năm. Cô có một hiểu biết sâu sắc về âm nhạc Phật giáo, vũ đạo và các lĩnh vực nghệ thuật khác. Kể từ khi Đoàn Nghệ thuật Thần Vận tới biểu diễn tại Tây Canada vào cuối tháng 4 năm 2008, Pháp Vân đã theo tua diễn từ Vancouver tới Calgary và rồi tới Edmonton, và tham dự tổng cộng 11 buổi biểu diễn liên tiếp.

Pháp Vân nói: “Tôi đã xem rất nhiều buổi diễn, và tôi vẫn có nhiều câu hỏi, tại sao tiết mục này lại được sắp xếp làm tiết mục mở đầu? Tại sao các tiết mục tiếp theo lại được xếp theo thứ tự này? Đây không phải là một

suy nghĩ đơn giản của con người. Có những ngụ ý sâu sắc ẩn trong đó.”

“Nhận thức của tôi là tiết mục đầu tiên nói cho người ta mục đích chính của toàn buổi diễn. Đó là, từ rất lâu rồi, chúng Thần và chúng Phật đã theo ‘vạn Vương chi Vương’ xuống thế gian để cứu thế và làm Vua trong một nghìn năm. Toàn bộ lịch sử và văn hóa của một nghìn năm này được tiết lộ trong diễn xuất Thần Vận. Chỉ trong vòng 2 giờ, từ các triều đại Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh cho tới thế kỷ 21 này, diễn xuất của Thần Vận đã triển hiện lịch sử, văn hóa và nghệ thuật của các thời kỳ khác nhau trong một màn diễn hoàn chỉnh. Nhưng mỗi tiết mục lại thật đẹp đẽ và tinh mỹ. Không ai đã từng làm điều này trước đây, từ cổ đại đến ngày nay, và nó cũng là thứ gì đó không ai khác có thể làm. Tôi không khỏi kinh ngạc và ngưỡng mộ trí tuệ cao

siêu như vậy.”

“Theo kinh Phật, khi hoa Ưu Đàm Bà La khai nở, đó là lúc vị Phật tương lai, hay Chuyển Luân Thánh Vương hạ thế độ nhân. Thực ra, mọi người đều biết rõ về điều này và những ai tu Đạo cũng đều chờ đợi thời khắc này. Chỉ là họ không biết ở đâu, và khi nào điều này xảy ra, và đều chờ đợi trong mê man. Chúng ta đều không biết rằng hoa Ưu Đàm Bà La đã nở tại nhiều nơi trên khắp thế giới, và rằng vị chân Phật đã ở ngay bên cạnh chúng ta. Tôi chỉ có thể nói rằng đó là nghiệp chướng đã ngăn cản chúng ta biết thông tin, và đó là sự bất hạnh của chúng ta.”

“Nhưng ân đức của Phật là vô bờ bến! Phật đang dùng các phương thức khác nhau để hoán tỉnh tâm của chúng sinh. Ngài đang dùng Thần Vận, hình thức nghệ thuật thần thánh này, để triển hiện Phật Pháp. Chỉ cần bạn đến và xem Thần Vận, bạn sẽ tìm được những thứ mà bạn cần và bạn sẽ đắc độ.”

“Thần Vận đã đánh một dấu mốc trên sân khấu quốc tế. Nó thực sự là một ngọn đèn dẫn dắt con người tới một tương lai tươi sáng. Tôi đã xem rất nhiều buổi diễn và tôi cảm thấy diễn xuất Thần Vận triển hiện từ bi vĩ đại của Phật. Tôi có thể cảm nhận sự huy hoàng của Ngài. Tôi tin rằng trong tương lai, Thần Vận nhất định sẽ là nguồn chủ yếu để cứu chúng sinh. Do đó tôi hy vọng Phật quang của Thần Vận sẽ tỏa sáng khắp năm châu, và con người sẽ đi theo ánh sáng này để đắc độ.”

“Qua Thần Vận, tôi biết được rằng vị Phật vĩ đại đang ở ngay bên cạnh tôi. Đó thực sự là Phật ân hạo đẳng! Hỡi vị Phật vĩ đại! Con chỉ có thể cảm ân Ngài!”

Bài viết của Đức Nguyên



# HOA ƯU ĐÀM 3.000 NĂM NỞ MỘT LẦN nay đang khai nở nói với chúng ta điều gì?

**T**ruuyền thuyết kể rằng hoa Ưu Đàm Bà La (Udumbara, gọi tắt là hoa Ưu Đàm) 3.000 năm mới nở một lần. Đáng chú ý là trong những năm gần đây, hoa Ưu Đàm đã được nhìn thấy khai nở ở nhiều nơi trên thế giới, mang truyền thuyết trở thành hiện thực, đã khiến hàng ngàn người chứng kiến cảm thấy vô cùng kinh ngạc và thích thú.

Hoa Ưu Đàm nở đã được trông thấy lần đầu tiên tại Hàn Quốc vào năm 1997. Những bông hoa sau đó đã được tìm thấy tại Trung Quốc đại lục, Hồng Kông, Đài Loan, Bắc California, New York và Texas, Việt Nam...

ẢNH CHANHKIEN.ORG



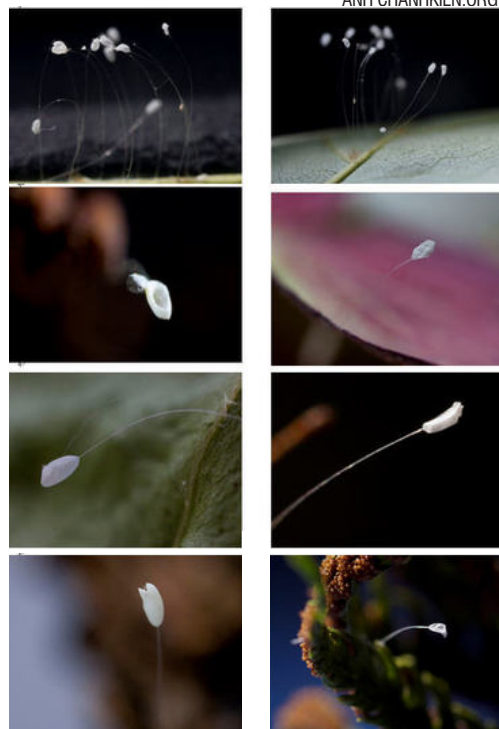
Hoa Ưu Đàm nở trên chấu hoa lớn tại nhà học viên Pháp Luân Công Singapore.

ẢNH: VN.MINGHUI.ORG



Những bông hoa Ưu đàm được nhìn thấy trên mặt tượng Bồ Tát tại Chùa Sumi Zen, Suncheon, Hàn Quốc.

ẢNH CHANHKIEN.ORG



Hoa Ưu Đàm nở tại một điểm luyện Pháp Luân Công ở Flushing, New York.

ẢNH CHANHKIEN.ORG



Hoa Ưu Đàm Bà La khai nở trên lá cây ngà voi ở Quảng Ngãi, Việt Nam.

ẢNH: ZHENSHANRENART.COM



"Sự Giảng Lâm Của Đức Pháp Luân Thánh Vương".  
Tranh Triển lãm Nghệ Thuật Chân-Thiện-Nhân

“

Theo Kinh Phật ghi chép, “Ưu Đàm Bà La” trong tiếng Phạn, có nghĩa là “một loài hoa mang đến điềm lành từ Thiên đàng.” Quyển 8 Kinh “Huệ Lâm Âm Nghĩa” của nhà Phật viết: “Hoa Ưu Đàm do điềm lành linh dị sinh ra; đây là một loài hoa của Trời, trên thế gian không có. Nếu một đấng Như Lai hoặc Chuyển Luân Thánh Vương hạ xuống thế gian con người, loài hoa này sẽ xuất hiện nhờ đại ân và đại đức của Ngài.” Kinh “Phật Vô Lượng Thọ” cũng ghi lại rằng “con người sẽ phát hiện ra rằng hoa Ưu Đàm là một dấu hiệu tiên tri”. Sự khai nở của hoa Ưu Đàm, một sự kiện hy hữu chỉ xảy ra 3.000 một lần, là một dấu hiệu cho thấy thời kỳ Phật Pháp hồng truyền tại nhân gian để độ nhân đã bắt đầu.





[Chúc mừng Ngày Pháp Luân Đại Pháp Thê giới]  
Tranh vẽ: Thông điệp "Pháp Luân Đại Pháp hảo".  
Dòng chữ trên núi ghi "Pháp Luân Đại Pháp hảo"